

PHƯỚC ÂM YẾU CHỈ

(Bài học Giáo Lý Căn Bản
dành cho tân tín hữu)

SÁCH THAM KHẢO

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Lời giới thiệu

Tập sách này dùng để tham khảo cho giáo viên lẫn học viên. Riêng giáo viên, cần tham khảo thêm nhiều tài liệu khác để làm phong phú cho bài học hầu có thể dạy tốt hơn.

Vài lưu ý dành cho giáo viên:

- Không nên dạy theo lối áp đặt niềm tin mà chỉ nên trình bày niềm tin của Tin Lành theo Kinh Thánh, cần giúp học viên đối chiếu với niềm tin cũ của họ để học viên tự nhận ra niềm tin nào là chân lý và quyết định tin theo. Vì vậy, nên khuyến khích học viên mạnh dạn trao đổi, nêu thắc mắc để làm sáng tỏ vấn đề.

- Cần nhớ học viên là người mới tin Chúa, nên lưu ý có những từ ngữ rất quen thuộc với chúng ta nhưng lại rất lạ với học viên, ví dụ Đấng Trung Bảo, Giê-hô-va, Christ, đi nhóm, nhưng không, Ê-díp-tô... Khi gặp những từ ngữ như vậy, cần giải thích cặn kẽ để học viên có thể hiểu rõ.

- Trước khi bắt đầu bài mới, nên dành vài phút ôn lại những điểm chính của bài cũ.

Lưu ý những bài học dài, nên dạy trong 2 tuần để có thể trình bày đầy đủ và chi tiết hơn.

Trong sách này, phần in chữ đứng là nội dung của bài học PHƯỚC ÂM YẾU CHỈ. Phần *chữ nhỏ in nghiêng* là phần tham khảo, giải thích thêm. Mỗi bài đều có mục đích, giáo viên cần trình bày, giải thích và giúp học viên khẳng định niềm tin của mình theo mục đích của từng bài học.

MỤC LỤC

PHẦN I: NIỀM TIN CĂN BẢN

- ◆ Bài 1: Đức Chúa Trời *trang...*
- ◆ Bài 2: Kinh Thánh
- ◆ Bài 3: Sự Sáng Tạo và Con Người
- ◆ Bài 4: Chúa Cứu Thế Giê-xu
- ◆ Bài 5: Tội Lỗi và Sự Cứu Chuộc
- ◆ Bài 6: Đức Thánh Linh

PHẦN II: THỜ PHƯỢNG VÀ SINH HOẠT CỦA TÍN ĐỒ

- ◆ Bài 7: Sự Cầu Nguyện
- ◆ Bài 8: Sự Thờ Phụng Đức Chúa Trời
- ◆ Bài 9: Mười Điều Răn
- ◆ Bài 10: Sự Dâng Hiến
- ◆ Bài 11: Hội Thánh và Các Thánh Lễ
- ◆ Bài 12: Sứ Mệnh Truyền Bá Phúc Âm

PHẦN III: TƯƠNG LAI

- ◆ Bài 13: Thiên Đàng và Hỏa Ngục
- ◆ Bài 14: Sự Tái Lâm của Chúa Giê-Xu

Các bài học thuộc lòng:

- * Tóm tắt Mười Điều Răn
- * Bài Cầu Nguyện Chung
- * Bài Tín Điều Các Sứ Đồ
- * Bài hát Ha-lê-lu-gia
- * Bài hát Tôn Vinh Chân Thân

PHẦN I

NIỀM TIN CĂN BẢN

Bài 1

ĐỨC CHÚA TRỜI

Câu gốc: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người” (Mác 12:30).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) khẳng định niềm tin có Đức Chúa Trời. (2) Hiểu rõ Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào. (3) Thái độ phải có đối với Ngài.

Giới thiệu câu gốc:

Trong bài học đầu tiên, chúng ta sẽ tìm hiểu về Đức Chúa Trời, **CÂU GỐC** của học này được trích từ trong Kinh Thánh sách Phúc Âm Mác, chương 12, câu số 30.

Để dễ tìm câu Kinh Thánh trong sách, mỗi khi trích dẫn một câu từ Kinh Thánh, bài học luôn kèm theo một địa chỉ để có thể tìm ra câu Kinh Thánh đó dễ dàng.

Câu gốc là câu nền tảng, gói gọn nội dung của bài học. Vì vậy học viên nên học thuộc lòng câu gốc để có thể nhớ bài học dễ dàng hơn.

Nội dung câu gốc của bài học số 1: Đề cập đến bốn phạm của chúng ta với Đức Chúa Trời. Ngài không đòi hỏi chúng ta dâng của lễ bằng vật chất nhưng Chúa muốn chúng ta kính mến (kính trọng và yêu mến) Ngài hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức.

Mở đầu: Vài tư liệu để dẫn đến bài học:

Đức Chúa Trời trong suy nghĩ của người Việt Nam

1. Thờ bần thiên

Dân tộc Việt còn rất nhiều nhà có bàn thiên trước ngõ, coi đó như là thờ Đức Chúa Trời. Trong thâm tâm, người dân có ý tốt muốn thờ phượng Đức Chúa Trời, nhưng cách thờ phượng hoàn toàn không đúng. Đức Chúa Trời là Chúa của vũ trụ và muôn loài vạn vật, nên chúng không thể đặt Ngài trên một tấm gỗ hay tấm bê tông để ngoài trời bụi bặm với chút nước, muối, gạo, bó hoa héo tàn với mấy cây nhang! Vì hiểu chưa đúng nên tuy có tấm lòng, mà thờ phượng vẫn sai lạc.

2. Đức Chúa Trời như hung thần

Khi ai làm sai, làm điều ác, người ta thường nói “Trời phạt, trời trả báo, trời hại, trời hành...”. Người ta sợ Đức Chúa Trời nhưng không dám gần Đức Chúa Trời vì đã nghĩ rằng Ngài như một hung thần.

3. Đức Chúa Trời như thần hộ mệnh

Khi gặp nguy hiểm, khi gặp nạn người ta cầu trời, vái trời, xin trời phù hộ cho tai qua nạn khỏi... Còn khi sống bình an thì chẳng ai nghĩ đến trời. Như vậy, người ta quan niệm Trời chẳng khác nào ông thần đèn, chỉ để kêu cầu khi nào cần đến mà thôi.

5. Không có Đức Chúa Trời, vì theo thuyết tiến hóa

Ở đây xin được chỉ ra một số sai lầm của thuyết tiến hóa chứ không đi sâu vào lĩnh vực khoa học. Trước hết đây chỉ mới là một thuyết chứ không phải định luật. Thuyết thì có thể sai lầm, chúng ta

cũng đã biết một thuyết mới đánh đổ thuyết cũ là chuyện bình thường, như thuyết hình thành vũ trụ của Laplace tồn tại một thời gian dài ở thế kỷ thứ 19, nhưng đến giữa thế kỷ thứ 20 người ta phát hiện giả thuyết này bộc lộ nhiều sai lầm. Cho đến nay nhiều giả thuyết khác ra đời đã đánh đổ thuyết Laplace, để nổi học sinh sinh viên ngày nay hầu như không ai biết đến thuyết Laplace nữa.

Thuyết tiến hóa ra đời năm 1859 từ cuốn sách của Darwin có tựa là “Nguồn gốc của các loài” đã đưa ra một số chứng cứ của tiến hóa vi mô, cho thấy rằng một số loài mới có thể xuất hiện từ loài có trước qua quá trình chọn lọc tự nhiên. Bởi vì thiên nhiên có khuynh hướng lựa chọn những thay đổi có lợi nhưng đào thải những thay đổi không có lợi. Từ đó Darwin đưa ra lập luận tiến hóa vĩ mô cho rằng các chủng loại phức tạp được hình thành từ hợp chất vô cơ đơn giản qua quá trình tiến hóa lâu dài dưới tác động của chọn lọc tự nhiên, và với thời gian đủ lâu, chọn lọc tự nhiên có thể dần dần đem lại sự khác biệt giữa mọi chủng loại của thế giới sống.

Trong “Nguồn gốc các loài”, Darwin công nhận có những cách biệt rất to lớn giữa các chủng loại từ những di tích hóa thạch được tìm thấy trong thời ông nhưng cho rằng đó là vì di tích hóa thạch trong thời ông chưa được đầy đủ. Tuy nhiên sau hơn một thế kỷ rông rã tìm kiếm, các nhà tiến hóa vẫn không lấp được những khoảng trống còn thiếu của thuyết Darwin nêu ra. Ngược lại, các di tích hóa thạch được tìm thấy cho biết các loài mới xuất hiện một cách đột ngột.

Có người hỏi, nếu con mắt tiến hóa từ đơn giản tới phức tạp như ngày nay, thì phải chăng lúc đầu loài vượn người bị mù, rồi từ từ vài thế kỷ sau thấy mờ mờ, rồi cả triệu năm sau mới thấy rõ? Nếu vậy thì loài vượn người chắc đã tuyệt chủng từ lâu chứ làm sao có thể tồn tại để tiến hóa? Dĩ nhiên thuyết tiến hóa có những giải thích đại để như có thứ thì tiến hóa, còn có thứ đột biến... nhưng thật ra tất cả cũng chỉ là một thuyết mà thôi.

6. ĐCT là Ngọc Hoàng Thượng đế:

Tra xem sử nhà Tống của Trung Quốc, Ngọc Hoàng vốn tên là Trương Nghi, người huyện Hành Đường, phủ Chân Định, sanh ra cuối đời nhà Hán. Trương Nghi học đạo Lão Tử, ở ẩn trong núi Võ Dương, hái thuốc luyện đan, và chữa bệnh. Đến đời vua Huy Tôn nhà Tống, có thuật sĩ tên là Lâm Linh Tố, cũng học đạo Lão Tử, lừa dối nhà vua phong cho ông Trương Nghi là Ngọc Hoàng Thượng Đế, giáng chiếu bắt thiên hạ thờ phượng. Vua làm như thế, có ý mong Ngọc Hoàng phù hộ cho nước được bền vững lâu dài; nào ngờ phong Trương Nghi chưa được bao lâu, cả nhà cha con, vợ chồng vua Huy Tôn bị người nước Kim bắt đem đi, rồi sau chết tại thành Ngũ Quốc.

Người nước ta ngày trước học sách Trung Quốc, hễ thấy thờ thì thờ, không xem xét kỹ càng; vì có tập quán không dám cãi lại sách vở, nên có nhiều người lầm tưởng rằng thờ Ngọc Hoàng tức là thờ Đức Chúa Trời (Thượng Đế) vậy. Thật ra Ngọc Hoàng chỉ là tước hiệu của một viên quan người Trung Quốc mà thôi.

Riêng học viên hiểu Đức Chúa Trời như thế nào? Những bài học sau đây sẽ từng bước trình bày về Đức Chúa Trời theo Kinh Thánh bày tỏ qua những câu hỏi đáp để học viên đối chiếu và suy nghĩ về niềm tin của mình trước đây với niềm tin Tin Lành.

1. Hỏi: Đức Chúa Trời là Ai?

Đáp: Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo trời đất, vạn vật, loài người và bảo tồn tất cả. Chúng ta đã từng tôn xưng Ngài là Đấng Tạo Hóa, là Thượng Đế, là Ông Trời.

Nê-hê-mi 9:6 “Ôi! Chỉ một mình Chúa là Đức Chúa Trời có một không hai; Chúa đã dựng nên các tầng trời, cùng toàn cơ binh của nó, trái đất và các vật ở trên nó, biển và muôn vật ở dưới nó; Chúa bảo tồn những vật ấy, và cơ binh của các tầng trời đều thờ lạy Chúa.”

Hê-bơ-rơ 3:4: “Chẳng có một cái nhà nào không phải bởi có người dựng nên; mà Đấng đã dựng nên muôn vật, ấy là Đức Chúa Trời.”

Cần phân biệt từ “dựng nên” và “phát minh”. “Dựng nên” hay “sáng tạo” là làm ra từ chỗ không có; còn “phát minh” hay “sáng chế” là chế tạo ra cái mới từ những nguyên liệu có sẵn.

Chúng ta cần phân biệt: Đức Chúa Trời sáng tạo chứ không sáng chế.

Trong loạt bài học “Giáo lý căn bản” này, chúng ta thống nhất Danh xưng Đức Chúa Trời chứ không gọi là Ông Trời hay Thượng Đế vì rất dễ hiểu lầm như sau:

- **Ông Trời:** Khi nhìn lên bầu trời mênh mông, nhìn núi rừng, biển cả, con người cảm thấy mình nhỏ bé, mong manh, nên nhiều người cho rằng có một ông Trời, là Đấng cao cả quyền năng, ở trên bầu trời cao đó. Thật ra không phải vậy, vì ngày nay nhiều nước phóng tên lửa ra khỏi bầu trời, máy bay bay cao hơn những đám mây, nhưng chẳng thấy ông Trời đâu cả.

Đây là một sự hiểu biết rất hạn hẹp về Đức Chúa Trời, vì đã gọi là ông Trời thì có thể có bà Trời! Vì vậy trong các dịp tết, trên truyền hình thường chiếu cảnh Ngọc Hoàng có Hoàng hậu ngồi kế bên! Trong quan niệm dân gian, người ta vẫn nghĩ ông Trời là Đức Chúa Trời, tuy nhiên cách hiểu này chưa đúng và chưa trọn vẹn về Đức Chúa Trời.

- **Thượng đế:** Trong những năm gần đây, trong lĩnh vực kinh doanh và báo chí trên đất nước chúng ta, người ta đã dùng cụm từ “khách hàng là thượng đế”, cách dùng từ này vô tình đã xúc phạm đến niềm tin của Cơ Đốc Giáo mà chỉ có ở Việt Nam mới dùng như vậy. Thật ra, chữ thượng đế trên không đồng nghĩa với Đức Chúa Trời. Vì khi gọi khách hàng là thượng đế thì thượng đế của họ có nghĩa là đối tượng khai thác để đem lại lợi nhuận cho họ chứ không phải đối tượng để họ kính trọng, tôn thờ.

Kinh Thánh cho biết: Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên vũ trụ và muôn loài vạn vật, trong đó có chúng ta; đồng thời Ngài vẫn tiếp tục bảo tồn tạo vật Ngài dựng nên. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa.

Những câu hỏi đáp tiếp theo đây sẽ cho thấy Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào.

2. Hỏi: Đức Chúa Trời từ đâu mà có?

Đáp: Ngài là Đấng Tự Hữu và Hằng Hữu, vốn có từ trước vô cùng và còn cho đến đời sau vô tận. Ngài là Đầu Tiên và Cuối Cùng, là Đấng Đời Đời.

Tự hữu hằng hữu có nghĩa là tự có và hằng có. Đức Chúa Trời là Đấng tự có, tự hiện hữu và hằng có đến đời đời.

Khải Huyền 1:8: “Chúa là Đức Chúa Trời, Đấng Hiện Có, Đã Có, và Còn Đến, là Đấng Toàn Năng, phán rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga.”

An-pha và Ô-mê-ga là 2 mẫu tự đầu tiên và cuối cùng của bảng chữ cái Hy Lạp, giống như chữ A và chữ Y trong bảng chữ cái tiếng Việt vậy.

Có người nói: “Bất kỳ cái gì cũng phải có nguyên nhân, Đức Chúa Trời dựng nên muôn loài vạn vật, vậy ai dựng nên Đức Chúa Trời?”

Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Đấng Đầu Tiên (theo định nghĩa là đời đời), vì vậy không ai tạo ra Ngài hết. Nghĩa là Ngài tự hiện hữu.

Nếu Đức Chúa Trời cũng là một tạo vật được sáng tạo, vậy Ngài không thể là căn nguyên được, Ngài cũng chỉ là kết quả mà thôi. Nếu như vậy thì Ngài sẽ không thể là Đức Chúa Trời được.

Thật ra, câu hỏi “Ai sinh ra, hay dựng nên Đức Chúa Trời?” là một câu hỏi sai từ câu hỏi, vì nếu có một “Đấng nào đó” sinh ra, hay dựng nên Đức Chúa Trời, thì chính “Đấng nào đó” mới là Đức Chúa Trời.

Như vậy đã là Đức Chúa Trời thì Ngài phải là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu.

3. Hỏi: Người ta có thể thấy Đức Chúa Trời không?

Đáp: Mắt của thân thể chỉ có thể thấy những sự vật hữu hình. Nhưng chúng ta còn có mắt tâm linh để có thể thấy những sự kiện vô hình. Đức Chúa Trời thực hữu trong cõi tâm linh, nên con người chỉ có thể nhận biết sự hiện diện vinh quang của Ngài bằng mắt tâm linh.

2 Cô-rinh-tô 4:4, 6: “Cho những kẻ chẳng tin mà chúa đời này đã làm mù lòng họ, hầu cho họ không trông thấy sự vinh hiển chói lói của Tin Lành Đấng Christ, là ảnh tượng của Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời, ... đã làm cho sự sáng Ngài chói loà trong lòng chúng tôi, đặng sự thông biết về vinh hiển Đức Chúa Trời soi sáng nơi mặt Đức Chúa Giê-xu Christ”.

Trong thực tế, có rất nhiều thứ chúng ta không thấy nhưng vẫn tin, tình yêu chẳng hạn, không ai thấy và cũng không ai định nghĩa được tình yêu, nhưng ai cũng biết và kinh nghiệm được tình yêu.

Không ai thấy dòng điện chạy từ nhà máy phát điện đến bóng đèn như thế nào, nhưng ai cũng tin có dòng điện và bởi vì tin nên dù không hiểu biết gì về dòng điện hay phương thức phát điện, thì chúng ta cũng đưa tay lên bật công tắc đèn khi trời tối...

Đức Chúa Trời thực hữu trong cõi tâm linh, nên con người chỉ có thể nhận biết sự hiện diện vinh quang của Ngài bằng mắt tâm linh.

4. Hỏi: Không thấy Đức Chúa Trời mà tin thì có hợp lý không?

Đáp: Rất hợp lý, vì Ngài là Đấng Thần Linh, nên chúng ta không thể thấy được bằng mắt trần. Nhưng Ngài đã tự bày tỏ chính mình Ngài qua ít nhất là 4 nguồn sau đây:

(1) Qua Lương tri

Lòng tin nơi Đức Chúa Trời là một nhận thức bẩm sinh, có sẵn trong bản chất con người. Ngay cả những người không tin, trong lúc lâm nguy, tuyệt vọng vẫn thường kêu cứu với Ngài (kêu Trời).

Con người sinh ra ở đời, không phân biệt dân tộc nào, nước nào, hầu như ai cũng đều nhận biết có Đức Chúa Trời. Không khí chúng ta thở, nước chúng ta uống, thực phẩm chúng ta ăn, sức khỏe, tri thức, tình cảm chúng ta có... thay thế đều do Đức Chúa Trời tạo dựng và ban cho. Vì vậy ở bất kỳ nơi nào, thuộc bất cứ thời đại nào, dù văn minh hay sơ khai, dù trí thức hay ít học, con người đều tự nhiên tin có Đức Chúa Trời.

Ca dao Việt Nam có bài:

*Lạy Trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày,
Lấy đầy bát cơm,
Lấy rom đun bếp...*

Đại thi hào Nguyễn Du viết trong truyện Kiều:

*Ngẫm hay muôn sự tại Trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân,
Bắt phong trần phải phong trần,
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.*

Từ đó cho thấy việc nhận biết về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời vô hình, là điều tự nhiên vốn có trong tâm trí loài người.

Kinh Thánh dạy: “*Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: Không có Đức Chúa Trời*” (Thi Thiên 53:1)
“*Cảm tạ Chúa vì con đã được dựng nên cách đáng sợ lạ lùng, công việc Ngài thật quá diệu kỳ, lòng con biết rõ lắm*” (Thi Thiên 139:14)

(2) Qua Tạo vật (Sáng Thế Ký 1:1; Rô-ma 1:20)

Nhìn tạo vật chúng ta biết có Đấng Sáng Tạo. Nhìn một công trình kiến trúc đẹp chúng ta biết có bàn tay vẽ kiêu của kiến trúc sư, mặc dù chúng ta không thấy và không quen biết vị kiến trúc sư đó. Công trình càng tuyệt hảo thì chúng ta nghĩ kiến trúc sư đó càng tài giỏi.

Nhìn lên thiên nhiên vũ trụ có sự tuần hoàn vô cùng trật tự và chính xác, ai cũng nhìn nhận rằng phải có một Đấng Tạo Hóa cực kỳ thông minh, quyền năng đã dựng nên và sắp đặt mọi vật như thế. Trái đất và các tinh tú vận hành theo một quỹ đạo nhất định trong không gian không sai lệch; trái đất với không khí bao trùm thật lạ lùng v.v... Vũ trụ quả là một công trình sáng tạo lớn lao kỳ diệu của Đức Chúa Trời, thật chúng ta không tưởng nổi. Nếu chúng ta không thể nói cái đồng hồ tự nhiên mà có thì chúng ta lại càng không thể nói vũ trụ cực kỳ tinh vi này tự nhiên mà có được.

Kinh Thánh cho biết: “*Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời công bố công việc tay Ngài làm*” (Thi Thiên 19:1)

Chuyện kể rằng: Nhà bác học Newton là người tin Chúa nên các nhà bác học vô thần nhạo báng ông. Ông không nói gì mà chỉ lặng lẽ làm một mô hình hệ thống Mặt Trời, trái đất, mặt trăng để trên bàn làm việc, khi ông quay lên thì chúng chuyển động nhịp nhàng, trái đất quay quanh mặt trời, mặt trăng quay quanh trái đất..., rất đẹp và rất giống thật. Một hôm có mấy người bạn vô thần đến thăm, họ khen mô hình đẹp quá và hỏi rằng: "Ai đã làm nên mà hay quá vậy?" Newton cười hóm hỉnh trả lời "Tự nhiên mà có đấy thôi!". Các bạn cho là ông đùa, không tin. Newton lúc ấy mới trả lời: "Chỉ là một mô hình vũ trụ nhỏ bé mà các ông tin phải có người làm ra. Thế thì tại sao cả một vũ trụ vĩ đại chuyển động nhịp nhàng này các ông lại tin tự nhiên mà có, không cần Đấng Sáng Tạo?"

Ngắm nhìn cây cỏ đâm chồi nảy lộc, nhìn biển cả mênh mông với sóng vỗ ngày đêm, nhìn chim chóc hót vang, hoa nở muôn màu tươi thắm, nhìn sự kỳ diệu của cơ thể con người, của bàn tay, của trái tim, của bộ não v.v... thì thật vô cùng hợp lý để khẳng định rằng phải có một Đấng Tạo Hóa vô cùng thông minh, quyền năng sáng tạo nên.

(3) Qua Chúa Cứu Thế Giê-xu:

“*Ấy chính Ngài (Chúa Giê-xu) là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được...*” (Cô-lô-se 1:15)

Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời giáng thế làm người để giải bày về Đức Chúa Trời cho loài người biết, vì vậy qua Ngài chúng ta biết và tin Đức Chúa Trời.

Sẽ có một bài học riêng (Bài số 4) trình bày về Chúa Giê-xu rõ ràng và chi tiết hơn.

(4) Qua Kinh Thánh:

Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời ban cho loài người. Kinh Thánh bày tỏ Đức Chúa Trời và chương trình cứu chuộc của Ngài. Kinh Thánh cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào, Ngài có tương quan gì với loài người, mối liên hệ của chúng ta với Ngài ra sao. Ngay câu đầu tiên của Kinh Thánh đã khẳng định về sự hiện hữu của Đức Chúa Trời: “*Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất*” (Sáng Thế Ký 1:1).

Chúng ta cũng sẽ học về Kinh Thánh rõ ràng và chi tiết hơn trong bài số 2.

Tóm lại, Đức Chúa Trời là Đấng Thần Linh, chúng ta không thể thấy được bằng mắt trần. Nhưng Ngài đã tự bày tỏ chính mình Ngài qua ít nhất 4 nguồn: Lương tri, Tạo vật, Chúa Giê-xu, và Kinh Thánh.

5. Hỏi: Đức Chúa Trời có mấy Ngôi?

Đáp: Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời có Ba Ngôi: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, Đức Thánh Linh. Không phải có ba Đức Chúa Trời, nhưng Ba Ngôi bình đẳng và hiệp nhất hoàn toàn.

Đây là một lẽ đạo khó hiểu với trí óc hữu hạn của con người. Thật vậy, con người hữu hạn làm sao có thể hiểu hết được Đức Chúa Trời vô hạn. Ngay cả bầu trời, thiên nhiên chung quanh chúng ta, rồi vũ trụ bao la, và ngay cả khi nhìn vào con người của chính mình, chúng ta cũng không thể nào biết rõ hết những điều kỳ diệu của chúng.

Nếu những gì chúng ta thấy mà vẫn còn chưa hiểu hết thì làm sao chúng ta có thể hiểu hết được Đức Chúa Trời vô hạn và vô hình được. Nếu chúng ta hiểu hết Đức Chúa Trời thì có lẽ Ngài không còn là Đức Chúa Trời nữa!

Do đó, chúng ta phải chấp nhận trí óc của chính mình hữu hạn và lấy lòng tin đơn sơ chân thành mà tin rằng Đức Chúa Trời có Ba Ngôi là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh như Kinh Thánh bày tỏ.

Có thể dùng ví dụ không toàn hảo lắm sau đây để tạm minh họa cho lẽ đạo Ba Ngôi Đức Chúa Trời: Tam giác là hình có 3 góc (tam là 3; giác là góc). Là 3 góc nhưng không phải 3 tam giác mà góc nào cũng nằm trong tam giác cả. Một tam giác có 3 góc, cả 3 góc đều nằm trong tam giác. Như vậy điều thật khó hiểu đã trở thành khá rõ ràng, mặc dù đây chỉ là một sự so sánh rất khập khiễng, một sự minh họa rất đại khái cho lẽ đạo Ba Ngôi mà thôi.

Những bằng chứng trong Kinh Thánh cho biết về Ba Ngôi Đức Chúa Trời:

(1) Từ “**chúng ta**” trong Sáng Thế Ký:

1:26 “*Đức Chúa Trời phán rằng: **chúng ta** hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta, dựng quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất, và khắp cả đất.*”

(2) Có Ba Ngôi hiện diện trong lễ Báp-tem của Chúa Giê-xu:

“Vừa khi chịu phép Báp-tem rồi, Đức Chúa Giê-xu ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của Ta đẹp lòng Ta mọi đàng”(Ma-thi-ơ 3:16-17).

“Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép Báp-tem cho họ”.(Ma-thi-ơ 28:19).

(3) Ba Ngôi trong lời chúc phước:

“Nguyện xin ơn của Đức Chúa Cứu Thế Giê-xu, sự yêu thương của Đức Chúa Trời, và sự giao thông của Đức Thánh Linh ở với anh em hết thảy” (2 Cô-rinh-tô 13:13).

Như vậy, Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời có Ba Ngôi, Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Cả Ba Ngôi bình đẳng, hiệp nhất. Cả Ba Ngôi đều là Đức Chúa Trời.

6. Hỏi: Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào?

Đáp: Qua những điều chúng ta vừa trình bày ở trên thì Đức Chúa Trời là Đấng vô cùng kỳ diệu, vượt hẳn trí tuệ của loài người.

Con người hữu hạn không thể nào hiểu được Đức Chúa Trời vô hạn nếu Ngài không bày tỏ qua Lời Ngài là Kinh Thánh.

Vậy, Kinh Thánh sẽ cho chúng ta biết Đức Chúa Trời là Đấng như thế nào:

Bản chất của Đức Chúa Trời:

- (1) Đấng Thần Linh:** Đức Chúa Trời là Đấng vô hình, không có thể chất, không bị vật chất hạn chế.

Xin đừng ai nghĩ Đức Chúa Trời giống như con người. Con người chỉ là tạo vật, Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, là thần linh hoàn toàn khác với tạo vật của Ngài.

“Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy.” (Giăng 4:24)

- (2) Đấng Tự Hữu Hằng Hữu:** Đức Chúa Trời là Đấng tự nhiên hiện hữu và hiện hữu đời đời.

Ngài là Đấng Hằng Sống, Ngài sống đời đời vô cùng vì Ngài không bị giới hạn bởi không gian và thời gian như con người chúng ta.

“Đức Chúa Trời phán rằng: Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu” (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14).

- (3) Đấng Bất Biến:** Đức Chúa Trời là Đấng không bao giờ thay đổi.

“Vì Ta là Đức Giê-hô-va, Ta không hề thay đổi” (Ma-la-chi 3:6).

Con người luôn thay đổi nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ thay đổi.

Đức Chúa Trời là Đấng Thần Linh, Đấng Tự Hữu Hằng Hữu và là Đấng bất biến.

Thuộc tính của Đức Chúa Trời: (Phẩm tính thiên thượng)

- (1) Toàn năng:** Đức Chúa Trời làm được mọi sự hợp với bản tính và thánh ý của Ngài.

“Bởi vì không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được”. (Lu-ca 1:37)

“Đức Chúa Giê-xu phán: “Loài người không thể làm được điều này, nhưng Đức Chúa Trời làm được mọi sự” (Ma-thi-ơ 19:26).

Đấng Toàn năng đương nhiên là Đấng Khôn ngoan; vì là Đấng Khôn ngoan nên Ngài không làm điều gì ngược lại với bản chất và thánh ý của chính Ngài.

- (2) Toàn tri:** Đức Chúa Trời biết tất cả mọi sự, không việc gì có thể giấu được Ngài. Ngài biết cả quá khứ, hiện tại và tương lai, vì Ngài là Đấng không bị giới hạn bởi không gian và thời gian, Ngài là Đấng bên ngoài vũ trụ này.

“Vì nếu lòng mình cáo trách mình, thì Đức Chúa Trời lại lớn hơn lòng mình nữa, và biết cả mọi sự” (1 Giăng 3:20).

- (3) Toàn Tại:** Đức Chúa Trời cùng một lúc ở khắp mọi nơi.

Chúng ta có mặt trong nhà thờ thì không thể có mặt ở nhà được. Nhưng Đức Chúa Trời đồng thời có mặt trên trời, dưới đất, và bất cứ nơi nào trong vũ trụ, bởi vì Ngài là thần linh, không bị giới hạn bởi thân xác như con người.

“Chúa Hằng Hữu phán: Có người nào có thể giấu mình trong các nơi kín cho Ta đừng thấy chăng? Chúa Hằng Hữu phán: Há chẳng phải Ta đầy dẫy các tầng trời và đất sao?” (Giê-rê-mi 23:24).

Đối với con người hữu hạn như bạn và tôi mà còn như vậy, huống chi là Đức Chúa Trời Toàn năng, thì Ngài là Đấng Toàn tri và Toàn tại thì là chuyện hiển nhiên.

Kinh Thánh bày tỏ: Đức Chúa Trời là Đấng Toàn năng, Toàn tri, và Toàn tại.

Mỹ đức của Đức Chúa Trời: (Phẩm chất đạo đức)

- (1) Thánh khiết:** Đức Chúa Trời là Đấng thánh sạch hoàn toàn, trong Ngài không có chút gì xấu xa, ô uế, tội lỗi.

“Bởi có chép rằng: Hãy nên Thánh, vì Ta là Thánh.” (1 Phi-e-rơ 1:16)

- (2) Công chính:** Đức Chúa Trời là Đấng luôn luôn đúng, Ngài ngay thẳng, công bằng tuyệt đối, và không thiên vị ai. Ngài không thể coi kẻ có tội là vô tội.

“Công việc của Hòn Đá là trọn vẹn; vì các đường lối Ngài là công chính. Ấy là Đức Chúa Trời thành tín và vô tội; Ngài là công bằng và chính trực” (Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:4).

- (3) Yêu thương:** Đây là bản tính tự nhiên của Đức Chúa Trời, Ngài không thể không yêu thương, vì Ngài là Đấng yêu thương. Đức Chúa Trời là nguồn của tình yêu.

“Ai chẳng yêu, thì không biết Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương.” (1 Giăng 4:8)

(4) Thành tín: Đức Chúa Trời là Đấng không bao giờ thất hứa. Khi Ngài đã hứa thì Ngài sẽ làm trọn theo thời điểm Ngài thấy tốt nhất.

“Đấng đã gọi anh em là thành tín, chính Ngài sẽ làm việc đó.” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:24).

Tóm lại, Đức Chúa Trời là Đấng Thánh khiết, Công chính, Yêu thương và Thành tín.

7. Hỏi: Nhờ đâu biết được Đức Chúa Trời như vậy?

Đáp: Chúng ta có thể biết được những bản chất, thuộc tính và mỹ đức của Đức Chúa Trời nhờ 4 nguồn: lương tâm, vũ trụ, Kinh Thánh và Chúa Giê-xu.

(1) Lương tâm: Là bản năng thiên phú, không cần ai dạy, con người tự nhận biết Đức Chúa Trời.

“Họ tỏ ra rằng việc mà luật pháp dạy biểu đã ghi trong lòng họ: chính lương tâm mình làm chứng cho luật pháp, còn ý tưởng mình khi thì cáo giác mình, khi thì bình vực mình.” (Rô-ma 2:15).

Qua lương tâm chúng ta chỉ lờ mờ nhận biết Đức Chúa Trời nhưng chưa được rõ ràng và đầy đủ.

Hơn nữa do tội lỗi làm cho lương tâm sai lệch, chại lý nên không còn nhận biết.

(2) Vũ trụ: Cả vũ trụ bao la, tuyệt diệu chứng minh, phải do một Đấng Vĩnh Hằng, Toàn tri, Toàn năng, Toàn tại dựng nên. Đấng đó chính là Đức Chúa Trời.

“Các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm.” (Thi Thiên 19:1).

Qua vũ trụ cũng vậy, con người biết có một Đấng Tạo Hóa nhưng cũng do tội lỗi mà trước sự bày tỏ ngày đêm của các tầng trời, sự hiểu biết của con người qua vũ trụ vẫn bị hạn chế, biết Đấng Tạo Hóa nhưng không chịu tôn thờ Ngài.

(3) Kinh Thánh: Qua Kinh Thánh, Đức Chúa Trời đã bày tỏ về chính mình Ngài, và chân lý của Ngài cho chúng ta.

“Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công chính.” (2 Ti-mô-thê 3:16).

(4) Chúa Giê-xu: Qua Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Trời làm người, chúng ta biết Đức Chúa Trời.

“Ấy chính Ngài (Chúa Giê-xu) là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được...” (Cô-lô-se 1:15).

Qua Kinh Thánh và Chúa Giê-xu, Đức Chúa Trời bày tỏ cho chúng ta biết về Ngài rõ ràng hơn hết.

Như vậy con người chỉ có thể biết Đức Chúa Trời nhờ Ngài tự bày tỏ qua Kinh Thánh mà thôi.

8. Hỏi: Có phải chỉ những người ít học mới tin vào Đức Chúa Trời không?

Đáp: Trên thực tế, có rất nhiều nhà bác học, khoa học nổi tiếng đã đặt lòng tin nơi Đức Chúa Trời.

Ngày nay khi nhìn vào trong Hội Thánh, chúng ta thấy rất nhiều người trí thức tin Chúa chứ không phải chỉ có giới bình dân ít học mà thôi. (có thể kể ra một số nhà khoa học nổi tiếng đã tin Chúa như Newton, Pascal, Ampère, Volta, Copernic, Kepler, Lavoisier, Edison, Einstein...)

Như vậy, nói rằng chỉ có người ít học mới tin vào Đức Chúa Trời là cách nói của những kẻ cố tình chống đối và dèm pha đạo Chúa mà không chịu nhìn vào thực tế.

9. Hỏi: Chọn thái độ chối bỏ Đức Chúa Trời có khôn ngoan không?

Đáp: Thật ra, con người chỉ có thể chối bỏ Đức Chúa Trời trong tâm trí, nhưng trong cuộc sống con người không thể sống mà không có Ngài. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, là Nguồn sống, nên tách rời khỏi Ngài là hành động thiếu khôn ngoan.

“Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: chẳng có Đức Chúa Trời. Chúng nó đều bại hoại, đã làm những việc gớm ghiếc; Chẳng có ai làm điều lành.” (Thi Thiên 14:1)

10. Hỏi: Chúng ta đáng phải có thái độ nào đối với Đức Chúa Trời?

Đáp: Khi đã biết Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, cao cả quyền năng, khôn ngoan, vĩ đại như trên, Ngài không giống một thần nào mà lâu nay chúng ta từng tôn thờ, vậy chúng ta phải có thái độ nào với Đức Chúa Trời?

Kinh Thánh dạy: Chúng ta phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời, chỉ tôn thờ và phục vụ một mình Ngài mà thôi (Mác 12:30).

“*Vì có lời chép rằng: Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi.*”(Ma-thi-ơ 4:10b)

Khi học xong bài học “Đức Chúa Trời”, mong học viên khẳng định niềm tin của mình rằng: Có Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo Hóa, Ngài đã tạo dựng nên vũ trụ, trời đất và con người, trong đó có tôi. Vì vậy, thái độ đúng đắn nhất là “Tôi phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời, chỉ tôn thờ và phục vụ một mình Ngài mà thôi” là hoàn toàn hợp tình hợp lý. ǃ

Bài 2

KINH THÁNH

Câu gốc: “*Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công chính.*” (2 Ti-mô-thê 3:16)

1. Hỏi: Kinh Thánh là gì?

Đáp: Kinh Thánh là bộ sách gồm 66 quyển, chia ra làm hai phần: Cựu Ước và Tân Ước, được khoảng 40 người viết ra bởi sự linh cảm của Đức Chúa Trời, nên Kinh Thánh được gọi là Lời Đức Chúa Trời (2 Ti-mô-thê 3:16, câu gốc của bài học).

- Cựu Ước có nghĩa là giao ước cũ, giao ước được lập bởi Đức Chúa Trời và loài người qua dân Do Thái, là tuyên dân hay dân tộc được chọn lựa của Đức Chúa Trời.

- Tân Ước có nghĩa là giao ước mới, giao ước được lập bởi Đức Chúa Trời và loài người qua sự chết của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Cựu Ước là nền tảng cho Tân Ước. Tân Ước là giao ước vẫn còn có hiệu lực với nhân loại ngày nay.

Tác giả của Kinh Thánh là Đức Thánh Linh. Đức Chúa Trời đã dùng các tôi tớ Ngài viết ra, nên Kinh Thánh chính là mặc khải bằng văn tự của Đức Chúa Trời cho loài người. Kinh Thánh là mặc khải bằng văn tự cho loài người, có nghĩa là chúng ta không thể hiểu được Đức Chúa Trời cho đến khi Ngài mở tấm màn ra cho chúng ta biết được qua Kinh Thánh là lời viết bằng văn tự.

Tất cả những Cơ Đốc nhân, là những người tin theo Chúa, đều tin Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời. Học viên rất cần mua một cuốn Kinh Thánh để đọc và học Lời Đức Chúa Trời.

2. Hỏi: Đức Chúa Trời đã sử dụng ai để viết Kinh Thánh? Họ viết như thế nào?

Đáp:

- Đức Chúa Trời đã dùng các tiên tri và các sứ đồ (khoảng 40 người) trong nhiều thời đại để viết ra Kinh Thánh, theo ý Ngài.

“*lẽ mâu nhiệm trong các đời khác, chưa từng phát lộ cho con cái loài người, mà bây giờ đã được Đức Thánh Linh tỏ ra cho các sứ đồ thánh và tiên tri của Ngài.*” (Ê-phê-sô 3:5).

“*Thưa anh em yêu dấu, đây là thư thứ hai tôi viết cho anh em. Trong cả hai thư, tôi đều nhắc nhở để khơi dậy trong anh em một tâm trí chân thực, để khắc ghi những lời tiên báo của các nhà tiên tri thánh cũng như những điều răn của Chúa và Cứu Chúa chúng ta do các sứ đồ truyền lại.*” (2 Phi-e-rơ 3:1-2)

Các tiên tri là những người công bố Lời Chúa. Các sứ đồ là những người Chúa Giê-xu chọn làm môn đệ đặc biệt để theo Ngài và học hỏi với Ngài lúc Chúa còn tại thế. Đức Chúa Trời dùng những người đặc biệt này, và Đức Thánh Linh soi dẫn để họ viết ra sứ điệp của Kinh Thánh.

- Các tác giả nhận sự khải thị (bày tỏ) của Đức Chúa Trời, rồi trình bày theo thuật ngữ, văn phong của riêng họ. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời tế trị và chịu trách nhiệm trên mọi chi tiết của Kinh Thánh.

“Trước hết, anh em phải hiểu rằng không có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh được giải thích theo ý riêng của một người nào, vì không có lời tiên tri nào đến bởi ý người, nhưng người ta được Đức Thánh Linh cảm thúc nói ra từ Đức Chúa Trời.” (2 Phi-e-rơ 1:20-21)

Kinh Thánh do khoảng 40 tác giả trong nhiều thời đại viết ra, nhưng tất cả đều được Đức Thánh Linh tế trị, soi dẫn để họ viết ra sứ điệp của Đức Chúa Trời, và sứ điệp ấy được ban cho loài người để nhận biết Chúa và tin Ngài.

3. Hỏi: Nội dung của Cựu Ước là gì?

Đáp: Cựu Ước có 39 quyển, chép về sự dựng nên trời đất, muôn vật, sự sa ngã của loài người, và sự chuẩn bị của Đức Chúa Trời qua dân Y-sơ-ra-ên để Đấng Cứu Thế đến trần gian, thực hiện chương trình cứu rỗi loài người.

Cựu Ước gồm có 17 sách lịch sử, 5 sách thi ca và 17 sách tiên tri.

Sách đầu tiên trong Kinh Thánh là sách Sáng Thế Ký, kỹ thuật về Đức Chúa Trời tạo dựng nên vũ trụ, loài người, và sự sa ngã của loài người.

Các sách lịch sử nói lên sự thành lập quốc gia Y-sơ-ra-ên (Do Thái, Israel), sự hưng thịnh và suy sụp của quốc gia Y-sơ-ra-ên.

Các sách thi ca là văn chương trong thời đại hoàng kim của quốc gia Y-sơ-ra-ên.

Các sách tiên tri là văn chương trong thời kỳ tối tăm của dân Y-sơ-ra-ên, gồm những lời cảnh báo và tiên tri của Đức Chúa Trời để cảnh tỉnh dân sự của Chúa.

Qua Cựu Ước chúng ta thấy được mục đích của Đức Chúa Trời là: qua dân tộc chọn lựa Y-sơ-ra-ên, Ngài ban sự cứu rỗi cho nhân loại qua sự giáng sinh của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

4. Hỏi: Nội dung của Tân Ước là gì?

Đáp: Tân Ước có 27 quyển, ghi lại cuộc đời và chức vụ của Chúa Giê-xu, lịch sử Hội Thánh đầu tiên, công cuộc truyền giảng Tin Lành của Hội Thánh ấy, và các giáo lý căn bản.

Tân Ước gồm 4 sách Tin Lành hay 4 sách Phúc Âm, 1 sách Công Vụ Các Sứ Đồ, 21 sách Thư tín và 1 sách Khải Huyền.

- 4 sách Tin Lành: kỹ thuật về sự giáng sinh, chức vụ, sự chết và sống lại và thăng thiên của Chúa Giê-xu.

- Sách Công Vụ Các Sứ Đồ: kỹ thuật về sự thành lập và phát triển Hội Thánh Chúa và các công việc truyền bá Tin Lành do các sứ đồ tiếp nối chức vụ của Chúa Giê-xu sau khi Ngài thăng thiên.

- Các sách thư tín: là thư gởi cho các Hội Thánh khắp nơi, khai triển các giáo lý căn bản, căn cứ trên lời dạy của Chúa Giê-xu.

- Sách Khải Huyền hay Khải Thị: viết lời dự ngôn về sự trị vì của Đấng Cứu Thế trên toàn nhân loại.

Vậy Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời ghi lại lịch sử nhân loại từ lúc khai thiên lập địa cho đến ngày cuối cùng khi lịch sử nhân loại chấm dứt. Đây là bộ sách rất quý báu cho toàn nhân loại.

5. Hỏi: Kinh Thánh được chép vào thời gian nào?

Đáp:

- Cựu Ước được chép từ khoảng 1500 TC - 400 TC; và Tân Ước được chép từ khoảng 50 SC - 100 SC.

(Ghi chú: “TC” là “Trước Chúa” Giê-xu giáng sinh; còn “SC” là “Sau Chúa” Giê-xu giáng sinh.)

- Vậy, thời gian viết Kinh Thánh kéo dài khoảng 1.600 năm.

6. Hỏi: Đặc trưng của Kinh Thánh là gì?

Đáp: Có thể kể ra một số đặc trưng của Kinh Thánh như sau:

(1) Kinh Thánh là lời sống.

“*Vì Lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, thấu vào đến đôi chia hồn, linh, cốt, tủy, xem xét tư tưởng và ý định trong lòng.*” (Ê-bơ-rơ 4:12)

Vì Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời ban cho loài người, nên Lời Kinh Thánh có thần quyền, sống động và linh nghiệm, có quyền năng biến đổi con người, không giống với bất kỳ một cuốn sách nào khác.

- (2) Kinh Thánh là quyển sách lời hứa của Đức Chúa Trời, có vô số lời hứa quý báu và lớn lao cho mỗi người như một kho tàng vĩ đại.

Trong Kinh Thánh chứa đựng vô số lời hứa của Đức Chúa Trời cho loài người, ví như khi dạy chúng ta cầu nguyện, Chúa Giê-xu hứa: “Hãy xin sẽ được, hãy tìm sẽ gặp, hãy gõ cửa sẽ mở cho”. Trước khi thăng thiên, Chúa hứa: “Ta sẽ cùng ở với các con luôn cho đến tận thế”. Khi nhắc đến sự tái lâm, Lời Chúa hứa: “Này, ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm”...

Đây là nguồn hy vọng lớn lao nhất cho con người, đặc biệt cho chúng ta là con cái Chúa, vì Đức Chúa Trời là Đấng Thành tín, Ngài luôn giữ lời hứa của Ngài.

- (3) Giá trị của Kinh Thánh:

Tác giả Thi Thiên 119 (Cựu Ước) đã khẳng định Giá trị của Kinh Thánh như sau:

- Kinh Thánh quý hơn vàng ròng.

“Nhân đó tôi yêu mến điều răn Chúa hơn vàng, thậm chí hơn vàng ròng.”(Thi Thiên 119:127)

- Lời Chúa ngọt hơn mật.

“Lời Chúa ngọt hơn tôi đường bao, thật ngọt hơn mật ong trong miệng tôi.”(Thi Thiên 119:103)

- Lời Chúa soi sáng như ngọn đèn cho người đi đường.

“Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi, ánh sáng cho đường lối tôi.”(Thi Thiên 119:105)

Sứ đồ Phi-e-rơ thì nói trong Tân Ước:

- Lời Chúa bổ như sữa:

“Hãy ham thích sữa thiêng liêng của Đạo, như trẻ con mới đẻ vậy, hầu cho anh em nhờ đó lớn lên mà được rỗi linh hồn.”(1 Phi-e-rơ 2:2)

- (4) Kinh Thánh chép các đức tính siêu phàm cùng các công trình tuyệt diệu của Chúa Giê-xu.

Đọc Kinh Thánh chúng ta sẽ khám phá Đức Chúa Trời qua cuộc đời, chức vụ và những lời dạy của Chúa Giê-xu. Bởi vì Chúa Giê-xu chính là Đức Chúa Trời làm người, Ngài là Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

- (5) Kinh Thánh luôn tươi mới, không lỗi thời, luôn thích hợp cho nhân loại mọi thời đại.

Dù Kinh Thánh được viết ra từ hàng ngàn năm trước nhưng chưa bao giờ lỗi thời. Kinh Thánh vẫn luôn là cuốn sách thích hợp và làm thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong mọi thời đại (bất kể dân tộc nào, thành phần nào, trí thức hay bình dân, không phân biệt tuổi tác cũng như thành phần văn hóa). Đến nay Kinh Thánh vẫn luôn là cuốn sách bán nhiều nhất trên thế giới và vẫn còn tiếp tục xuất bản với con số kỷ lục hằng năm.

7. Hỏi: Điều gì chứng minh Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời?

Đáp: Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời vì:

- (1) Sự hiệp nhất hoàn toàn của Kinh Thánh.

Nếu chúng ta được tự do vào trong thư viện, chọn lựa 66 cuốn sách của nhiều tác giả khác nhau và viết trong nhiều thời kỳ khác nhau, rồi đóng thành một bộ sách, chúng ta sẽ thấy như thế nào? Chắc chắn đó chỉ là một bộ sách có nội dung lộn xộn, không đầu vào đầu cả.

- Nhưng Kinh Thánh không như vậy. Dù những người được Đức Chúa Trời dùng để viết Kinh Thánh có cá tính, nghề nghiệp, văn hóa khác nhau, họ không quen biết nhau; họ ở nhiều địa phương khác nhau; và sống cách nhau trong thời gian khoảng 1.600 năm. Nhưng toàn bộ Kinh Thánh chỉ đề cập đến một nhân vật chính là Chúa Giê-xu, một đề tài là sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, và nội dung hoàn toàn liên kết chặt chẽ với nhau, không có gì mâu thuẫn cả. Sự hiệp nhất của Kinh Thánh là điều kỳ diệu lạ lùng vô cùng chứng tỏ Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời.

- (2) Kinh Thánh luận đến tất cả mọi vấn đề thiết yếu của cuộc sống:

- Kinh Thánh Luận giải cách rõ ràng, chân thật và đầy thẩm quyền về:

- * Sự sáng tạo, nguồn gốc loài người và nguồn gốc của tội lỗi.
- * Những luật vàng về đạo đức cho đời sống con người.
- * Phương thức cứu rỗi con người.
- * Các biến cố của thế giới tương lai.

Không có cuốn sách nào trên thế gian này có nội dung đầy đủ và có thẩm quyền như Kinh Thánh.

(3) Sự chân xác tuyệt đối của Kinh Thánh:

- Mọi vấn đề Kinh Thánh đưa ra, mọi biến cố được ghi lại, đều chính xác hoàn toàn. Sự hủy diệt thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ, sự sụp đổ của thành Giê-ri-cô, Ni-ni-ve... đều được khảo cổ học xác nhận là hoàn toàn chính xác.

Ngành khảo cổ càng khám phá, thì càng chứng minh những điều ghi trong Kinh Thánh là hoàn toàn chính xác và đáng tin cậy. Chính những khám phá của khảo cổ đã cho thấy sự chân xác tuyệt đối của Kinh Thánh.

(4) Sự ứng nghiệm trọn vẹn các lời tiên tri trong Kinh Thánh:

- Mỗi lời tiên tri được công bố chi tiết, rõ ràng trước khi việc xảy ra vài năm đến cả ngàn năm và hơn thế nữa. Tất cả đều được ứng nghiệm hoàn toàn. Kỳ diệu nhất là các lời tiên tri về Đấng Cứu Thế, đã ứng nghiệm đến từng chi tiết.

(Xem Thi Thiên 22:1, 16-18; Mi-chê 5:2; Xa-cha-ri 11:13)

(5) Sự trường tồn của Kinh Thánh:

- Dù kẻ thù luôn tìm cách tiêu diệt, nhưng Kinh Thánh vẫn trường tồn, và phổ biến ngày càng rộng rãi hơn. Đức Chúa Trời luôn bảo vệ Lời của Ngài.

Chúng ta biết ông Voltaire là một nhà vô thần, không chỉ thế, ông còn là một người căm ghét Cơ Đốc giáo vì cho rằng Đạo Chúa chỉ toàn là những điều bịa đặt.

Ông Voltaire tuyên bố: “Chẳng bao lâu nữa, Kinh Thánh sẽ không còn tồn tại, nếu còn chẳng, chỉ là một vài quyển trong viện bảo tàng”. Thế nhưng sau khi ông qua đời, chính ngôi nhà của ông đã trở thành kho chứa Kinh Thánh của Thánh Kinh Hội Anh Quốc!

Kinh Thánh đã được Đức Chúa Trời bảo tồn một cách kỳ diệu vì đó là Lời của Ngài.

(6) Tính cách thích ứng của Kinh Thánh:

- Kinh Thánh luôn đáp ứng thích đáng mọi nhu cầu tâm linh của mọi người, thuộc mọi lứa tuổi, mọi thời đại, mọi trình độ văn hóa.

Phần lớn kinh sách của các tôn giáo khác chỉ dành riêng cho những người tu luyện lâu năm nghiên cứu, nhưng Kinh Thánh hoàn toàn đáp ứng nhu cầu cho tất cả mọi người và mọi trình độ. Người trí thức cũng tìm thấy những điều dạy dỗ cho riêng mình, và ngay những người bình dân cũng thấy Kinh Thánh thích hợp với chính họ. Đức Chúa Trời phán với tất cả mọi người, không dành riêng cho một ai.

(7) Quyền năng tái tạo lòng người của Kinh Thánh:

- Đây là bằng chứng hết sức đặc biệt cho thấy Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời. Hàng tỉ người trên thế giới đã được quyền năng của Kinh Thánh biến cải.

Không một ai có thể nói rằng tôi nhờ đọc cuốn sách toán học, lịch sử hay hóa học mà cuộc đời được biến đổi, nhưng đã có biết bao người sẵn sàng làm chứng lại rằng: họ nhờ đọc Kinh Thánh mà cuộc đời được biến đổi từ chỗ tối tăm qua sáng láng; từ thất vọng qua hy vọng; từ cuộc sống tội lỗi qua cuộc sống đạo đức; từ ích kỷ qua sống yêu thương; từ chống nghịch Đức Chúa Trời qua tôn thờ Chúa...

Bất kỳ người nào tin Kinh Thánh thì quyền năng của Chúa thay đổi họ hoàn toàn. Kinh Thánh đúng là Lời của Đức Chúa Trời. Cảm tạ Chúa.

Như vậy, có ít nhất 7 lý do chứng minh Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời:

- (1) Sự hiệp nhất hoàn toàn của Kinh Thánh.
- (2) Kinh Thánh đề cập đến tất cả mọi vấn đề thiết yếu.
- (3) Sự chân xác tuyệt đối của Kinh Thánh.
- (4) Sự ứng nghiệm trọn vẹn các lời tiên tri trong Kinh Thánh.

- (5) Sự trường tồn của Kinh Thánh.
 (6) Tính cách thích ứng của Kinh Thánh.
 (7) Quyền năng tái tạo lòng người của Kinh Thánh.

8. Hỏi: Kinh Thánh đem lại những lợi ích gì cho người đọc?

Đáp:

- (1) Kinh Thánh mạc khải cho con người biết rõ về nguồn gốc của nhân loại và vạn vật. Nguồn gốc của tội lỗi. (Sáng Thế Ký 1:3; Giăng 1:1-3).
- (2) Kinh Thánh chỉ cho con người biết Đức Chúa Trời yêu thương, giải cứu con người ra khỏi tội lỗi, qua Chúa Cứu Thế Giê-xu, để qua đó con người ăn năn tội, tôn thờ Đức Chúa Trời, trở nên con cái Đức Chúa Trời. (Giăng 1:18; 3:16; 14:6).
- (3) Kinh Thánh dạy cho con người nếp sống xứng hợp với địa vị làm con cái Đức Chúa Trời (Phi-líp 2:15; 2 Ti-mô-thê 3:15-17).

Chỉ có Kinh Thánh mới cho chúng ta câu trả lời chính xác: Tôi từ đâu đến? Tôi phải làm gì để được cứu? Tôi sống như thế nào để cuộc sống có ý nghĩa; và tôi sẽ đi về đâu?

9. Hỏi: Làm sao để nhận những phước hạnh từ Kinh Thánh?

Đáp:

- (1) Đọc Lời Chúa (Khải Huyền 1:3)
- (2) Nghe Lời Chúa (Lu-ca 10:38-42)
- (3) Học Lời Chúa (Thi Thiên 119:11; Công Vụ 17:11)
- (4) Suy ngẫm Lời Chúa (Thi Thiên 1:2; Gia-cơ 1:25)
- (5) Làm theo Lời Chúa (Giô-suê 1:8; Gia-cơ 1:22-25)

Giô-suê 1:8 dạy: “Quyển sách luật pháp này chớ xa miệng ngươi, hãy suy ngẫm ngày và đêm, hầu cho cẩn thận làm theo mọi điều đã chép ở trong; vì như vậy ngươi mới được may mắn trong con đường mình, và mới được phước”.

Học viên cần mua một cuốn Kinh Thánh để đọc, học, suy ngẫm và làm theo Lời Chúa dạy, đồng thời cũng tham dự các buổi thờ phượng Chúa vào mỗi sáng Chúa nhật để nghe giảng Lời Chúa, hầu nhận được những phước hạnh cho mình.

10. Hỏi: Chúng ta đọc Kinh Thánh như thế nào?

Đáp: Kinh Thánh không phải là một cuốn truyện để chúng ta thích thì đọc, không thích thì thôi; nhưng chúng ta đã học biết Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời ban cho loài người, vì vậy cần phải:

- Đọc Kinh Thánh có hệ thống, thứ tự, chứ không phải thích chỗ nào đọc chỗ đó, không thích thì không đọc.
- Đọc kỹ càng, suy ngẫm để nắm ý chính và tìm sự dạy dỗ của Lời Chúa dạy.
- Cầu nguyện theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, và xin Chúa giúp mình làm theo.

Trong cuốn Bài Học Kinh Thánh Hằng Ngày do Ủy ban Cơ Đốc Giáo Dục phát hành hằng quý, có Lịch đọc Kinh Thánh trong 3 năm, chúng ta có thể đọc theo lịch hướng dẫn đó để sau 3 năm chúng ta có thể đọc suốt Kinh Thánh một lần. Tuy nhiên, không phải chỉ đọc một lần là đủ, vì Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời nên cần phải đọc tới đọc lui suốt đời.

Ôn lại câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình.” (2 Ti-mô-thê 3:16)

Mong mỗi chúng ta thấy được giá trị của Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, quyết định đọc, học và làm theo Lời Kinh Thánh để cuộc đời được phước.

Nếu ai chưa có Kinh Thánh, xin liên hệ với Hội Thánh hoặc mục sư để mua một cuốn cho riêng mình. ☩



Bài 3

SỰ SÁNG TẠO VÀ CON NGƯỜI

Câu gốc: “Bởi đức tin, chúng ta biết rằng thế gian đã làm nên bởi lời của Đức Chúa Trời, đến nỗi những vật bày ra đó đều chẳng phải từ vật thấy được mà đến” (Hê-bơ-rơ 11:3).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu về công cuộc sáng tạo của Đức Chúa Trời. (2) Nguyên nhân dẫn đến tội lỗi của con người.

Trong bài 1 chúng ta đã khẳng định với nhau Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Ngài dựng nên vũ trụ và con người. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta biết Kinh Thánh bày tỏ về sự sáng tạo và con người như thế nào.

1. Hỏi: Đức Chúa Trời dựng nên trời đất muôn vật bằng cách nào?

Đáp: Đức Chúa Trời đã dùng Lời của Ngài mà dựng nên trời đất muôn vật (Sáng Thế Ký 1:3-25; Hê-bơ-rơ 11:3).

Câu gốc trong sách Hê-bơ-rơ 11:3 cho biết cả vũ trụ đều được tạo dựng bằng chính Lời phán của Đức Chúa Trời. Ngài phán thì mọi sự xảy ra và hình thành.

Trong sách Sáng Thế Ký chương 1, là sách đầu tiên của Kinh Thánh, đã ghi lại cách Đức Chúa Trời tạo dựng vũ trụ, chúng ta chú ý từ “phán rằng” ở câu thứ 3: “Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng; thì có sự sáng”. Trong các câu tiếp theo chúng ta đều thấy có sự lặp lại: “Đức Chúa Trời lại phán rằng”, và kết quả là việc xảy ra đúng như lời phán của Ngài.

Vậy, Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời đã dựng nên trời đất, muôn vật bằng Lời phán của Ngài. Ngài dùng Lời Ngài để dựng nên vũ trụ, muôn vật và con người.

2. Hỏi: Trong muôn vật mà Đức Chúa Trời đã dựng nên, loài nào quý hơn cả?

Đáp: Loài người, vì Đức Chúa Trời tạo dựng nên vũ trụ chỉ bằng lời phán, nhưng Ngài tạo dựng con người một cách công phu và đặc biệt. Chúng ta theo dõi Kinh Thánh để biết Đức Chúa Trời đã dựng nên loài người đặc biệt như thế nào.

(1) Chỉ có loài người được Chúa lấy bụi đất nắn nên rồi hà sinh khí vào.

“Đức Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sinh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sinh linh.” (Sáng Thế Ký 2:7).

(2) Chỉ có loài người được Đức Chúa Trời dựng nên giống như hình ảnh Ngài, là giống bản tính thánh khiết và công nghĩa của Ngài. (Ê-phê-sô 4: 24)

“Đức Chúa Trời phán rằng: Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta.” (Sáng Thế Ký 1:26a)

Đức Chúa Trời là thần linh vô hình, nên cụm từ “theo hình ta và theo tượng ta” không phải là giống như Đức Chúa Trời trong hình thể, nhưng giống Đức Chúa Trời trong bản tính thánh khiết và công nghĩa. Con người được Chúa dựng nên lúc ban đầu thật hoàn hảo, chứ không phải Ngài dựng nên một con vượn rồi để cho tiến hóa từ từ! Thuyết tiến hóa chỉ là một thuyết, chưa chứng minh được, nên không phải là một định luật để chúng ta tin tuyệt đối.

(3) Chỉ loài người được quyền quản trị muôn loài mà Đức Chúa Trời đã dựng nên.

“Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất.” (Sáng Thế Ký 1:28)

Đức Chúa Trời đã dựng nên vũ trụ và mọi sinh vật, thực vật đầy đủ, rồi mới dựng nên con người, và

Ngài giao quyền quản trị muôn loài cho con người. Ngày nay do tội lỗi nên con người thay vì quản trị, thì lại tôn thờ thiên nhiên như thần núi, thần sông; tôn thờ thú vật như con hổ, con rùa, voi, bò...

Chúng ta phải nhớ Đức Chúa Trời dựng nên con người là sinh vật cao quý nhất trong muôn loài. Khi tôn thờ con vật, chúng ta đã hạ thấp giá trị của con người, đây là thái độ không đúng và làm buồn lòng Đấng Tạo dựng chúng ta.

(4) Chỉ có loài người được tương giao với Đức Chúa Trời và tôn thờ Ngài.

“Sét cũng sinh được một con trai, đặt tên là Ê-nót. Từ đây, người ta bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va.” (Sáng Thế Ký 4:26)

Đức Chúa Trời dựng nên con người có khả năng tương giao và tôn thờ Ngài; ngoài con người ra, không có một sinh vật nào có thể tương giao và tôn thờ Đức Chúa Trời cả. Mọi sinh vật khác được dựng nên là để cho con người quản trị và sử dụng. Sinh vật không thể cao quý hơn con người được.

(5) Chỉ có loài người có linh hồn vô giá và bất diệt.

“Và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ, và thần linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó.” (Truyền Đạo 12:7)

Thân thể con người được nắn nên từ bụi đất, tức vật chất; nhưng linh hồn là hơi sống của Đức Chúa Trời, nên linh hồn con người là vô giá và bất diệt.

Như vậy, trong muôn loài mà Đức Chúa Trời đã dựng nên, con người là tạo vật cao quý nhất. Xin đừng ai hạ thấp giá trị của con người để tôn thờ những tạo vật khác, hoặc tự cho rằng nguồn gốc của con người từ con vượn! Khi biết chỉ có loài người có linh hồn vô giá và bất diệt thì chúng ta mới quý trọng linh hồn và sẵn lòng tôn thờ Đấng đã tạo dựng và ban cho chúng ta linh hồn vô giá.

3. Hỏi: Con người là gì?

Đáp: Con người là tạo vật có thân xác và linh hồn, là tuyệt đỉnh và vinh quang trong công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời.

Sáng Thế Ký 1:27 *“Đức Chúa Trời phán rằng: Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta, dựng quản trị loài cá biển, loài chim trời, loài súc vật, loài côn trùng bò trên mặt đất, và khắp cả đất. Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.”*

Sáng Thế Ký 2:7 *“Chúa Trời bèn lấy bụi đất nắn nên hình người, hà sinh khí vào lỗ mũi; thì người trở nên một loài sinh linh.”*

Chỉ có con người có linh hồn, còn con vật chỉ có giác hồn.

4. Tổ tiên loài người là ai?

Đáp: Tổ tiên loài người phải là con người, Kinh Thánh cho biết đó là ông A-đam và bà Ê-va.

“Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va.” (1 Ti-mô-thê 2:13)

Con người đầu tiên Chúa dựng nên là ông A-đam, rồi sau đó là bà Ê-va. Vậy Kinh Thánh cho biết tổ tiên của loài người là ông bà A-đam Ê-va. Con người là tạo vật cao quý nhất, ai chấp nhận tổ tiên con người là loài vật, đồng nghĩa với việc tự mình hạ thấp giá trị của con người xuống bằng với con vật.

5. Hỏi: Đức Chúa Trời tạo dựng con người giống như hình ảnh của Ngài có ý nghĩa gì?

Đáp: Con người không giống Đức Chúa Trời về hình thể vật lý, vì Ngài là Đấng Thần Linh vô hình. Nhưng giống Ngài về bản chất thiêng liêng như:

- (1) *Có nhân cách:* trí khôn, tình cảm, ý chí. Có khả năng suy tưởng và tương giao với Đức Chúa Trời và người khác.
- (2) *Có lòng đạo đức:* khả năng để phân biệt điều lành, điều dữ.
- (3) *Có sự bất diệt:* có linh hồn bất diệt, vì đó là nơi sống của Đức Chúa Trời ban cho. Khi linh hồn ra khỏi thân xác thì con người chỉ còn là một xác chết, không còn giá trị gì.

Chúng ta thấy rõ dù con vật cũng chăm sóc con cái mình sinh ra, nhưng đó chỉ là bản năng, chúng không có những bản chất thiêng liêng như con người.

6. Hỏi: Đức Chúa Trời dựng nên con người giống như Ngài trong sự thánh khiết và công nghĩa, thì tại sao họ đã phạm tội?

Đáp: Bản tính đạo đức đã được phú bẩm, cần phải thực nghiệm mới có giá trị, nên Đức Chúa Trời đã thử lòng đạo đức của A-đam và Ê-va: cho phép họ ăn đủ mọi thức trái cây trong vườn, trừ ra trái cây biết điều thiện và điều ác. Nhưng ông bà đã không vâng lời Đức Chúa Trời.

7. Hỏi: Tại sao A-đam và Ê-va không vâng lời Đức Chúa Trời?

Đáp: Khi dựng nên con người đầu tiên là ông A-đam, Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời đặt ông vào trong một ngôi vườn có tên là vườn Ê-đen.

Sáng Thế Ký 2:15-17 ký thuật: *“Đức Chúa Trời đem người ở vào cánh vườn Ê-đen để trông và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn, chắc sẽ chết.”*

Tuy nhiên, ông bà A-đam Ê-va bị ma quỷ lừa dối mà hành động theo tư dục của mình.

Sáng Thế Ký 3:1-6 *“Vả, trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm nên, có con rắn là giống quỉ quyệt hơn hết. Rắn nói cùng người nữ rằng: Mà chi! Đức Chúa Trời há có phán dặn các ngươi không được phép ăn trái các cây trong vườn sao? Người nữ đáp rằng: Chúng ta được ăn trái các cây trong vườn, song về phần trái của cây mọc giữa vườn, Đức Chúa Trời có phán rằng: Hai người chớ nên ăn đến và cũng chớ nên đá động đến, e khi hai người phải chết chớ. Rắn bèn nói với người nữ rằng: Hai người chớ chết đâu; nhưng Đức Chúa Trời biết rằng hễ ngày nào hai người ăn trái cây đó, mắt mình mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác.”*

Người nữ thấy trái của cây đó bộ ăn ngon, lại đẹp mắt và quý vì để mở trí khôn, bèn hái ăn, rồi trao cho chồng đứng gần mình, chồng cũng ăn nữa.”

Lời Chúa dạy:

“Vì mọi sự trong thế gian, như sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời, đều chẳng từ Cha mà đến, nhưng từ thế gian mà ra.” (1 Giăng 2:16)

Bà Ê-va đã sa vào những sự cám dỗ của thế gian mà không vâng lời Chúa dạy. Thấy trái cây coi bộ ăn ngon (mê tham của xác thịt); lại đẹp mắt (mê tham của mắt); và quý, vì muốn mở trí khôn cho bằng Đức Chúa Trời (kiêu ngạo của đời) nên họ đã hành động theo tư dục của mình, ăn trái cây mà Đức Chúa Trời không cho phép ăn.

8. Hỏi: Hậu quả của tội không vâng lời của A-đam và Ê-va là gì?

Đáp:

(1) Mắt ông bà mở ra, nghĩa là cảm xúc về tội lỗi, biết mình lỏa lồ.

“Đoạn, mắt hai người đều mở ra, biết rằng mình lỏa lồ, bèn lấy lá cây vả đóng khố che thân.” (Sáng Thế Ký 3:7).

Trước đó, ông bà A-đam Ê-va không cần quần áo vì ông bà được bao phủ bằng vinh quang của Đức Chúa Trời. Sau khi phạm tội, ông bà đã mất sự vinh hiển của Chúa (Rô-ma 3:23) nên cảm biết mình lỏa lồ, bèn lấy lá vả che thân.

(2) Mất sự tương giao với Đức Chúa Trời, sợ hãi khi phải gặp Ngài.

“Lối chiều, nghe tiếng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đi ngang qua vườn, A-đam và vợ ả mình giữa bụi cây, để tránh mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời. (Sáng Thế Ký 3:8)

(3) Ông bà bị Chúa phạt:

- Ông phải làm lụng vất vả, bà phải sinh nở đau đớn.

Sáng Thế Ký 3:16-19 Ngài phán cùng người nữ rằng: *Ta sẽ thêm điều cực khổ bội phần trong con thai nghén; người sẽ chịu đau đớn mỗi khi sinh con; sự dục vọng người phải xu hướng về chồng, và chồng sẽ cai trị người. Ngài lại phán cùng A-đam rằng: Vì người nghe theo lời vợ mà ăn trái cây ta đã dặn không nên ăn, vậy, đất sẽ bị rửa sả vì người; trọn đời người phải chịu khó nhọc mới có vật đất sinh ra mà ăn. Đất sẽ sinh chông gai và cây tật lè, và người sẽ ăn rau của đồng ruộng; người sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào người trở về đất, là nơi mà có người ra; vì người là bụi, người sẽ trở về bụi.*

- Ông bà phải bị đuổi ra khỏi vườn Ê-đen và không được vào đó nữa.

Sáng Thế Ký 3:23-24 Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn đuổi loài người ra khỏi vườn Ê-đen đặng cày cấy đất, là nơi có người ra. Vậy, Ngài đuổi loài người ra khỏi vườn, rồi đặt tại phía đông vườn Ê-đen các thân Chê-ru-bim với gươm chói lòe, để giữ con đường đi đến cây sự sống.

(4) Tội lỗi mang đến sự chết: chết tâm linh, chết thân xác, và chết đời đời.

“*Vì tiền công của tội lỗi là sự chết...*” (Rô-ma 6:23a)

Chết tâm linh là sự phân rẽ khỏi Đức Chúa Trời, không còn được tương giao thân mật với Ngài như trước nữa. Chết thân xác là sự chết mà ai cũng phải trải qua. Chết đời đời là linh hồn phải bị hình phạt đời đời nơi hỏa ngục. Đây là một hình phạt hết sức nặng mà con người tội lỗi phải gánh chịu khi đã phạm tội bất tuân Lời Chúa.

9. Hỏi: Tô phụ loài người chỉ ăn trái cấm, đây là một việc nhỏ, tại sao lại bị phạt nặng như thế?

Đáp:

Nhiều người nói rằng tô phụ loài người chỉ ăn có một trái cấm mà Đức Chúa Trời quá nghiêm khắc nên phạt nặng quá. Một trái cấm có đáng gì đâu. Tuy nhiên không phải vậy.

Đức Chúa Trời không phạt vì tội ăn trái cấm, nhưng Ngài phạt vì tội không vâng lời.

Nghe theo lời ma quỷ để hành động theo tư dục, và nhất là trái nghịch mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, cho nên đây là tội rất nghiêm trọng.

“*Nhưng tôi ngại rằng như xưa Ê-va bị cám dỗ bởi mưu chước con rắn kia, thì ý tưởng anh em cũng hư đi, mà đời đời thật thà tinh sạch đối với Đấng Christ chẳng.*” (2 Cô-rinh-tô 11:3).

10. Hỏi: Tại sao Đức Chúa Trời không tạo dựng con người không phạm tội?

Đáp: Đức Chúa Trời có quyền để làm điều đó. Nhưng nếu Ngài làm như vậy, chúng ta là những người máy, không có quyền quyết định và tự do chọn lựa. Chắc chắn chúng ta không ai muốn mình là một con robot phải không? Đức Chúa Trời muốn tạo dựng con người có ý chí tự do và sử dụng nó để tự nguyện làm theo ý muốn của Ngài.

“*Hỡi anh em, anh em đã được gọi đến sự tự do, song chớ lấy sự tự do đó làm dịp cho anh em ăn ở theo tính xác thịt, nhưng hãy lấy lòng yêu thương làm đầy tớ lẫn nhau.*” (Ga-la-ti 5:13).

11. Hỏi: Bản chất của con người sau khi sa ngã như thế nào?

Đáp: Sau khi sa ngã vì phạm tội, bản chất của con người bị nhiễm tội, có nghĩa là bản tính thánh khiết của công nghĩa đã bị nhiễm độc. Bản chất tội lỗi đã tiếp tục lưu truyền cho cả dòng dõi loài người.

Giống như hình ảnh dòng sông nước trong xanh, rồi một ngày kia, ở thượng nguồn dòng nước chảy vào vùng đất đỏ làm cho cả dòng sông phải nhiễm độc, dầu hạ nguồn chỉ chảy qua vùng cát sỏi nhưng nước cũng phải chịu đỏ phù sa.

“*Kìa, tôi sinh ra trong sự gian ác, mẹ tôi đã hoài thai tôi trong tội lỗi... Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội.*” (Thi Thiên 51:5; Rô-ma 5:12)

Sau khi học xong bài này, chúng ta biết mình là tạo vật cao quý của Đức Chúa Trời, tuy nhiên chúng ta cũng buồn vì tội lỗi và hình phạt của tội lỗi của con người thật quá nặng nề.

Tuy nhiên, chúng ta không tuyệt vọng. Bài học số 4 và 5 tiếp theo đây sẽ mở cho chúng ta một hy vọng tuyệt vời, đó là giải pháp cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời.

Ôn lại câu gốc của bài học. ☩

Câu gốc: “*Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung Bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Cứu Thế Giê-xu, là người.*” (1 Ti-mô-thê 2:5)

Đấng Trung bảo: “trung” là ở giữa; “bảo” là nhận lãnh trách nhiệm, giống như bảo hiểm hay bảo đảm. Đấng Trung bảo là Đấng trung gian nhận lãnh trách nhiệm với Đức Chúa Trời về việc trả thay tội lỗi của loài người.

Mục đích: *Nhằm giúp học viên: (1) Biết Chúa Giê-xu là ai. (2) Cuộc đời và chức vụ của Chúa Giê-xu trên đất. (3) Tại sao Ngài là Đấng Trung bảo duy nhất giữa Đức Chúa Trời và loại người.*

(Bài này nên học hai tuần)

Trước tình cảnh con người bất lực và tuyệt vọng trong tội lỗi (bài học số 3), Đức Chúa Trời đã làm gì?

Con người bất lực chứ Đức Chúa Trời không bất lực, vì Ngài là Đấng Toàn năng và Yêu thương. Ngay sau khi loài người sa ngã, Đức Chúa Trời đã hứa sẽ ban một Đấng Cứu Thế giày đạp (nguyên ngữ là “chà nát”) đầu con rắn là ma quỷ, và cứu những ai tin Ngài.

“Ta sẽ làm cho mày cùng người nữ, dòng dõi mày cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ giày đạp đầu mày, còn mày sẽ cắn gót chân người.” (Sáng Thế Ký 3:15).

Đức Chúa Trời đã thực hiện lời hứa ấy bởi sự hy sinh của Chúa Giê-xu trên Cây thập tự, mở con đường cứu rỗi cho những người chân thành ăn năn và hết lòng tin cậy Ngài.

Chúng ta sẽ cùng nhau học bài học Chúa Giê-xu sau đây.

1. Hỏi: Chúa Cứu Thế Giê-xu là ai?

Đáp: *Chúa Cứu Thế Giê-xu Là Ngôi Hai trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Khi hóa thân làm người, Ngài mang Danh xưng là Chúa Cứu Thế Giê-xu.*

“Ấy là hôm nay tại thành Đa-vít, đã sinh cho các ngươi một Đấng Cứu Thế, là Christ, là Chúa.” (Lu-ca 2:11)

Trong bài học số 1, chúng ta đã học biết Kinh Thánh bày tỏ Đức Chúa Trời có Ba Ngôi, Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Đức Chúa Con chính là Chúa Giê-xu, Ngôi Hai của Đức Chúa Trời, có Danh xưng là Giê-xu Christ.

2. Hỏi: Danh xưng “Giê-xu Christ” có nghĩa gì?

Đáp: *Giê-xu là tiếng Hy Lạp có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”.*

“Christ” (đọc là Kơ-rít) cũng là tiếng Hy Lạp có nghĩa là “Đáng chịu xúc dầu để làm Vua”.

Chúng ta có thể đọc từ Christ theo cách phiên âm Hán Việt là Cơ Đốc. Người Công Giáo và người Hoa đạo là Ki-tô.

Vậy, Giê-xu Christ hay Giê-xu Cơ Đốc có nghĩa là “Chúa Cứu Thế, Vua trên muôn vua.”

“Trên áo tôi và trên đùi Ngài, có đề một danh là: Vua của các vua và Chúa của các chúa.” (Khải Huyền 19:16)

3. Hỏi: Chúa Giê-xu là một nhân vật có thật trong lịch sử hay chỉ là huyền thoại?

Đáp: *Nhiều giáo chủ của một số tôn giáo chỉ là nhân vật huyền thoại. Tuy nhiên Chúa Giê-xu là nhân vật có thật trong lịch sử nhân loại, vì:*

(1) *Kinh Thánh là sử liệu viết về Chúa Giê-xu, được hàng tỉ người trên thế giới chấp nhận.*

Sử liệu khác với huyền thoại. Trên thế giới, những người không tin Chúa nhưng họ cũng công nhận Kinh Thánh viết về lịch sử một cách chính xác. Chúa Giê-xu là nhân vật lịch sử có nơi sinh, có tiểu sử một cách rất rõ ràng.

(2) *Chúa Giê-xu không chỉ là một nhân vật lịch sử, mà còn là trung tâm của lịch sử nhân loại. Sự giáng sinh của Chúa Giê-xu đã chia đôi dòng lịch sử. Mọi biên cố lịch sử phải căn cứ trên Chúa Giê-xu (trước và sau Chúa Giáng Sinh; hay trước và sau Công Nguyên).*

Ví dụ chúng ta nói năm nay là năm 2013, mặc nhiên chúng ta thừa nhận thời điểm này là thời điểm 2013 năm sau Chúa Giê-xu giáng sinh. Hoặc nói Hai Bà Trưng khởi nghĩa vào năm 43 trước Chúa, có nghĩa là thời điểm Hai Bà Trưng khởi nghĩa là 43 năm trước khi Chúa Giê-xu giáng sinh.

Chúng ta cũng vậy, khi nói rằng mình sinh năm 1960 chẳng hạn, có nghĩa là chúng ta mặc nhận rằng thời điểm mình sinh ra là 1960 năm sau Chúa Giê-xu giáng sinh. Mọi người sinh ra trên thế giới này đều có năm sinh, do đó đều mặc nhiên có mối liên hệ với Chúa Giê-xu.

Chúa Giê-xu không phải là huyền thoại nhưng Ngài là một nhân vật lịch sử, đã sinh ra, lớn lên, thi hành chức vụ tại xứ Do Thái cách đây hơn 2.000 năm.

4. Hỏi: Như vậy, Chúa Giê-xu có phải là một trong các vĩ nhân không?

Đáp: Không. Các vĩ nhân dù tài ba, xuất chúng đến đâu cũng vẫn là con người. Chúa Giê-xu có nguồn gốc từ ban đầu với Đức Chúa Trời. Ngài cũng là Đấng sáng tạo vũ trụ. Ngài tự hạ mình giáng sinh làm người. Vì vậy, dù vĩ nhân, giáo chủ, và cả đến thiên thần cũng không thể đặt ngang hàng với Chúa Giê-xu.

Giăng 1:1-3 “*Ban đầu có Ngôi Lời (tức là Chúa Giê-xu), Ngôi Lời ở với Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Từ ban đầu Ngài ở với Đức Chúa Trời. Muôn vật đều do Ngài tạo dựng, không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài.*”

Cô-lô-se 1:15 “*Chính Chúa Giê-xu là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình, là Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo.*”

Có người nói Chúa Giê-xu chỉ mới giáng sinh cách đây hơn 2.000 năm, còn Phật đản cách đây hơn 2.500 năm, vậy Chúa Giê-xu có sau Đức Phật.

Đúng là Chúa Giê-xu giáng sinh sau Đức Phật, nhưng Kinh Thánh cho biết gốc tích của Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, đến đúng thời điểm, Đức Chúa Trời giáng sinh làm người. Còn nhiều vĩ nhân khác sinh ra trước Chúa Giê-xu giáng sinh, nhưng tất cả các vị đó đều có gốc tích là con người.

Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, giáng sinh làm người vào đúng thời điểm Đức Chúa Trời chọn, nên không thể so sánh Chúa Giê-xu với bất kỳ một vĩ nhân nào.

5. Hỏi: Đức Chúa Trời đã ban Đấng Cứu Thế, là Chúa Giê-xu bằng cách nào?

Đáp: Theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Thế đã hóa thân làm người bằng cách được thai dựng bởi quyền năng của Đức Thánh Linh, sinh ra bởi thiếu nữ đồng trinh Ma-ri.

“Vậy nên, chính Chúa sẽ ban một điềm cho các ngươi: này, một gái đồng trinh sẽ chịu thai, sinh ra một trai, và đặt tên là Em-ma-nu-ên.” (Ê-sai 7:14)

Khi Chúa Giê-xu vào đời, không phải “hài nhi” đó được thụ thai theo cách thông thường của con người, tức là có sự phối hợp giữa người nam và người nữ. Nhưng Ngài được thai dựng bởi quyền phép Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh đã dùng trinh nữ Ma-ri để mang thai, và vì vậy, Chúa Giê-xu tuy sinh ra bình thường như những em bé khác, nhưng Ngài không thuộc dòng dõi A-đam, vì thế Ngài không bị di truyền tội lỗi từ A-đam.

Lời Chúa dạy: “Nhu trong A-đam mọi người đều chết, Cho nên, như bởi một người mà tội lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội” (1 Cô-rinh-tô 15:22 và Rô-ma 5:12).

Kinh Thánh cho biết, từ sự sa ngã của ông A-đam, mà tội lỗi đã đi vào trong thế gian. Duy chỉ có Chúa Giê-xu, là Đấng không ra từ dòng dõi A-đam nên Ngài hoàn toàn không bị di truyền tội lỗi.

Kinh Thánh cho biết Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời làm người. Đức Chúa Trời đã ban Đấng Cứu Thế cho nhân loại qua sự giáng sinh của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

6. Hỏi: Tại sao Đấng Cứu Thế phải hóa thân làm người, và chịu chết trên cây thập tự?

Đáp: Vì khi con người phạm tội, Đức Chúa Trời không muốn hình phạt con người cách không thương xót, và Ngài cũng không thể tha thứ tội lỗi bất chấp luật công bằng của Ngài.

Làm thế nào để có thể thỏa mãn bản tính công chính của Ngài (có tội thì phải hình phạt, vì Kinh Thánh cho biết hậu quả của tội lỗi là sự chết); lại vừa thỏa mãn đức yêu thương của Chúa (Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời là sự yêu thương)? Nếu phải phạt án tử hình thì thỏa mãn bản tính công chính nhưng lại vì phạm bản tính yêu thương. Nếu tha thì thỏa mãn bản tính yêu thương nhưng vì phạm bản tính công chính.

Với con người thì khó có giải pháp toàn hảo, nhưng với Đức Chúa Trời toàn năng và khôn ngoan thì Ngài có thể làm được. Vào đúng thời điểm, Đức Chúa Trời ban Con Một của Ngài, Ngôi Hai Đức Chúa Trời, là Chúa Cứu Thế trở thành người, chịu hình phạt thế cho loài người bằng cách chịu chết trên cây thập tự để làm giá chuộc tội cho mọi người, để bất kỳ ai tin vào sự chết chuộc tội đó đều nhận được sự tha thứ. Đó là giải pháp tốt nhất để thỏa mãn trọn vẹn bản tính công chính lẫn đức yêu thương của Đức Chúa Trời.

“Ấy vậy, Con Người đã đến, không phải để được người ta hầu việc mình, nhưng để hầu việc người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.” (Ma-thi-ơ 20:28)

7. Hỏi: Đấng Cứu Thế mang lấy thân người có giống chúng ta không?

Đáp: Có những điểm giống nhau và những điểm không giống nhau:

(1) Ngài giống chúng ta vì cũng mệt mỏi, đói khát, cảm động, xót thương, vui mừng, đau đớn, buồn bực, khóc, và chết.

“Vì chúng ta không có thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể cảm thương sự yếu đuối chúng ta, bèn có một thầy tế lễ bị thử thách trong mọi việc cũng như chúng ta, song chẳng phạm tội.” (Hê-bơ-rơ 4:15).

(2) Chúa Giê-xu không giống chúng ta vì Ngài không sinh ra theo công lệ do sự phối hợp giữa người nam và người nữ, nhưng Ngài được thai dựng bởi Đức Thánh Linh, Ngài không có cha về phần xác. Và điểm khác biệt lớn lao nhất là Ngài hoàn toàn vô tội, công chính tuyệt đối, yêu thương đời đời, và đắc thắng sự chết.

“Ấy đó thật là thầy tế lễ thượng phẩm mà chúng ta có cần dùng, thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội, được cất lên cao hơn các tầng trời.” (Hê-bơ-rơ 7:26).

8. Hỏi: Bản tính của Chúa Giê-xu như thế nào?

Đáp: Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có 2 bản tính: Bản tính Người và bản tính Trời. Ngài vừa có nhân tính lẫn thần tính. Ngài vừa là Đức Chúa Trời thật, vừa là con người thật.

(1) Với thần tính, Ngài mang bản tính của Đức Chúa Trời, có đủ tư cách để chết thay cho cả nhân loại.

(2) Với nhân tính, Ngài có thân thể và bản tính con người, nên có thể cảm thương và chết thay cho con người. Do đó, Ngài là Đấng Trung Bảo duy nhất giữa Đức Chúa Trời và con người.

Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Giê-xu Christ, là người” (1 Ti-mô-thê 2:5).

Ngài làm người như chúng ta, cũng sinh ra và lớn lên, cũng đói, cũng vui, buồn, cũng ăn cũng ngủ... (nhưng Ngài hoàn toàn vô tội). Chính vì vậy Ngài mới có thể cảm thương với con người và gánh tội lỗi của con người trong thân thể mình để chết thay được. Và Ngài là Đức Chúa Trời nên sự chết của Ngài có giá trị chuộc tội cho nhân loại.

Đức Chúa Trời chỉ có một bản tính là Thần tính.

Chúng ta chỉ có một bản tính là nhân tính.

Chỉ có Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất có hai bản tính: nhân tính và thần tính.

9. Hỏi: Chúa Giê-xu đã sống tại trần gian bao lâu và đã làm gì?

Đáp:

- Ngài đã sống tại trần gian 33 năm.

Đối với người Do Thái thì 30 tuổi mới là tuổi trưởng thành để thi hành chức vụ tôn giáo. Nên 30 năm đầu đời, Chúa Giê-xu sống và sinh hoạt trong gia đình với mẹ phần xác là bà Ma-ri, và cha nuôi là ông Giô-sép làm nghề thợ mộc, tại một ngôi làng tên là Na-xa-rét.

Ba năm sau cùng, từ năm 30 tuổi đến năm 33 tuổi, Ngài giảng dạy về Nước Đức Chúa Trời khắp các thành phố, làng mạc trong nước Do Thái, kêu gọi mọi người ăn năn, tin nhận Đấng Cứu Thế.

- Ngài đã chữa lành mọi thứ bệnh tật, đuổi quỷ, dẹp yên bão tố, kêu người chết sống lại, và làm nhiều phép lạ để chứng tỏ Ngài là Con Đức Chúa Trời, là Đấng Cứu Thế.

“Đức Chúa Giê-xu đi khắp các thành, các làng, dạy dỗ trong các nhà hội, giảng Tin Lành nước Đức Chúa Trời, và chữa các thứ tật bệnh.”(Ma-thi-ơ 9:35)

- Ngài cũng chọn mười hai sứ đồ, huấn luyện họ trở nên chứng nhân của Ngài.

“Đức Chúa Giê-xu gọi mười hai môn đồ đến, ban quyền phép trừ tà ma, và chữa các thứ tật bệnh.”(Ma-thi-ơ 10:1)

10. Hỏi: Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trên cây thập tự có phải là một sự thất bại vì bất lực không?

Đáp:Sau ba năm thi hành chức vụ, giảng đạo và kêu gọi mọi người ăn năn. Chúa Giê-xu bị các nhà lãnh đạo tôn giáo thời đó kết án tử hình vì họ ganh ghét Ngài.

Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên cây thập tự có phải là một sự thất bại vì bất lực không? Câu trả lời là “Không”! Trái lại đây là một sự đắc thắng hoàn toàn, vì:

(1) Ngài chịu chết để thực hiện kế hoạch của Đức Chúa Trời cứu chuộc loài người. Kế hoạch này đã được Đức Chúa Trời định trước.

“Này, sự yêu thương ở tại đây: ấy chẳng phải chúng ta đã yêu Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu chúng ta, và sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội chúng ta.”(1 Giăng 4:10).

(2) Sự chết không phải đến với Chúa Giê-xu cách bất ngờ:

- Cựu Ước đã có nhiều lời tiên tri nói trước về sự chết của Chúa Giê-xu.

Nhiều lời tiên tri trong Kinh Thánh đã nói trước về việc Chúa Giê-xu phải chịu chết đến từng chi tiết, và tất cả đều ứng nghiệm cách lạ lùng.

Chúng ta có thể xem thêm trong Ê-sai 53; Thi Thiên 22:16; Xa-cha-ri 12:10 v.v....

- Chúa Giê-xu đã nhiều lần nói trước rằng Ngài sẽ bị đóng đinh trên cây thập tự và sẽ sống lại.

“Từ đó, Đức Chúa Giê-xu mới tỏ cho môn đồ biết rằng mình phải đi đến thành Giê-ru-sa-lem, phải chịu tại đó nhiều sự khốn khổ bởi những người trưởng lão, thầy tế lễ cả, cùng thầy thông giáo, và phải bị giết, đến ngày thứ ba phải sống lại.”(Ma-thi-ơ 16:21)

(3) Chúa Giê-xu đã bảo rằng mục đích Ngài đến trần gian là để chịu chết chuộc tội cho mọi người.

“Ấy vậy, Con Người đã đến, không phải để được người ta phục vụ mình, nhưng để phục vụ người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.” (Ma-thi-ơ 20:28)

(4) Trên cây thập tự, Chúa Giê-xu đã long trọng tuyên bố:

“Mọi việc đã được trọn”(Giăng 19:30).

- Sự cứu chuộc đã hoàn tất, không còn gì thêm bớt được nữa. Trong vũ trụ, không có nơi nào chứng minh một cách mạnh mẽ về quyền năng, sự khôn ngoan, lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đối với loài người cho bằng tại cây thập tự.

“Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết.” (Rô-ma 5:8)

11. Hỏi: Lý do nào chúng ta tin rằng Chúa đã Phục Sinh?

Đáp:

Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên cây thập tự, được chôn trong hầm mộ đá, sau ba ngày, Chúa Giê-xu đã sống lại. Vậy dựa vào đâu chúng ta tin Chúa Giê-xu đã phục sinh, hay sống lại?

(1) Chúa Phục Sinh hiện ra với các môn đồ và ở với họ trong 40 ngày, vì vậy Chúa phục sinh không phải là một hiện tượng mơ hồ. Vì suốt 40 ngày ở với môn đồ Ngài đã gặp gỡ, tiếp xúc, trò chuyện với họ:

“Sau khi chịu đau đớn rồi, thì trước mặt các sứ đồ, Ngài lấy nhiều chứng cứ tỏ ra mình là sống, và hiện đến với các sứ đồ trong bốn mươi ngày, phán bảo những sự về Nước Đức Chúa Trời.”(Công Vụ 1:3).

(2) Ngôi mộ trống.

Vì là xứ sa mạc và núi, nên người Do Thái ngày trước không chôn người chết dưới đất như chúng ta mà họ đục vào núi đá làm những hầm mộ và đặt xác người chết nằm trên một tảng đá trong hầm mộ đó.

Chúa Giê-xu là giáo chủ duy nhất không để lại chút xá lợi nào cho hậu thế mà chỉ có một ngôi mộ trống không, vì Ngài đã sống lại. Sự sống lại của Ngài chứng tỏ Ngài là Đức Chúa Trời, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể bẻ gãy chìa khóa của sự chết và âm phủ mà thôi.

“Đoạn họ vào nơi mộ, thấy một người trẻ tuổi ngồi bên hữu, mặc áo dài trắng, thì thất kinh. Song người nói cùng họ rằng: Đừng sợ chi, các ngươi tìm Đức Chúa Giê-xu Na-xa-rét, là Đấng đã chịu đóng đinh; Ngài sống lại rồi, chẳng còn ở đây; hãy xem nơi đã táng xác Ngài”(Mác 16:5-6).

(3) Các môn đồ được biến cải lạ lùng, từ sợ hãi biến thành can đảm, và họ cứ giảng luận về sự sống lại của Đấng Cứu Thế mặc dù phải chịu nhiều sự chống đối và bắt bớ.

“Hằng ngày, tại trong đền thờ hoặc từ nhà này sang nhà khác, các sứ đồ cứ tiếp tục dạy dỗ và rao truyền Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu, là Đấng Christ” (Công Vụ 5:42).

(4) Sự phát triển của Hội Thánh đầu tiên.

“Đạo Đức Chúa Trời càng ngày càng tràn ra, số môn đồ tại thành Giê-ru-sa-lem thêm lên nhiều lắm. Cũng có rất nhiều thầy tế lễ vâng theo đạo nữa” (Công Vụ 6:7).

Từ một người bị đóng đinh trên cây thập tự, một hình thức xử tử rất khủng khiếp thời đó, nhưng sau sự kiện Chúa Giê-xu sống lại thì đạo Chúa đã phát triển một cách lạ lùng, từ Giê-ru-sa-lem, lan đến nhiều nơi, rồi phát triển khắp cả thế giới cổ thời đó, và cho đến cùng thế giới ngày nay.

(5) Nhiều người đã thấy Chúa phục sinh: Ông Ê-Tiên đã thấy Chúa ở thiên đàng vinh hiển; Chúa Phục Sinh đã hiện ra với ông Sau-lơ trên đường đi Đa-mách, và với sứ đồ Giăng ở đảo Bát-mô. Kinh Thánh cho biết có lần Chúa hiện ra cho 500 người trông thấy.(Công Vụ 7:55; Công Vụ 9:5; Khải Huyền 1:17).

(6) Hội Thánh đầu tiên bắt đầu thờ phượng Chúa vào ngày thứ nhất trong tuần lễ (tức ngày Chúa Nhật), để kỷ niệm Chúa sống lại. Cả thế giới lấy ngày này làm ngày nghỉ.

“Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng tôi nhóm lại để bẻ bánh. Phao-lô giảng luận cho các môn đồ”. (Công Vụ 20:7)

Với rất nhiều lý do như vậy, chúng ta tin Chúa Giê-xu đã thật sự phục sinh như lời Ngài đã công bố trước. Cảm ơn Chúa vì Đấng chúng ta tôn thờ không phải là Đấng chết nhưng là Đấng Sống.

12. Hỏi: Chúa Giê-xu Phục sinh có ý nghĩa gì cho chúng ta?

Đáp: Sự Phục Sinh của Chúa Giê-xu có ý nghĩa rất quan trọng:

(1) Điều này chứng tỏ sự chết thay cho tội nhân của Chúa Giê-xu được Đức Chúa Trời chấp nhận. (Công Vụ 2:24-32; 3:15; 4:10; 5:30).

Nếu Chúa Giê-xu chết và chết luôn thì Ngài cũng chỉ là một con người như bao người khác mà thôi, lời tuyên bố chết thay cho tội lỗi của nhân loại hoàn toàn không có giá trị.

(2) Chứng minh Ngài là Con Đức Chúa Trời, vì Ngài thắng hơn sự chết(Rô-ma 1:4).

Vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể bẻ gãy chìa khóa của sự chết và âm phủ mà thôi. Có thể có người đã chết rồi bỗng hồi sinh, nhưng sau đó họ cũng phải chết. Chúa Giê-xu sống lại và sống mãi mãi vì Ngài là Con Đức Chúa Trời.

(3) Bảo đảm rằng Ngài cung ứng sự cứu chuộc, và ban quyền năng phục sinh cho chúng ta để sống và phục vụ Ngài có hiệu quả.(1 Cô-rinh-tô 15:20-21; 1 Ti-mô-thê 1:12).

Chúa sống lại vì vậy Đấng chúng ta tôn thờ là Đấng Sống, có quyền ban quyền năng cho những ai tin theo Ngài. Nếu tôn thờ một Đấng đã chết thì Đấng chết đó không thể có quyền năng gì để ban cho người theo họ, vì bản thân họ cũng đã chết rồi!

(4) Làm nền tảng đức tin của chúng ta, và bảo chúng rằng người chết trong Đấng Christ sẽ được sống lại như lời Kinh Thánh đã viết. Vì Chúa sống lại, người tin theo Ngài cũng sẽ sống lại trong ngày sau rốt(xem thêm 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14).

Lời Chúa khẳng định trong 1 Cô-rinh-tô 15:17: *“nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại, thì đức tin anh em cũng vô ích, anh em còn ở trong tội lỗi mình”.*

Nền tảng của niềm tin Tin Lành là sự chết và sống lại của Chúa Giê-xu. Trải qua gần 2.000 năm, và cho đến cả ngày nay, đạo Chúa bị bắt bớ, chống đối và người ta tìm đủ mọi cách để tiêu diệt, nhưng Tin Lành vẫn tồn tại và phát triển.

Nếu ngày nay người ta chứng minh được rằng Chúa Giê-xu không sống lại, hoặc ngành khảo cổ tìm thấy hài cốt hay xá lợi của Chúa Giê-xu thì Tin Lành tức khắc sụp đổ ngay.

Tuy nhiên, càng bắt bớ, càng tìm tòi thì chỉ càng chứng minh rằng những gì Kinh Thánh nói đến là hoàn toàn chính xác mà thôi. Vậy chúng ta hãy vững lòng về niềm tin của mình đặt nơi Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, Đấng Hằng Sống.

13. Hỏi: Bồi sự thăng thiên, Chúa Giê-xu làm gì cho chúng ta?

Đáp: Sau khi sống lại, Chúa ở với môn đồ 40 ngày rồi Ngài thăng thiên trước sự chứng kiến của môn đồ. *Kinh Thánh cho biết:*

“Ngài phán bấy nhiêu lời rồi, thì được cất lên trong lúc các người đó nhìn xem Ngài, có một đám mây tiếp Ngài khuất đi, không thấy nữa” (Công Vụ 1:9).

Chúa Giê-xu thăng thiên không phải Ngài bỏ chúng ta, nhưng bởi sự thăng thiên, Chúa Giê-xu đã làm cho chúng ta nhiều điều:

(1) Ngài ban Đức Thánh Linh xuống. Đức Thánh Linh là Ngôi Ba của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ học kỹ ở một bài học riêng. (Xem Giăng 16:7-15; Công Vụ 2:32, 33)

(2) Ngài cầu thay cho chúng ta. (Rô-ma 8:33-34; Hê-bơ-rơ 7:25)

Kinh Thánh cho biết hiện nay Ngài ngồi bên phải Đức Chúa Trời cầu thay cho chúng ta. Đây là điều an ủi rất lớn cho con dân Chúa.

(3) Ngài ban ân tứ cho Hội Thánh để mọi người cùng nhau phục vụ Chúa, gây dựng và phát triển Hội Thánh.

Ê-phê-sô 4:8-11 *“Vậy nên có chép rằng:*

Ngài đã lên nơi cao, dẫn muôn vàn kẻ phu tù,

Và ban các ơn cho loài người.

Và, những chữ ‘Ngài đã lên’ có nghĩa gì, há chẳng phải là Ngài cũng đã xuống trong các miền thấp ở dưới đất sao? Đáng đã xuống tức là Đáng đã lên trên hết các tầng trời, để làm cho đầy đầy mọi sự.

Ấy chính Ngài đã cho người này làm sứ đồ, kẻ kia làm tiên tri, người khác làm thầy giảng Tin Lành, kẻ khác nữa làm mục sư và giáo sư.”

(4) Ngài sắm sẵn cơ nghiệp cho con cái Ngài để khi Ngài trở lại sẽ tiếp rước chúng ta về ở với Ngài đời đời.

“Lòng các người chó hề bối rối; hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin ta nữa. Trong nhà Cha ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, ta đã nói cho các người rồi. Ta đi sắm sẵn cho các người một chỗ. Khi ta đã đi, và đã sắm sẵn cho các người một chỗ rồi, ta sẽ trở lại đem các người đi với ta, hầu cho ta ở đâu thì các người cũng ở đó.” (Giăng 14:1-3)✠

Ôn lại câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, và chỉ có một Đấng Trung Bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người, tức là Đức Chúa Cứu Thế Giê-xu, là người.” (1 Ti-mô-thê 2:5)

Ước mong qua bài học này, chúng ta sẽ thật sự hiểu tại sao tôi đặt niềm tin mình nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu, và cũng có thể giới thiệu niềm tin cho gia đình, bạn bè và nhiều người khác. ✠



Bài 5

TỘI LỖI VÀ SỰ CỨU CHUỘC

Câu gốc: “Đức Chúa Giê-xu Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc chắn, đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy; trong những kẻ có tội đó ta là đầu...” (1Ti-mô-thê 1:15)

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu được tội lỗi là gì và hậu quả của tội lỗi. (2) Nhận biết mình là người tội lỗi không phương tự cứu. (3) Làm thế nào để nhận được sự cứu rỗi.

1. Hỏi: Từ khi sa ngã, con người có tu tâm dưỡng tính để trở nên tốt như trước không?

Đáp: Không! Trái lại, con người mỗi ngày một bại hoại, hư xấu hơn. Tội lỗi cứ gia tăng.

“Đức Giê-hô-va thấy sự hung ác của loài người trên mặt đất rất nhiều, và các ý tưởng của lòng họ chỉ là xấu luôn.”

(Sáng Thế Ký 6:5)

Ngày nay nhiều người nghĩ nhờ giáo dục, luật pháp hoặc khoa học tiến bộ, con người sẽ tốt hơn, nhưng thực tế thì ngược lại. Người ta đã xây dựng biết bao nhà tù, quy định nhiều hình phạt khắt khe, nhưng tội lỗi vẫn cứ gia tăng. Khoa học càng tiến bộ, thì con người phạm tội càng tinh vi hơn. Nhiều người học cao hiểu rộng nhưng không áp dụng những hiểu biết của mình để phục vụ xã hội mà lại nghĩ ra nhiều hình thức phạm tội tinh vi và nguy hiểm. Ví dụ họ tạo ra virút máy tính, chế tạo bom sinh học... hoặc như Pôn Pốt chẳng hạn, ông ta tốt nghiệp kỹ sư về radio tại Pháp vào năm 1949 nhưng lại trở thành tay diệt chủng.

Con người không thể nào tự tu tâm dưỡng tính được, vì tội lỗi đã làm băng hoại đạo đức và mỗi ngày tội lỗi ngày càng gia tăng thêm lên.

2. Hỏi: Tội lỗi là gì?

Đáp: Tội lỗi theo Kinh Thánh là “không đạt tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời quy định. Không đạt tới mục tiêu”

Nhiều người nghĩ tội lỗi là trộm cắp, giết người... nên họ tự cho mình không phạm tội. Thật ra đó chỉ là hậu quả của tội lỗi. Theo Kinh Thánh, tội lỗi là khicon người sử dụng sai mục đích quyền tự do được Đức Chúa Trời ban cho. Con người phạm tội khi làm những điều Đức Chúa Trời không muốn; và không làm những điều Đức Chúa Trời muốn.

Kinh Thánh Rô-ma 3:23 khẳng định: “Mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời”.

Con người sau khi sa ngã, thì tội lỗi di truyền, nên không một ai sống đúng theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời được, vì tất cả mọi người đều đã phạm tội.

Các tội lỗi điển hình như:

(1) Chối bỏ, không tin Đấng tạo dựng nên mình.

(Xem Ê-sai 1:2-4; Rô-ma 1:21-25)

Đức Chúa Trời ban cho chúng ta sự sống và mọi sự trên đất như không khí, nước để sống, nhưng con người lại chối bỏ Đức Chúa Trời, không tin Ngài mà lại đi thờ lạy hình tượng, thú vật như con cạp, con công, con rùa, con rắn...

(2) Trái luật pháp của Đức Chúa Trời.

1 Giăng 3:4 “Còn ai phạm tội là hành động trái luật pháp; vì tội lỗi là trái luật pháp.”

Có thể chúng ta không làm trái luật của nhà nước, nhưng lại làm trái luật pháp của Đức Chúa Trời. Không tôn thờ Đấng tạo dựng nên mình là làm trái luật pháp Chúa vậy.

(3) Không làm điều lành, điều tốt như đáng phải làm.

“Ai biết điều tốt cần phải làm mà không làm, thì phạm tội”. (Gia-cơ 4:17)

Có lẽ ai cũng có kinh nghiệm mình biết điều tốt và rất muốn sống tốt nhưng cứ làm sai hoải; ai cũng biết điều xấu và không muốn làm, nhưng cứ bị cám dỗ làm điều xấu mình không muốn mãi. Ngay cả những kẻ cướp của giết người cũng biết làm như vậy là sai, nhưng chúng cũng cứ làm. Đó là tình trạng tội lỗi của con người.

(4) Tư tưởng, lời nói, hành động trái lương tâm.

Lương tâm là điều Đức Chúa Trời phú bẩm cho con người, nhưng tội lỗi làm cho lương tâm chai lỳ, không còn cắn rứt nữa, thậm chí lương tâm chết luôn!

(Xem Châm Ngôn 24:9; Giê-rê-mi 17:9; Rô-ma 2:14-15; Gia-cơ 3:6)

3. Hỏi: Có mấy thứ tội, xin kể ra và giải thích?

Đáp: Có hai thứ tội: nguyên tội và kỹ tội.

(1) Nguyên tội: là bản chất tội lỗi do tổ phụ di truyền cho cả loài người.

Người xưa nói “Nhân chi sơ tính bổn thiện” có nghĩa là con người mới sinh ra mang bản tính thiện, thật ra không phải vậy. Thử nhìn xem một đứa trẻ chưa tiếp xúc với xã hội bên ngoài, nhưng nó đã thể hiện tính không vâng lời cha mẹ; thiếu yêu thương nên dành đồ chơi, dành ăn với anh chị em. Phần lớn trẻ bị đòn là vì không vâng lời cha mẹ. Ai đã dạy cho đứa trẻ không vâng lời và thiếu yêu thương? Chúng chưa tiếp xúc với xã hội thì tiêm nhiễm từ đâu? Câu trả lời chính xác, đó là bản tính di truyền tội không vâng lời từ tổ phụ chúng ta. Con người ai cũng đã nhiễm nguyên tội từ lúc mới sinh ra.

Kinh Thánh khẳng định: “Kìa, tôi sinh ra trong sự gian ác, mẹ tôi đã hoài thai tôi trong tội lỗi... Cho nên, như bởi một người mà tôi lỗi vào trong thế gian, lại bởi tội lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội.” (Thi Thiên 51:5; Rô-ma 5:12)

(2) Kỹ tội: là tội riêng của từng người.

Đây là tội lỗi do con người sống với nhau gây nên. Càng sống lâu thì tội lỗi của từng người càng nhiều.

Ga-la-ti 5:19-21 “Công việc của xác thịt thật rõ ràng, đó là: Gian dâm, ô uế, buông tuồng, thờ hình tượng, phù phép, thù oán, gây gổ, ghen ghét, giận dữ, ích kỷ, bất bình, phe đảng, ganh tị, say sưa, chè chén, và những việc tương tự khác. Tôi cảnh cáo anh em, như tôi đã từng cảnh cáo: Những ai làm các việc như thế sẽ không được hưởng vương quốc Đức Chúa Trời”.

Như vậy, ai trong chúng ta nói mình là người không có tội?

Tất cả chúng ta đều là tội nhân trước mặt Đức Chúa Trời. Chúng ta di truyền nguyên tội của tổ phụ; rồi trong cuộc sống, chúng ta phạm thêm những kỹ tội. Đúng như lời Kinh Thánh khẳng định: “Chẳng có một ai công chính cả, Dù một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu biết, Chẳng có một người nào tìm kiếm Đức Chúa Trời. Tất cả đều lầm lạc, đều trở nên vô ích; Chẳng có một ai làm điều lành, dù một người cũng không” (Theo Rô-ma 3:10-12).

4. Hỏi: Tội lỗi gây nên những hậu quả nào?

Đáp: Hậu quả của tội lỗi vừa có tính cách tâm linh, vừa vật chất; vừa trong đời này vừa trong đời sau:

(1) Tội lỗi đưa tội nhân đến sự đau khổ, bất an, tuyệt vọng.

Châm Ngôn 13:21 “Tai họa đuổi theo kẻ tội ác, phước hạnh bám sát người thiện lành”.

Ê-sai 57:21 “Đức Chúa Trời ta đã phán: Những kẻ gian ác chẳng hưởng sự bình an”.

Đúng thế, khi phạm tội, làm điều sai trái thì lòng chúng ta lo lắng, bất an, có thể mất ăn mất ngủ...

(2) Tội lỗi biến tội nhân thành nô lệ cho tội lỗi.

Một người kia bận quần trắng, mang giày trắng, đi vào một khu chợ cá sinh lầy. Ban đầu người ấy đi rón rén vì sợ dơ giày và quần, nhưng rồi người ấy trượt chân, giày và quần bị lấm lem. Bắt đầu từ đó, người ấy không còn giữ gìn nữa, cứ đi một cách thoải mái vì nghĩ rằng nào cũng bị lấm rồi.

Tội luôn sinh thêm tội. Tội nhân sẽ bị nô lệ cho tội lỗi không thoát ra được.

Rô-ma 6:16-17: “Anh em không biết rằng nếu anh em đem thân làm nô lệ để vâng phục người nào, thì anh em là nô lệ cho người mình vâng phục sao? Hoặc nô lệ của tội lỗi dẫn đến sự chết, hoặc nô lệ của sự vâng phục dẫn đến sự công chính.”

(3) Tội lỗi làm cho tội nhân phân cách với Đức Chúa Trời (chết tâm linh).

Tội lỗi làm cho thân xác chúng ta đang sống đó, nhưng tâm linh đã bị phân cách với Đức Chúa Trời, không còn được tương giao với Ngài nữa. Giống như một đường ống dẫn nước bị đóng phèn làm cho nước không chảy được, mặc dù nhà máy nước vẫn cung cấp nước.

Ê-phê-sô 2:1 “Anh em đã chết vì những vi phạm và tội lỗi của mình”.

Chết đây là chết tâm linh. Người bị tù, họ bị phân cách khỏi xã hội bên ngoài, nên họ sống cũng như chết. Chết tâm linh có nghĩa là tâm linh bị phân cách với Đấng tạo dựng nên mình.

(4) Tội lỗi ném tội nhân vào hoả ngục đời đời. Đây là hậu quả tất yếu của tội lỗi mà Kinh Thánh đã báo trước:

2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9 “Họ sẽ chịu hình phạt hủy diệt đời đời, phân cách khỏi sự hiện diện của Chúa và vinh quang của quyền năng Ngài”.

Khải Huyền 20:15 “Người nào không được ghi tên vào sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa”.

Hậu quả của tội lỗi thật đáng sợ, không phải chỉ trong đời này mà cả trong đời sau nữa.

5. Hỏi: Con người có thể tự cứu mình thoát khỏi tội lỗi được không?

Đáp: Con người hoàn toàn bất lực trước sức mạnh của tội lỗi. Càng vùng vẫy, con người càng bị trói buộc vào bẫy lưới của tội lỗi.

Rô-ma 7:14-24 “Chúng ta biết rằng luật pháp là thiêng liêng; nhưng tôi là người xác thịt đã bị bán cho tội lỗi. Tôi không hiểu điều mình làm. Vì tôi không làm điều mình muốn, nhưng lại làm điều mình ghét. Nhưng nếu tôi làm điều mình không muốn, thì tôi nhìn nhận luật pháp là tốt đẹp. Bây giờ không phải tôi làm điều đó nữa, nhưng chính tội lỗi ở trong tôi. Vì tôi biết rằng điều thiện không ở trong tôi, nghĩa là trong xác thịt tôi. Tôi có ý muốn làm điều thiện, nhưng tôi không có khả năng để làm. Vì tôi không làm điều thiện mình muốn, nhưng lại làm điều ác mình không muốn. Nếu tôi làm điều mình không muốn, thì không phải là tôi, mà là tội lỗi trong tôi làm điều đó.

“Vì vậy, tôi khám phá ra luật này: Khi tôi muốn làm điều thiện, thì điều ác bám theo tôi. Trong thâm tâm, tôi rất vui thích luật pháp của Đức Chúa Trời; nhưng tôi cảm biết trong chi thể tôi có một luật khác giao chiến với luật trong tâm trí tôi, bắt tôi phải làm nô lệ cho luật của tội lỗi, là luật ở trong chi thể tôi. Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ giải cứu tôi khỏi thân thể hay chết này?”

Con người ai cũng biết điều tốt, ngay cả một đứa trẻ hay một tên cướp cũng vậy, nhưng biết điều tốt là một việc, còn làm được điều tốt là việc khác. Con người bất lực vì không thể làm điều tốt mình muốn, mình biết, nên không ai có thể tự cứu mình thoát khỏi tội lỗi được. Như vậy giải pháp tu thân tích đức hoàn toàn không khả thi.

Học đến đây, chúng ta thấy con người ai cũng là tội nhân, và con người hoàn toàn bất lực và tuyệt vọng trước tình cảnh tội lỗi không phương tự cứu.

Như vậy, tuyệt vọng chăng? Không! Tin Lành chính là Tin mừng, Tin vui cho loài người. Chúng ta sẽ cùng nhau học biết giải pháp của Đức Chúa Trời để cứu con người thoát khỏi hình phạt của tội lỗi ngay sau đây.

6. Hỏi: Vậy, Đức Chúa Trời đã làm gì trước tình cảnh con người bất lực và tuyệt vọng trong tội lỗi?

Đáp:

- Ngay sau khi loài người sa ngã, Đức Chúa Trời đã hứa sẽ ban một Đấng Cứu Thế giày đạp (nguyên văn là “chà nát”) đầu con rắn là ma quỷ, và cứu người tin Ngài.

“Ta sẽ làm cho máy cùng người nữ, dòng dõi máy cùng dòng dõi người nữ nghịch thù nhau. Người sẽ giày đạp đầu máy, còn máy sẽ cắn gót chân người.” (Sáng Thế Ký 3:15).

- Đức Chúa Trời đã thực hiện lời hứa ấy bởi sự hy sinh của Chúa Giê-xu trên Thập Tự Giá, mở con đường cứu rỗi cho những người chân thành ăn năn và hết lòng tin cậy Ngài.

Rô-ma 5:6-8 “Thật vậy, khi chúng ta còn yếu đuối, Đấng Christ đã theo kỳ hẹn chịu chết vì kẻ có tội. Và, họa mới có kẻ chịu chết vì người nghĩa; để thường cũng có kẻ bằng lòng chết vì người lành. Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết.”

7. Hỏi: Chúa Cứu Thế đã thực hiện và hoàn tất kế hoạch cứu rỗi. Vậy, muốn được cứu rỗi, con người phải làm gì?

Đáp: Kinh Thánh khẳng định: Muốn được cứu rỗi, con người phải **ăn năn tội và tin Chúa Giê-xu làm Chúa Cứu Thế.** (Xem Công Vụ 20:20-21; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9-10)

Chúng ta đã biết, con người tội lỗi không thể tự mình cứu mình bằng con đường tu thân tích đức được. Cả nhân loại đều là tội nhân, vì vậy không một người nào có thể cứu người khác được. Chỉ có một Đấng vượt khỏi con người, đó là Chúa Cứu Thế Giê-xu, là Đức Chúa Trời làm người, gánh tội lỗi của nhân loại trên vai và chịu trả án phạt thay cho chúng ta thì chúng ta mới được sạch tội mà thôi. Tuy nhiên, để được tha tội và được cứu, mỗi người cần phải ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu.

8. Hỏi: Ăn năn là gì?

Đáp: Ăn năn là hành động quay khỏi tội lỗi, trở lại con đường công chính của Đức Chúa Trời.

Sự ăn năn thật trải qua 4 bước, có liên quan đến cả 3 phương diện của con người (xem câu chuyện Chúa kể trong Lu-ca 15:3-24).

- Phương diện lý trí:

* **Bước 1:** Nhận thức về tình trạng tội lỗi của mình (câu 17a). Tôi phải nhận biết tôi là người có tội.

Qua những bài đã học, trong vòng chúng ta có ai nói rằng mình là người không hề phạm tội không? Nếu xác nhận mình là người có tội thì đã trải qua bước thứ nhất của sự ăn năn.

- Phương diện tình cảm:

* **Bước 2:** Đau buồn về tội lỗi (câu 17b).

Nhận biết tội lỗi chưa đủ, vì nhiều kẻ tội phạm cướp của giết người vẫn nhận biết mình làm như vậy là không đúng, nhưng họ vẫn cứ tiếp tục đi con đường sai phạm của mình.

Ăn năn thật là phải nhận biết mình là người có tội, đồng thời phải biết đau buồn về tội lỗi của mình.

- Phương diện ý chí:

* **Bước 3:** Quyết chí từ bỏ tội lỗi (câu 18).

Sau khi nhận biết tội, đau buồn về tội, thì phải quyết tâm từ bỏ. Đau buồn, ray rức về tội lỗi mà không từ bỏ thì mới chỉ là hối hận mà thôi, chưa đủ.

* **Bước 4:** là bước quan trọng nhất: Quay trở về đầu phục Đức Chúa Trời (câu 20-21). Trước kia chúng ta đầu phục tội lỗi, thì nay quay trở lại đầu phục Đức Chúa Trời.

Ăn năn thật gồm 4 bước: Nhận biết tội - Đau buồn về tội của mình - Quyết chí từ bỏ - và Quay trở lại đầu phục Đức Chúa Trời.

9. Hỏi: Đức tin nơi Chúa Giê-xu là gì?

Đáp: Đức tin nơi Chúa không phải là chỉ tin có Chúa. Kinh Thánh nói rằng ma quỷ cũng tin có Chúa và còn run sợ nữa, nhưng chúng vẫn là ma quỷ, không thay đổi.

Đức tin nơi Chúa là hành động tiếp nhận Chúa Giê-xu làm Đấng Cứu Thế cho riêng mình và phó thác cả cuộc đời mình cho Ngài, thờ phượng Ngài trọn đời.

Giăng 1:12 “*Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin Danh Ngài*”.

10. Hỏi: Khi một người đã ăn năn, tin nhận Đấng Cứu Thế, thì Đức Chúa Trời sẽ làm gì cho người ấy?

Đáp: Khi ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu, thì Kinh Thánh cho biết Đức Chúa Trời sẽ ban cho người ăn năn 3 điều sau đây:

(1) Đức Chúa Trời tha thứ mọi tội lỗi của người đó.

“Đấng yêu thương chúng ta, đã lấy huyết mình rửa sạch tội lỗi chúng ta, và làm cho chúng ta nên nước Ngài, nên thầy tế lễ của Đức Chúa Trời là cha Ngài, đáng được sự vinh hiển và quyền năng đời đời vô cùng! A-men.” (Khải Huyền 1: 6)

(2) Đức Chúa Trời tái sinh người đó để trở nên con cái Ngài, ban cho người đó một bản chất mới. **2 Cô-rinh-tô 5:17** khẳng định: “*Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, này mọi sự đều trở nên mới.*”

(3) Đức Chúa Trời ban Thánh Linh ngự vào lòng để thánh hóa người đó. “*Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, là Đấng mà anh em đã nhận bởi Đức Chúa Trời, và anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao?*” (1 Cô-rinh-tô 6:19)

Chúng ta đã được tha thứ tội lỗi, vì sao? Vì Chúa Giê-xu đã gánh thay tội của chúng ta và chết thay cho chúng ta trên cây thập tự rồi. Chúng ta được trở thành người mới, vì bây giờ tội lỗi đã được tha, được Đức Thánh Linh ngự vào lòng thánh hóa chúng ta để chúng ta bắt đầu đời sống mới có Chúa Giê-xu là Đấng sống làm Chúa, làm chủ cuộc đời mình. Đó chính là phước hạnh lớn nhất của người tin nhận Chúa Giê-xu.

11. Hỏi: Tại sao một mình Đấng Cứu Thế có thể chết thay cho tất cả nhân loại?

Đáp : Dù loài người đông đến đâu vẫn là hữu hạn. Nhưng Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Trời nên Ngài là Đấng là vô hạn. Vì vậy, sự chết của Ngài có giá trị cứu chuộc tất cả mọi người, trong mọi thời đại.

Lịch sử Việt Nam có trường hợp ông Lê Lai đã liều mình để cứu ông Lê Lợi. Ông Lê Lai chỉ chết thay cho một mình ông Lê Lợi, nhưng Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời nên Ngài chết thay cho toàn nhân loại.

12. Hỏi: Những người sống trước khi Chúa Cứu Thế chịu chết trên Thập Tự Giá thì sao?

Đáp:

- (1) Loài người sống trước ngày Đấng Cứu Thế chịu chết, nếu bởi đức tin đến Đấng Cứu Thế mà dâng lên Đức Chúa Trời của lễ chuộc tội, như lời Chúa phán, thì họ đã được cứu. (Sáng Thế Ký 4:4)
- (2) Loài người sống sau ngày Đấng Cứu Thế chịu chết, nếu ăn năn tin nhận Ngài thì sẽ được cứu (Công Vụ 16:31).
- (3) Mọi người sống trong mọi thời đại mà không hề biết về việc dâng tế lễ hoặc việc tin nhận Chúa Giê-xu, thì Đức Chúa Trời sẽ dựa theo luật pháp đặt trong lòng họ (lương tâm) mà đoán xét họ (Rô-ma 2:14-16).

Ôn lại câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Đức Chúa Giê-xu Christ đã đến trong thế gian để cứu vớt kẻ có tội, ấy là lời chắc chắn, đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy; trong những kẻ có tội đó ta là đầu...” (1Ti-mô-thê 1:15)

Nhiều người nói tôi không cần tin Chúa, chỉ cần tôi ăn hiền ở lành là được. Nhưng qua bài học này, chúng ta thấy ai cũng muốn ăn hiền ở lành, nhưng thực tế cho thấy không ai có thể ăn hiền ở lành trọn vẹn được. Vì vậy, không ai có thể tự cứu mình, tôn giáo cũng không cứu được, tu luyện cũng không... chỉ có một con đường duy nhất là ăn năn và tin nhận Chúa Giê-xu để tội lỗi được tha thứ và linh hồn được cứu rỗi. ✠



Bài 6

ĐỨC THÁNH LINH

Câu gốc: “*Nhưng Đấng An ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh Ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự, nhắc lại cho các ngươi nhớ mọi điều Ta đã phán cùng các ngươi*” (Giăng 14:26)

Mục đích: *Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu biết về Ngôi Ba trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. (2) Mối liên hệ giữa tín hữu với Đức Thánh Linh.*

Ở bài học thứ nhất, chúng ta đã học về Đức Chúa Trời có Ba Ngôi, là Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh. Trong bài 4 chúng ta đã học về Ngôi Hai Đức Chúa Trời là Chúa Giê-xu. Hôm nay, chúng ta học về Ngôi Ba của Đức Chúa Trời là Đức Thánh Linh.

Khi nói đến Đức Chúa Trời, ai cũng dễ hình dung ra một Đấng tối cao, vì trong thâm tâm của mỗi người ít nhiều cũng đã có ý niệm về Đấng Tạo Hóa.

Khi học đến Chúa Giê-xu, ai cũng hiểu Chúa là ai, vì Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời làm người bằng xương bằng thịt như chúng ta nên dễ hình dung.

Nhưng khi học đến Đức Thánh Linh, nhiều người thấy khó hiểu, vì Ngài là Đấng vô hình và mỗi người chỉ có thể hiểu được Đức Thánh Linh bằng kinh nghiệm mà thôi. Tuy nhiên, không vì thế mà chúng ta hoàn toàn không thể hiểu. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta biết Kinh Thánh dạy gì về Đức Thánh Linh, Đấng đang ở trong lòng những người tin Ngài.

Phúc Âm Giăng 16:6, Chúa Giê-xu phán: “Ta đi là ích lợi cho các con. Vì nếu Ta không đi, thì Đấng An Ủi sẽ không đến với các con. Nhưng nếu Ta đi, thì Ta sẽ sai Ngài đến”. (Đấng An Ủi chỉ về Đức Thánh Linh)

Chúng ta cần học biết về Đức Thánh Linh, vì sau khi Chúa Giê-xu thăng thiên, Đức Thánh Linh đã được ban cho mọi tín đồ. Hiện giờ, khi chúng ta đã thật lòng tin Chúa thì Đức Thánh Linh đã ngự vào lòng chúng ta rồi.

1. Hỏi: Đức Thánh Linh là Ai?

Đáp: Đức Thánh Linh là Ngôi Ba trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Ngài có thân vị, thần tính, tư cách, và công việc của Đức Chúa Trời. Ngài được xưng là Chúa, và là Đức Chúa Trời.

(Công Vụ 5:3-4; 2 Cô-rinh-tô 3:17-18)

(1) Kinh Thánh cho biết Thánh Linh là Đấng Tạo Hóa: Trong vũ trụ, Đức Thánh Linh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con dựng nên trời đất và vạn vật. Đức Thánh Linh cũng là Đấng Tạo Hóa.

“Vả, đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực; Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước.” (Sáng Thế Ký 1:2)

Cụm từ “Thần Đức Chúa Trời” chỉ về Đức Thánh Linh. Vì Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời, nên Kinh Thánh cho biết từ buổi sáng thế Ngài đã cùng với Chúa Cha và Chúa Con tạo dựng nên trời đất và vạn vật.

(2) Kinh Thánh cho biết Thánh Linh là Đấng đời đời

“Huống chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Đức Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không tì vết cho Đức Chúa Trời” (Êph-ơ-rơ 9:14).

(3) Kinh Thánh cho biết Thánh Linh là Đấng toàn tại, có nghĩa là Đức Thánh Linh cùng một lúc có mặt khắp mọi nơi

“Tôi sẽ đi đâu xa Thần Chúa? Tôi sẽ trốn đâu khỏi mặt Chúa? Nếu tôi lên trời, Chúa ở tại đó, vì tôi nằm dưới Âm phủ, kìa, Chúa cũng có ở đó. Nhược bằng tôi lấy cánh hừng đông, bay qua ở tại cuối cùng biển, tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt tôi, tay hữu Chúa sẽ nắm giữ tôi.” (Thi Thiên 139:7-10).

Thần Chúa trong câu Kinh Thánh này chỉ về Đức Thánh Linh. Vì Ngài là Đức Chúa Trời nên Ngài cũng là Đấng Toàn tại, có nghĩa là cùng một lúc Ngài có thể ở nhiều nơi khác nhau, ở đâu cũng có Ngài hiện diện.

(4) Kinh Thánh cho biết Thánh Linh là Đấng Toàn năng

“Thiên sứ truyền rằng: Đức Thánh Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền phép Đấng Rất Cao sẽ che phủ ngươi dưới bóng mình, cho nên Con Thánh sinh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời.” (Lu-ca 1:35).

Câu Kinh Thánh trên chép về việc Đức Thánh Linh đến trên cô trinh nữ Ma-ri và trinh nữ này đã mang thai, sinh ra Con Thánh là Chúa Giê-xu. Đức Thánh Linh là Đấng Toàn năng, Ngài làm được tất cả mọi sự kể cả việc cho phép một trinh nữ thụ thai.

(5) Kinh Thánh cho biết Thánh Linh là Đấng Toàn tri

“Đức Chúa Trời đã dùng Đức Thánh Linh để bày tỏ những sự đó cho chúng ta, vì Đức Thánh Linh dò xét mọi sự, cả đến sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời nữa.” (1 Cô-rinh-tô 2:10).

Câu Kinh Thánh này cho thấy Đức Thánh Linh là Đấng toàn tri, Ngài biết hết tất cả mọi sự.

Như vậy chúng ta thấy Kinh Thánh cho biết Đức Thánh Linh cũng có những thuộc tính như Đức Chúa Trời: “Đời đời” (tức là Hằng Hữu), Toàn tại, Toàn tri, Toàn năng. Ngài là Đấng Tạo Hóa. Vậy Đức Thánh Linh cũng chính là Đức Chúa Trời.

2. Hỏi: Công việc của Đức Thánh Linh trong vũ trụ và trong loài người là gì?

Đáp:

(1) Trong vũ trụ, Đức Thánh Linh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con dựng nên trời đất và vạn vật.

“Và, đất là vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực; Thần Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước.” (Sáng Thế Ký 1:2).

(2) Trong loài người, Đức Thánh Linh cáo trách họ về tội lỗi, soi sáng và hướng dẫn họ đến sự ăn năn, tin nhận Chúa Giê-xu.

“Khi Ngài đến thì sẽ khiến thế gian tự cáo về tội lỗi, về sự công bình và về sự phán xét.” (Giăng 16:8).

Bằng nhiều cách, Đức Thánh Linh đã cáo trách lòng người để giúp cho con người ăn năn tin nhận Chúa Giê-xu.

Trong kinh nghiệm của mỗi chúng ta, khích chúng ta nghe người khác làm chứng về Chúa, hoặc khi đến nhà thờ nghe giảng về Ngài, động lực nào khiến chúng ta cảm động và bằng lòng tin và tiếp nhận Chúa? Đó là nhờ Đức Thánh Linh làm việc trong lòng mỗi chúng ta.

3. Hỏi: Công việc của Đức Thánh Linh đối với Hội Thánh là gì?

Đáp:

(1) Đức Thánh Linh khai sinh Hội Thánh trong ngày lễ Ngũ Tuần. (Công Vụ 2:1-4).

(2) Đức Thánh Linh lãnh đạo Hội Thánh. (Công Vụ 13:1-3).

(3) Đức Thánh Linh kiện toàn Hội Thánh. (Khải Huyền 21:2-4).

Hội Thánh có mục sư, ban chấp sự, có ban điều hành các ban ngành v.v... nhưng tất cả đều ở dưới sự lãnh đạo của Đức Thánh Linh.

Hội Thánh không do con người thành lập, nhưng do Đức Thánh Linh thành lập trong ngày lễ Ngũ Tuần đầu tiên, rồi Ngài tiếp tục lãnh đạo và kiện toàn Hội Thánh cho đến ngày cuối cùng.

Vì vậy, công việc của Đức Thánh Linh đối với Hội Thánh là: khai sinh Hội Thánh, lãnh đạo Hội Thánh và tiếp tục kiện toàn Hội Thánh.

4. Hỏi: Công việc của Đức Thánh Linh đối với tín đồ là gì?

Đáp:

(1) Đức Thánh Linh tái tạo tín đồ trở nên người mới, để làm con cái Đức Chúa Trời.

“Chúa cứu chúng ta không phải bởi việc công chính chúng ta đã làm, nhưng bởi lòng thương xót Ngài, qua việc thanh tẩy của sự tái sinh và đổi mới của Đức Thánh Linh.” (Tít 3:5).

Kinh Thánh cho chúng ta biết Đức Thánh Linh tái sinh và đổi mới những người được Chúa cứu, nhờ đó, chúng ta từ chỗ chống nghịch Đức Chúa Trời trở thành con cái Đức Chúa Trời.

Mỗi chúng ta trước đây xa cách Đức Chúa Trời, nhưng nay được làm con cái Đức Chúa Trời nhờ sự tái tạo của Đức Thánh Linh.

(2) Đức Thánh Linh Thánh hoá tín đồ.

“...trong Danh Chúa là Đức Chúa Giê-xu Christ và trong Thánh Linh của Đức Chúa Trời chúng ta, anh em đã được thanh tẩy, được thánh hóa, và được xưng công chính.” (1 Cô-rinh-tô 6:11)

Câu Kinh Thánh trên cho biết người tin Chúa nhờ Đức Thánh Linh được xóa sạch tội lỗi; được thánh hóa, tức là được biệt riêng ra để Chúa sử dụng; và được Chúa xưng công chính, tức là được Đức Chúa Trời chấp nhận nhờ sự chuộc tội của Chúa Giê-xu. Tất cả những đặc ân này có được là nhờ Đức Thánh Linh. Từ đó, người tin Chúa được sống đời sống mới không giống như đời sống cũ trước đây nữa.

(3) Đức Thánh Linh Ban quyền năng đắc thắng tội lỗi.

“Vì luật pháp của Thánh Linh sự sống đã nhờ Chúa Cứu Thế Giê-xu buông tha tôi khỏi luật pháp của tội lỗi và sự chết.” (Rô-ma 8:2)

Đời sống cũ của chúng ta ở dưới quyền cai trị của tội lỗi và phải dẫn đến sự chết. Nhưng khi tin Chúa, tín đồ nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh mà được sống cuộc đời mới, không còn lệ thuộc luật pháp của tội lỗi nữa. Đức Thánh Linh đã ban quyền năng để chúng ta có thể đắc thắng tội lỗi trong cuộc sống hằng ngày.

(4) Đức Thánh Linh dẫn tín đồ vào tất cả lẽ thật.

“Khi Thần Lẽ Thật đến, Ngài sẽ dẫn các con vào mọi chân lý; vì Ngài không tự mình nói, nhưng sẽ nói những gì mình nghe, và công bố cho các con những gì sẽ đến.” (Giăng 16:13)

Trong câu Kinh Thánh này, Thần Lẽ Thật hay Thần Chân Lý chỉ về Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh sẽ dẫn tín đồ vào mọi Chân Lý, tức là đến với Chúa Giê-xu, giúp tín đồ biết đâu là đúng đâu là sai để sống đúng theo Chân Lý. Đức Thánh Linh cũng sẽ cho tín đồ biết những gì sẽ đến, đó là những mạc khải của Đức Chúa Trời, nếu không có Đức Thánh Linh, chúng ta sẽ không hiểu được.

(5) Đức Thánh Linh nhắc nhở, soi sáng, dạy dỗ lời Chúa.

“Nhưng Đáng An Ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh Ta sai xuống, Đáng ấy sẽ dạy dỗ các người mọi sự, nhắc lại cho các người nhớ mọi điều Ta đã phán cùng các người.” (Giăng 14:26).

Khi tín đồ học Kinh Thánh, tức học Lời Chúa, Đức Thánh Linh sẽ dạy dỗ, và nhắc chúng ta nhớ lại Lời Ngài đã dạy. Chính các sứ đồ ngày xưa khi viết Kinh Thánh Tân Ước, cũng được Đức Thánh Linh nhắc lại những lời Chúa Giê-xu đã dạy, nhờ đó chúng ta có thể tin chắc về tính xác thực của Tân Ước.

Ngày hôm nay, mỗi chúng ta hãy mạnh dạn đọc và học Lời Chúa, vì Đức Thánh Linh đang ngự trong lòng sẽ nhắc nhở, soi sáng và dạy dỗ cho chúng ta Lời Ngài.

(6) Đức Thánh Linh khiến tín đồ sinh bông trái tốt lành.

“Nhưng trái của Thánh Linh, ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ.” (Ga-la-ti 5:22).

Khi tín đồ kết hợp sự sống mình với Chúa, thì Đức Thánh Linh sẽ sản sinh những bông trái tốt lành trong chúng ta.

Xin mỗi người hãy để Đức Thánh Linh hướng dẫn cuộc sống mới của mình. Lúc đó chúng ta sẽ sinh ra “bông trái” của Thánh Linh như: yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ. Những mỹ đức này được gọi là Trái Thánh Linh.

(7) Đức Thánh Linh ban quyền năng và ân tứ để phục vụ.

“Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, thì các người sẽ nhận lấy quyền năng, và làm chứng về Ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất.” (Công Vụ 1:8).

Người đã tin nhận Chúa Giê-xu, sẽ được Đức Thánh Linh ban quyền năng để phục vụ Chúa, nhất là trong công tác làm chứng về sự cứu rỗi của Chúa Cứu Thế cho nhiều người.

Khi chúng ta dâng đời mình cho Đức Thánh Linh cai trị, chúng ta sẽ được Đức Thánh Linh ban quyền năng và ân tứ để cuộc sống của chính mình có ý nghĩa, sống phục vụ Chúa, phục vụ tha nhân. Cuộc sống của chúng ta sẽ hữu ích cho Chúa và cho người khác rất nhiều.

(8) Đức Thánh Linh dạy tín đồ cầu nguyện.

“*Hãy nhờ Đức Thánh Linh thường thường làm đủ mọi thứ cầu nguyện và nài xin.*” (Ê-phê-sô 6:18)

Cầu nguyện và nài xin là công việc không phải của xác thịt nhưng là công việc thuộc linh. Tín đồ cần nhờ Đức Thánh Linh để cầu nguyện trong ý chỉ của Chúa.

Bài học về sự Cầu nguyện chúng ta sẽ học sau, nhưng xin Chúa cho mỗi chúng ta cứ mạnh dạn đến với Chúa, tâm sự với Ngài, dù những lời tâm sự ấy đơn sơ như con trẻ. Đức Thánh Linh sẽ từng bước dạy chúng ta biết cầu nguyện với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

(9) Đức Thánh Linh kêu gọi, sai đi, và hướng dẫn tín đồ từng bước trên đường chức vụ.

“*Đang khi môn đồ thờ phượng Chúa và kiêng ăn, thì Đức Thánh Linh phán rằng: Hãy để riêng Ba-na-ba và Sau-lô để làm công việc ta đã gọi làm.*” (Công Vụ 13:2)

Khi gần gũi với Đức Thánh Linh, chúng ta sẽ nghe tiếng gọi của Ngài, như Đức Thánh Linh sẽ thúc giục chúng ta đi thờ phượng Chúa, học Lời Chúa, dâng hiến, phục vụ, làm chứng về Chúa cho người khác v.v... Xin Chúa cho mỗi chúng ta luôn vâng phục sự kêu gọi và dẫn dắt của Đức Thánh Linh.

(10) Đức Thánh Linh ấn chứng cho tín đồ.

“*Anh em chớ làm buồn cho Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, vì nhờ Ngài anh em được ấn chứng đến ngày cứu chuộc*” (Ê-phê-sô 4:30).

Một văn bản có giá trị khi đã được đóng dấu. Đức Thánh Linh giống như con dấu đóng dấu, hay đóng ấn trong lòng của tín đồ để xác chứng sự cứu chuộc trước mặt Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Linh ở trong lòng chúng ta xác chứng với chúng ta rằng chúng ta đã được cứu và không còn ở dưới sự thống trị của tội lỗi nữa. Vậy hãy vững lòng đến gần ngôi ơn phước của Đức Chúa Trời và trung tín theo Ngài cho đến ngày cuối cùng.

Như vậy, qua Kinh Thánh, chúng ta biết được Đức Thánh Linh hết sức gần gũi với chúng ta, Ngài đang sống trong lòng của người tin Chúa. Mong chúng ta sẽ từng bước kinh nghiệm được Đức Thánh Linh, Đang đang sống trong lòng mình.

5. Hỏi: Báp-tem bằng Thánh Linh là gì?

Đáp: Kinh Thánh có nói đến Báp-tem bằng Đức Thánh Linh. Đây là kinh nghiệm thuộc linh về sự thanh tẩy tội lỗi một cách siêu nhiên của tất cả Cơ Đốc Nhân, khi thành tâm tin nhận Chúa Giê-xu làm Chúa Cứu Thế. Bởi kinh nghiệm này, tín hữu được trở thành chi thể trong thân thể Đấng Christ.

Báp-tem bằng Thánh Linh không chỉ dành riêng cho một số người đặc biệt nào hết, mà là một phước hạnh phổ thông cho tất cả Cơ Đốc Nhân thật.

“*Vì chưng chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gờ-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã chịu phép Báp-tem chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng ta đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa.*” (1 Cô-rinh-tô 12:13)

Khi một người đã thành tâm tin nhận Chúa Giê-xu làm Chúa Cứu Thế cho đời mình, mặc dù người ấy chưa làm phép Báp-tem bằng nước nhưng chắc chắn đã được Chúa Giê-xu Báp-tem bằng Thánh Linh rồi, căn cứ trên lời Kinh Thánh đã công bố.

6. Hỏi: Kết quả Báp-tem bằng Đức Thánh Linh và Báp-tem bằng nước khác nhau thế nào?

Đáp:

- Về phương diện hình thức, chịu Báp-tem bằng nước chúng ta được chính thức gia nhập Hội Thánh hữu hình tại Việt Nam, hoặc tại bất cứ nơi nào trên thế giới.
- Về phương diện thuộc linh, chịu Báp-tem bằng Thánh Linh, chúng ta được chính thức gia nhập Hội Thánh vô hình, là Thân Thể của Chúa Giê-xu mà mỗi người trong chúng ta là một chi thể của thân thể ấy.

“*Vì Giăng đã làm phép Báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các người sẽ chịu phép Báp-tem bằng Đức Thánh Linh.*” (Công Vụ 1:5).

Khi ông Giăng làm phép Báp-tem bằng nước tại sông Giô-đanh thì Chúa Giê-xu chưa thi hành chức vụ, nên ông nói với dân chúng rằng: “Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các người

ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép Báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa”.

- Trong Kinh Thánh cho thấy, có người đã chịu Báp-tem bằng nước mà chưa chịu Báp-tem bằng Thánh Linh, như thuật sĩ Si-môn(xem Công Vụ 8:13-16).
- Trái lại, gia đình Cọt-nây chịu Báp-tem bằng Thánh Linh trước khi chịu Báp-tem bằng nước(xem Công Vụ 10:44-48).

Khi chúng ta tin Chúa thật lòng, là đã được Báp-tem bằng Đức Thánh Linh; rồi chúng ta tiếp tục học giáo lý căn bản và chịu phép Báp-tem bằng nước theo lời Chúa dạy.

7. Hỏi: **Mối quan hệ giữa Đức Thánh Linh và nếp sống bình thường của một tín hữu là gì?**

Đáp: Nếp sống bình thường của một tín hữu là được đầy đầy Đức Thánh Linh, nhưng mỗi tín hữu phục vụ Chúa bằng những ân tứ khác nhau tùy sự ban cho của Đức Thánh Linh.

Ví dụ trong Hội Thánh, có người làm mục sư, có người làm chấp sự, có người ca hát tôn vinh Chúa v.v... Chính Đức Thánh Linh ban cho mỗi người một ân tứ khác nhau để tất cả cùng nhau phục vụ Ngài.

“Có các sự ban cho khác nhau, nhưng chỉ có một Đức Thánh Linh.” (1 Cô-rinh-tô 12:4).

8. Hỏi: **“Đầy đầy Đức Thánh Linh” với “có Đức Thánh Linh” khác nhau thế nào?**

Đáp:Đầy đầy Đức Thánh Linh chỉ về một người tin thờ Chúa, để lòng mình hoàn toàn cho Đức Thánh Linh chiếm hữu và sử dụng. Đức Thánh Linh sẽ điều khiển tâm lòng cũng như trí óc của người ấy, để người ấy thực hiện những công việc Chúa theo ý của Đức Chúa Trời.

Mỗi tín hữu đều được Thánh Linh ngự vào lòng, khi được Báp-tem bằng Thánh Linh. Tuy nhiên, không phải mọi tín hữu đều được đầy đầy Thánh Linh ngay lúc đó, mà còn tùy thuộc vào đức tin và sự dâng mình cho Chúa của mỗi người. Sách Công Vụ Các Sứ Đồ ghi lại Sứ đồ Phi-e-rô được đầy đầy Thánh Linh ba lần (4:8; 4:31; 2:4); Sứ đồ Phao-lô được đầy đầy Thánh Linh hai lần (9:17; 13:9).

Sự đầy đầy Thánh Linh có thể xảy ra nhiều lần suốt đời sống tín hữu, tùy mức độ dâng mình và nhu cầu chức vụ và công tác hầu việc Chúa.

9. Hỏi: **Làm thế nào để được đầy đầy Đức Thánh Linh?**

Đáp:Vì Đức Thánh Linh đã giáng lâm vào ngày lễ Ngũ Tuần, khai sinh Hội Thánh nên Ngài đang ngự trong lòng mỗi tín hữu. Do đó, muốn được đầy đầy Đức Thánh Linh, chúng ta cần tận hiến và phục tùng Thánh Linh trọn vẹn. Vì đầy đầy Thánh Linh không phải chúng ta được Ngài nhiều hơn mà Đức Thánh Linh được chúng ta nhiều hơn, chiếm hữu chúng ta nhiều hơn. Đầy đầy Thánh Linh là để Ngài toàn quyền sử dụng chúng ta theo ý muốn của Ngài, để Ngài hướng dẫn, dạy dỗ, nhắc nhở, kiểm soát, còn chúng ta chỉ tận hiến, phục tùng Ngài hoàn toàn. Khi chúng ta sống như vậy thì chúng ta được đầy đầy Thánh Linh.

Chúng ta đang sống trong thời đại Đức Thánh Linh, vì vậy đầy đầy Đức Thánh Linh phải là khát vọng cao quý nhất của mỗi con dân Chúa. Khi chúng ta phạm tội, nghĩa là chúng ta không để cho Đức Thánh Linh hướng dẫn, không sống theo ý Chúa; lúc đó chúng ta vẫn có Đức Thánh Linh trong lòng, nhưng không còn đầy đầy Đức Thánh Linh nữa. Muốn được đầy đầy Đức Thánh Linh, chúng ta phải ăn năn xưng tội để Chúa tha thứ, và tiếp tục đầu phục Ngài trong cuộc sống. Vì vậy, đầy đầy Thánh Linh có thể xảy ra nhiều lần suốt đời sống tín hữu, tùy mức độ dâng mình, nhu cầu chức vụ và công tác hầu việc Chúa.

10. Hỏi: **Dấu hiệu của một người đầy đầy Thánh Linh là gì?**

Đáp:Ít nhất có 3 dấu hiệu của một người được đầy đầy Thánh Linh:

(1) Được quyền năng trong sự giảng đạo.

“Khi đã cầu nguyện, thì nơi nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đầy đầy Đức Thánh Linh, giảng đạo Đức Chúa Trời cách dạn dĩ.”(Công Vụ 4:31).

Một người đầy đầy Đức Thánh Linh, thì nhận được quyền năng của Ngài và chắc chắn người ấy phải dạn dĩ trong công tác chứng đạo.

(2) Phục vụ Chúa cách kết quả trong quyền năng của Thánh Linh.

“Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về Ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất.” (Công Vụ 1:8)

Người đầy dẫy Thánh linh sẽ phục vụ Chúa cách có kết quả vì người ấy phục vụ với quyền năng của Đức Thánh Linh.

(3) Được quyền năng để sống yêu thương, hiệp một, vui mừng,... dù trong hoàn cảnh nào. (Xem Công Vụ 2:42-47; 4:32-36).

Trong mọi thời điểm, dù phải sống trong những giai đoạn cực kỳ khó khăn, nguy hiểm, Hội Thánh của Chúa vẫn giữ nếp sống đầy dẫy Thánh Linh (Xem Ga-la-ti 5:22; Ê-phê-sô 5:18-20).

Con dân Chúa sống yêu thương nhau, hiệp một với nhau dù hoàn cảnh ra sao, đó là dấu hiệu của người đang đầy dẫy Đức Thánh Linh.

11. Hỏi: Chúng ta nên có thái độ nào đối với Đức Thánh Linh?

Đáp:

a) Chúng ta phải tránh các thái độ sau:

(1) Chống nghịch Đức Thánh Linh.

“Hỡi những người cứng cổ, lòng và tai chẳng cắt bì kia! Các ngươi cứ nghịch với Đức Thánh Linh hoài; tổ phụ các ngươi thế nào, thì các ngươi cũng thế ấy! (Công Vụ 7:51)

(2) Làm buồn Đức Thánh Linh.

“Anh em chớ làm buồn cho Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, vì nhờ Ngài anh em được ấn chứng đến ngày cứu chuộc.” (Ê-phê-sô 4:30)

(3) Khinh lờn Đức Thánh Linh.

“huống chi kẻ giày đạp Con Đức Chúa Trời, coi huyết của giao ước, tức là huyết mà mình nhờ nên thánh, là ô uế, lại khinh lờn Đức Thánh Linh ban ơn, thì anh em há chẳng tưởng rằng người ấy đáng bị hình rất nghiêm đoán phạt hay sao?” (Hê-bơ-rơ 10:29)

(4) Dập tắt Đức Thánh Linh.

“Chớ dập tắt Thánh Linh.” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:19)

Đây là những thái độ coi thường Đức Thánh Linh, muốn sống theo ý riêng, bất tuân sự lãnh đạo, hướng dẫn của Chúa.

b) Chúng ta nên có thái độ:

(1) Ăn năn tội và tin nhận Chúa Giê-xu để nhận lãnh Đức Thánh Linh (Công Vụ 2:38; Ga-la-ti 3:2).

Tin rằng khi học viên học đến bài học này, thì ai nấy cũng đã thật lòng ăn năn tội và tin nhận Chúa Giê-xu rồi, như vậy tất cả chúng ta đã được Đức Thánh Linh ngự vào lòng. Điều tiếp theo mỗi người cần phải làm là:

(2) Vâng phục Đức Thánh Linh.

“Còn chúng ta đây là kẻ làm chứng mọi việc đó, cũng như Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài vậy.” (Công Vụ 5:32)

(3) Nuông cấy Đức Thánh Linh.

“Vậy tôi nói rằng: Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt.” (Ga-la-ti 5:16)

Mong mỗi chúng ta tránh những thái độ chống nghịch, làm buồn, khinh lờn, dập tắt Đức Thánh Linh. Nhưng phải ăn năn tội, tin nhận Chúa Giê-xu; đồng thời vâng phục, nuông cấy Đức Thánh Linh để luôn được đầy dẫy Đức Thánh Linh trong cuộc sống.

Ôn lại câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Nhưng Đấng An ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân danh Ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các ngươi mọi sự, nhắc lại cho các ngươi nhớ mọi điều Ta đã phán cùng các ngươi” (Giăng 14:26)

Những thánh nhân trong Tân Ước đã thành công trong đời sống, tên tuổi họ vẫn còn mãi lưu truyền. Họ vốn là những người rất bình thường, nhưng khi đã quyết định sống trong mối tương giao với Đức Thánh Linh, vâng theo sự dạy dỗ và hướng dẫn của Ngài, thì họ đã làm được những việc phi thường cho Chúa. Từ chỗ là tội nhân họ đã trở thành thánh nhân.

Hội Thánh Chúa tồn tại và phát triển đến ngày nay do công của những người quyết định sống đầu phục Đức Thánh Linh. Mỗi chúng ta cũng sẽ trở thành như vậy nếu chúng ta quyết định sống đầu phục Đức Thánh Linh mỗi ngày.

Ước mong sau bài học này, học viên sẽ kinh nghiệm nhiều hơn về Đức Thánh Linh, là Đấng đang ở trong lòng mỗi người.



PHẦN II

THỜ PHƯỢNG

và

SINH HOẠT CỦA TÍN ĐỒ

Bài 7

CẦU NGUYỆN

Câu gốc: “Mọi điều các ngươi xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các ngươi.” (Mác 11:24).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu đúng về sự cầu nguyện (2) Làm thế nào để lời cầu nguyện được Chúa nhận.

Câu gốc trên đây là lời hứa của Chúa Giê-xu. Ngài hứa: Đức tin chính là chìa khóa để lời cầu nguyện được Chúa nhận.

Trong bài học số 2 “Kinh Thánh”, chúng ta đã học biết Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời. Vậy khi đọc và học Kinh Thánh nghĩa là chúng ta lắng nghe Lời Đức Chúa Trời phán cùng chúng ta.

Trong bài học sau đây, chúng ta học biết phải thưa chuyện với Đức Chúa Trời như thế nào khi cầu nguyện.

Đọc Kinh Thánh và cầu nguyện là hai điều thiết yếu của đời sống Cơ Đốc nhân, vì lẽ chúng ta cần phải tương giao với Đức Chúa Trời luôn.

1. Hỏi: Cầu nguyện là gì?

Đáp: Người ta thường nghĩ rằng cầu nguyện chỉ là cầu xin Đức Chúa Trời. Thật ra cầu nguyện còn chứa đựng ý nghĩa sâu xa hơn thế nữa, chứ không phải chỉ đơn thuần là cầu xin.

Cầu nguyện là thưa chuyện với Chúa và lắng nghe Chúa phán với mình; là tương thông với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu, trong quyền năng của Đức Thánh Linh.

Sứ đồ Phao-lô khi gặp hoạn nạn, ông đã thưa chuyện với Chúa và ông cũng nghe được tiếng Chúa phán cùng ông. Trong 2 Cô-rinh-tô 12:8-9 Phao-lô nói rằng: “*Đã ba lần tôi cầu nguyện Chúa cho nó lìa xa tôi. Nhưng Chúa phán rằng: Ân điển ta đủ cho người rồi, vì sức mạnh của ta trở nên trọn vẹn trong sự yếu đuối.*”

Vì Đức Chúa Trời Ba Ngôi hiệp một, nên chúng ta có thể nói “Cầu nguyện là tương giao với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu, trong quyền năng của Đức Thánh Linh”.

2. Hỏi: Tại sao chúng ta là loài người mà được phép cầu nguyện với Đức Chúa Trời? Tại sao chỉ cầu nguyện với Đức Chúa Trời mà thôi?

Đáp:

- Vì nhờ tin Chúa Giê-xu, chúng ta đã trở nên con cái của Đức Chúa Trời. (Giăng 1:12).

Hãy nhớ lại trong bài học “Sự sáng tạo và con người”, Đức Chúa Trời dựng nên con người là sinh vật cao quý nhất có khả năng tương giao với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, do phạm tội nên con người đã đánh mất đặc ân đó. Nay chúng ta nhờ tin Chúa Giê-xu, được phục hồi địa vị làm con Chúa, nên chúng ta có thể nhân Danh Chúa Giê-xu mà cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

- Chúng ta chỉ cầu nguyện với Đức Chúa Trời mà thôi, tại sao?

(1) Vì một mình Đức Chúa Trời có quyền nhận lời cầu nguyện của chúng ta.

“Đức Giê-hô-va ôi! Xin nhận lời tôi, xin đáp lời tôi, hầu cho dân sự này nhìn biết rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và Ngài khiến cho lòng họ trở lại.” (1 Các Vua 18:37).

(2) Vì Đức Chúa Trời là Đấng thành tín đời đời.

“Hãy kêu cầu Ta, Ta sẽ trả lời cho; Ta sẽ tỏ cho người những việc lớn và khó, là những việc người chưa từng biết.” (Giê-rê-mi 33:3)

Đức Chúa Trời là Đấng Hằng sống, ngoài Đức Chúa Trời ra, không có ai xứng đáng để chúng ta cầu nguyện cả. Vì tất cả đều chỉ là những thân hư không hoặc là một đấng đã chết rồi, mà đấng đã chết thì không thể nghe lời cầu nguyện của chúng ta được, cho nên chúng ta không cầu nguyện với người chết.

3. Hỏi: Tại sao chúng ta phải cầu nguyện?

Đáp:

Khi hai người yêu nhau thì luôn tìm mọi cách trò chuyện cùng nhau. Đức Chúa Trời dựng nên chúng ta, yêu chúng ta đến nỗi đã ban Con Một của Ngài là Chúa Giê-xu, chết thay cho chúng ta. Chúa yêu chúng ta, Ngài muốn tâm sự cùng chúng ta và lắng nghe chúng ta tâm sự với Ngài.

Vì cầu nguyện là tương giao với Đức Chúa Trời nên cầu nguyện làm cho tâm linh được mạnh mẽ. Vì vậy có thể nói:

- Cầu nguyện là cần thiết cho đời sống tín hữu, giống như hơi thở cần cho sự sống. Nếu không cầu nguyện, tâm linh chúng ta sẽ chết vì thiếu sự tương giao với Chúa.
- Chúa Giê-xu cũng dạy: Hễ ai nhân Danh Chúa Giê-xu mà cầu nguyện thì được Đức Chúa Trời nhậm lời, nên chúng ta phải cầu nguyện để nhận được sự ban cho từ Chúa.

"...Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, điều chi các ngươi sẽ cầu xin nơi Cha, thì Ngài sẽ nhân danh Ta mà ban cho các ngươi." (Giăng 16:23b).

4. Hỏi: Có mấy hình thức cầu nguyện?

Đáp: Có 2 hình thức:

- (1) *Cầu nguyện riêng*: cầu nguyện một mình, tức là cá nhân mình cầu nguyện với Chúa. Quý vị nên để nhiều thì giờ cầu nguyện cho nhiều vấn đề trong cuộc sống của chính mình.

Ma-thi-ơ 6:5-6: *"Khi các ngươi cầu nguyện, đừng làm như bọn giả hình; vì họ ưa đứng cầu nguyện nơi nhà hội và góc đường, để cho thiên hạ đều thấy. Quả thật, ta nói cùng các ngươi, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi. Song khi ngươi cầu nguyện, hãy vào phòng riêng, đóng cửa lại, rồi cầu nguyện Cha ngươi, ở nơi kín nhiệm đó; và Cha ngươi, là Đấng thấy trong chỗ kín nhiệm, sẽ thưởng cho ngươi."*

Lu-ca 6:12: *"Trong lúc đó, Đức Chúa Giê-xu đi lên núi để cầu nguyện; và thức thâu đêm cầu nguyện Đức Chúa Trời."*

- (2) *Cầu nguyện chung* (hiệp nguyện): cầu nguyện giữa Hội Thánh, hoặc với vài anh em (nhóm hay tổ).

Khi cầu nguyện chung, nên cầu nguyện lớn tiếng, ngắn gọn, rõ ràng để người khác cùng hiệp ý với mình trong lời cầu nguyện(xem Công Vụ 4:24-31).

5. Hỏi: Chúng ta phải cầu nguyện cho ai?

Đáp:

- (1) Chúng ta phải cầu nguyện cho anh em trong Hội Thánh.

"Hãy nhờ Đức Thánh Linh, thường thường làm đủ mọi thứ cầu nguyện và nài xin. Hãy dùng sự bền đỗ trọn vẹn mà tỉnh thức về điều đó, và cầu nguyện cho hết thảy các thánh đồ."(Ê-phê-sô 6:18).

- (2) Chúng ta phải cầu nguyện cho những người đang thi hành chức vụ: chăn bầy, truyền giáo, chăm sóc...

Sứ đồ Phao-lô đã xin Hội Thánh Cô-lô-se cầu nguyện cho chức vụ của ông:

"Cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi, xin Đức Chúa Trời mở cửa cho sự giảng đạo, hầu cho tôi được rao truyền lẽ mầu nhiệm của Đấng Christ, vì lẽ đó mà tôi bị xiềng xích."(Cô-lô-se 4:3).

- (3) Chúng ta phải cầu nguyện cho mọi người.

"Vậy trước hết mọi sự ta dặn rằng, phải khẩn nguyện, cầu xin, kêu van, tạ ơn cho mọi người, cho các vua, cho hết thảy các bậc cầm quyền, để chúng ta được lấy điều nhân đức và thành thật mà ở đời cho bình tịnh yên ổn." (1 Ti-mô-thê 2:1-2)

- (4) Chúng ta phải cầu nguyện cho người thân.

Vua Đa-vít đã cầu nguyện cho con của vua:

"Xin Chúa hãy ban cho Sa-lô-môn, con trai tôi, một lòng trọn vẹn, để gìn giữ các điều răn, chứng có, và luật lệ của Chúa, cùng làm cho các công việc này, xây cất cái đền mà tôi đã sắm sửa tài liệu cho." (1 Sử Ký 29:19).

- (5) Chúng ta phải cầu nguyện cho chính mình.

Tác giả Thi Thiên 106:4 đã cầu nguyện cho chính mình:

"Lạy Đức Giê-hô-va, xin hãy nhớ lại tôi tùy ơn Ngài làm cho dân sự Ngài; Hãy lấy sự cứu rỗi mà đến viếng tôi."

6. Hỏi: Phải cầu nguyện khi nào? Tại đâu?

Đáp: Vì Chúa là Đấng ở khắp mọi nơi, nên chúng ta có thể cầu nguyện bất cứ lúc nào, và bất cứ đâu.

Tuy nhiên, để tạo một thói quen trong sự cầu nguyện và để không bị phân tâm bởi ngoại cảnh chi phối, chúng ta nên chọn một chỗ yên tĩnh, và thì giờ nhất định. Ví dụ như mỗi sáng sớm khi thức dậy và mỗi buổi tối trước khi đi ngủ (hoặc lúc nào, nơi nào thuận tiện nhất) để cầu nguyện mỗi ngày.

Ông Đa-vít đã cầu nguyện vào những thì giờ nhất định trong ngày: Ông nói: *“Buổi chiều, buổi sáng, và ban trưa, tôi sẽ than thở rên siết: Ngài ắt sẽ nghe tiếng tôi.”* (Thi Thiên 55:17)

Còn Sứ đồ Phao-lô đã dạy: *“VẬY, ta muốn những người đàn ông đều giơ tay thánh sạch lên trời, mà cầu nguyện khắp mọi nơi, chớ có giận dữ và cãi cọ.”* (1 Ti-mô-thê 2:8)

Ngoài ra, để tỏ lòng biết ơn Chúa đã ban cho chúng ta thực phẩm nuôi sống hằng ngày, chúng ta phải cầu nguyện trước mỗi bữa ăn.

Chúa Giê-xu đã nêu gương cầu nguyện trước khi ăn trong Ma-thi-ơ 14:19: “Chúa Giê-xu lấy năm cái bánh và hai con cá, ngược mắt lên trời tạ ơn, rồi bẻ bánh ra trao cho môn đồ, và họ phân phát cho dân chúng.”

7. Hỏi: Chúng ta phải cầu nguyện điều gì?

Đáp:

(1) Căn cứ nội dung bài cầu nguyện Chúa dạy, chúng ta biết phải cầu nguyện điều gì, đó là cầu xin cho:

- Danh Đức Chúa Trời được tôn thánh.
- Nước Ngài được đến.
- Ý Ngài được nên ở đất, như đã được nên ở trời.
- Chúa cho đủ nhu cầu hằng ngày.
- Chúa tha tội.
- Chúa cứu khỏi mọi cám dỗ.

Học viên cần học thuộc lòng Bài Cầu Nguyện Chung trong Ma-thi-ơ chương 6, câu 9-13 (có in trong phần cuối sách), vì Hội Thánh thường cầu nguyện chung trong giờ thờ phượng.

(2) Chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa cho thêm người hầu việc Chúa.

Sứ đồ Phao-lô dặn dò Hội Thánh Cô-lô-se trong Cô-lô-se 4:3 rằng: *“Cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi, xin Đức Chúa Trời mở cửa cho sự giảng đạo, hầu cho tôi được rao truyền lẽ máu nhiệm của Đấng Christ, vì lẽ đó mà tôi bị xiềng xích.”*

(3) Chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa cho một lòng thánh khiết, mở mắt để hiểu Lời Chúa.

Thi Thiên 51:2: *“Xin hãy rửa tôi cho sạch hết mọi gian ác, và làm tôi được thanh khiết về tội lỗi tôi.”*

Thi Thiên 119:18: *“Xin Chúa mở mắt tôi, để tôi thấy sự lạ lùng trong luật pháp của Chúa.”*

(4) Chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa dạy chúng ta biết sống xứng đáng từng ngày.

Thi Thiên 90:12: *“Ông Môi-se đã cầu nguyện: Cầu xin Chúa dạy chúng tôi biết đếm các ngày chúng tôi, hầu cho chúng tôi được lòng khôn ngoan.”*

(5) Chúng ta phải cầu nguyện xin Chúa cho đầy đầy Thánh Linh.

“VẬY nếu các ngươi là người xấu, còn biết cho con cái mình vật tốt thay, hưởng chi Cha các ngươi ở trên trời lại chẳng ban Đức Thánh Linh cho người xin Ngài!” (Lu-ca 11:13).

Ngoài ra, chúng ta có thể cầu nguyện bất kỳ điều gì khác trong sinh hoạt thuộc linh và thuộc thể, cầu nguyện trong khi vui, khi buồn, lúc hoạn nạn, lúc hanh thông...

Tóm lại, chẳng có điều gì quá khó đối với quyền năng Chúa; và cũng chẳng có gì quá nhỏ bé đối với tình yêu Ngài. Thế nên chúng ta có thể cầu nguyện với Chúa bất cứ điều gì, từ việc nhỏ đến việc lớn.

Chúa rất muốn chúng ta tâm tình, chia sẻ buồn vui với Ngài mỗi ngày. Khi vui chúng ta có thể tâm tình với Chúa rằng Chúa ơi con vui quá vì...; hoặc khi buồn cũng vậy, cứ mạnh dạn tâm tình với

Chúa rằng Chúa ơi việc này, việc kia làm cho con buồn quá, xin Chúa giúp con... Xin chúng ta hãy mạnh dạn đến với Chúa mỗi ngày.

8. Hỏi: Chúng ta phải cầu nguyện thế nào?

Đáp:

(1) Phải nhân Danh Chúa Giê-xu.

“Nếu các người nhân Danh Ta xin điều chi, Ta sẽ làm cho.” (Giăng 14:14)

Cuối lời cầu nguyện, chúng ta thường nghe câu: “Con cầu nguyện Nhân Danh Chúa Giê-xu Christ, A-men”

Cầu xin mà nhân Danh Chúa Giê-xu, hay trong Danh Chúa Giê-xu, là cầu xin phù hợp với tinh thần và ý muốn của Chúa. Muốn vậy, chúng ta phải sống trong mối tương giao gần gũi với Ngài. Càng gần gũi Chúa Giê-xu, thì những ước muốn của chúng ta sẽ càng giống với ước muốn của Ngài. Cần phải cầu nguyện nhân Danh Chúa Giê-xu vì Ngài là Đấng Trung bảo ở giữa Đức Chúa Trời và loài người. Qua đó, lời cầu xin của chúng ta mới được Đức Chúa Trời nghe và chấp nhận.

A-men là tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “Cầu xin được như vậy, hay hết lòng muốn như vậy”.

Vì từ “A-men” có nhiều nghĩa, nếu dịch ra cho đủ nghĩa thường thì dài dòng. Chúa Giê-xu đã tự xưng là Đấng A-men, có nghĩa là Đấng Thành Tín, Chân Thật. Ngài cũng thường dùng từ A-men khi dạy dỗ một vấn đề quan trọng. Vì thế Cơ Đốc nhân trên toàn thế giới thống nhất kết thúc lời cầu nguyện bằng từ A-men ngắn gọn. Chúng ta cần biết từ A-men để khi nói lên thì hiểu rõ chứ không phải nói như vẹt.

(2) Cầu nguyện cách sốt sắng và bền lòng.

“...người công chính lấy lòng sốt sắng cầu nguyện, thật có linh nghiệm nhiều.” (Gia-cơ 5:16b)

“Phải bền đỗ và tỉnh thức trong sự cầu nguyện, mà thêm sự tạ ơn vào.” (Cô-lô-se 4:2)

Cầu nguyện không phải là đọc kinh, nhưng là thưa chuyện và tâm sự với Cha chúng ta trên trời. Vậy chúng ta phải cầu nguyện cách sốt sắng và hết lòng chứ không phải cầu nguyện qua loa chiếu lệ.

(3) Cầu nguyện trong tinh thần **Hiệp một ý** với anh em.

“Quả thật, Ta lại nói cùng các người, nếu hai người trong các người thuận nhau ở dưới đất mà cầu xin không cứ việc chi, thì Cha Ta ở trên trời sẽ cho họ.” (Ma-thi-ơ 18:19)

Khi có một người thay mặt Hội Thánh hay một nhóm người để cầu nguyện, thì chúng ta phải chú ý lắng nghe, hiệp một ý với lời cầu nguyện đó. Khi người ấy cầu nguyện xong, chúng ta bày tỏ sự đồng lòng với lời cầu nguyện bằng cách nói lớn: “Nhân Danh Chúa Giê-xu Christ, A-men.”

(4) Khi cần, phải kiêng ăn cầu nguyện. (Công Vụ 13:2-3)

Kiên ăn không phải là tuyệt thực, vì tuyệt thực thường là để đòi hỏi một yêu sách nào đó; nhưng kiêng ăn là tạm bỏ qua nhu cầu và những đòi hỏi của thể xác để chuyên tâm cho việc cầu nguyện.

Kinh Thánh ghi lại nhiều đầy tớ của Chúa đã kiêng ăn cầu nguyện; Chúa Giê-xu cũng đã kiêng ăn và dạy môn đồ kiêng ăn cầu nguyện.

(5) Nhờ Thánh Linh và bởi đức tin mà cầu nguyện.

“Hãy nhờ Đức Thánh Linh, thường thường làm đủ mọi thứ cầu nguyện và nài xin.” (Ê-phê-sô 6:18)

Chúa Giê-xu dạy hãy cầu nguyện bởi đức tin: “Bởi vậy Ta nói cùng các người: Mọi điều các người xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các người.” (Mác 11: 24).

(6) Phải cầu nguyện với lòng thánh khiết và theo ý muốn của Chúa.

“Nếu lòng tôi có chú về tội ác, ắt Chúa chẳng nghe tôi.” (Thi Thiên 66:18)

“Đây là điều chúng ta dạn dĩ ở trước mặt Chúa, nếu chúng ta theo ý muốn Ngài mà cầu xin việc gì, thì Ngài nghe chúng ta.” (1 Giăng 5:14).

(7) **Không cầu nguyện với:**

- Lòng nghi ngờ “*Nhưng phải lấy đức tin mà cầu xin, chớ nghi ngờ; vì kẻ hay nghi ngờ giống như sóng biển, bị gió động và đưa đi đây đi đó.*” (Gia-cơ 1:6)

- Động cơ ích kỷ “*Anh em cầu xin mà không nhận lãnh được, vì cầu xin trái lẽ, để dùng trong tư dục mình.*” (Gia-cơ 4:3)

- Lặp đi lặp lại như bài kinh nhật tụng “*Khi các người cầu nguyện, đừng dùng những lời lặp vô ích như người ngoại; vì họ tưởng vì có lời mình nói nhiều thì được nhậm.*” (Ma-thi-ơ 6:7)
- Cốt để người ta nghe, để khoe khoang “*Khi các người cầu nguyện, đừng làm như bọn giả hình; vì họ ưa đứng cầu nguyện nơi nhà hội và góc đường, để cho thiên hạ đều thấy. Quả thật, ta nói cùng các người, bọn đó đã được phần thưởng của mình rồi.*” (Ma-thi-ơ 6:5)

9. Hỏi: Chúng ta nên cầu nguyện theo thứ tự nào?

Đáp: Chúng ta có thể cầu nguyện theo thứ tự gợi ý sau đây:

(1) Xưng tội.

“*Tôi đã thú tội cùng Chúa, không giấu gian ác tôi. Tôi nói: Tôi sẽ xưng các sự vi phạm tôi cùng Đức Giê-hô-va; còn Chúa tha tội ác của tôi.*” (Thi Thiên 32:5)

(2) Chúc tụng.

“*Hỡi linh hồn ta, khá chúc tụng Đức Giê-hô-va! Mọi điều gì ở trong ta hãy ca tụng Danh Thánh của Ngài! Hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Đức Giê-hô-va, chớ quên các ân huệ của Ngài.*” (Thi Thiên 103:1-2)

(3) Cảm tạ Chúa về những sự ban cho của Ngài.

(4) Cầu thay.

(5) Cầu xin cho chính mình.

Trên đây chỉ là những gợi ý. Chúng ta biết cầu nguyện là tâm sự với Đức Chúa Trời, nên không có một công thức nào cả. Chúng ta có thể cầu nguyện cách chân tình, thoải mái với Chúa như một người con tâm tình với Cha mình.

Sau đây là một lời cầu nguyện **gợi ý** trước bữa ăn:

Mở đầu: “*Kính lạy Đức Chúa Trời*” hoặc “*Lạy Đức Chúa Trời yêu thương chúng con*” hoặc “*Lạy Chúa là Đức Chúa Trời chúng con*” v.v...

Nội dung cầu nguyện trước bữa ăn:

“*Con cảm tạ Chúa về thức ăn Chúa ban cho sáng nay (hoặc trưa hoặc tối). Xin Chúa dùng thức ăn này bổ sức cho chúng con và cho chúng con luôn sống biết ơn Ngài.*”

Kết thúc:

“*Con thành tâm cầu nguyện, nhân Danh Chúa Giê-xu Christ. A-men*”

10. Hỏi: Vì sao có lời cầu nguyện không được Đức Chúa Trời nhậm?

Đáp: Chúa hứa “*Trong khi cầu nguyện, các người lấy đức tin xin việc gì bất kỳ, thấy đều được cả*” nhưng vẫn có những lời cầu nguyện không được Chúa nhậm, vì sao?

Kinh Thánh cho chúng ta biết vì một số lý do sau đây:

(1) Cầu nguyện mà không được Chúa nhậm vì còn tội lỗi.

“*Ấy là sự gian ác các người làm xa cách mình với Đức Chúa Trời; và tội lỗi các người đã che khuất mặt Ngài khỏi các người, đến nỗi Ngài không nghe các người nữa.*” (Ê-sai 59:2)

Tội lỗi không được xưng ra sẽ vô hiệu hóa lời cầu nguyện của chúng ta. Giống như phèn đã bít đầy ống nước làm cho nước không chảy ra được, cần phải lấy hết phèn đó ra khỏi ống thì nước mới chảy tốt. Cũng vậy, nếu lỡ phạm tội, hãy nhanh chóng xưng nhận với Chúa để được Ngài tha thứ và lắng nghe lời cầu nguyện của chúng ta.

(2) Cầu nguyện mà không được Chúa nhậm vì xin điều trái lẽ.

“*Anh em cầu xin mà không nhận lãnh được, vì cầu xin trái lẽ, để dùng trong tư dục mình.*” (Gia-cơ 4:3)

Nếu chúng ta cầu xin để thỏa mãn những ham muốn, những dục vọng riêng tư của mình, thì sẽ không bao giờ nhận lãnh được. Những ai làm cha mẹ đều biết, khi con mình xin tiền để đánh bạc, hút thuốc, chắc chắn vì thương con mà chúng ta sẽ không bao giờ cho. Cũng vậy, vì yêu chúng ta nên lời cầu xin trái lẽ không bao giờ được Chúa nhậm.

(3) Cầu nguyện mà không được Chúa nhậm vì không tha thứ cho người phạm tội với mình.

“*Khi các người đứng cầu nguyện, nếu có sự gì bất bình cùng ai, thì hãy tha thứ, để Cha các người ở trên trời cũng tha lỗi cho các người.*” (Mác 11:25)

Trong bài cầu nguyện Chúa dạy, Chúa cũng hướng dẫn môn đồ cầu nguyện: “Xin tha tội lỗi chúng con, như chúng con tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng con”. Nếu không tha thứ, cứ nuôi hận thù trong lòng thì lời cầu nguyện sẽ không được Chúa nhậm.

(4) Cầu nguyện mà không được Chúa nhậm vì thiếu đức tin.

“*Nhưng phải lấy đức tin mà cầu xin, chớ nghi ngờ; vì kẻ hay nghi ngờ giống như sóng biển, bị gió động và đưa đi đây đi đó.*” (Gia-cơ 1:6)

Đức tin là chìa khóa của thành công trong cầu nguyện. Trong Kinh Thánh Tân Ước, rất nhiều lần Chúa Giê-xu đã phán với những người được Chúa chữa lành rằng: “đức tin con đã cứu con”. Cầu nguyện thì phải tin rằng Chúa nghe và nhậm lời.

(5) Cầu nguyện mà không được Chúa nhậm vì thiếu bền đỗ.

“*Đức Chúa Giê-xu phán cùng môn đồ một thí dụ, để tỏ ra rằng phải cầu nguyện luôn, chớ hề mỏi mệt.*” (Lu-ca 18:1)

Có những lời cầu nguyện Chúa nhậm lời ngay, nhưng cũng có những lời cầu nguyện cần bền đỗ cầu nguyện luôn, chớ hề mỏi mệt, nản lòng. Vì Chúa nhậm lời vào thời điểm Chúa thấy tốt nhất cho chúng ta. Ví dụ một đứa bé khóc đòi xin cha cho xin lười lam để cắt giấy chơi vì nó thấy lười lam bén quá, cắt giấy rất ngọt. Nhưng chắc chắn người cha sẽ không cho. Tuy nhiên khi đứa con lớn lên, người cha chẳng những cho lười lam, mà còn cho nguyên hộp nữa, vì cha biết thời điểm tốt nhất để cho con.

Kết luận: Bài học “Cầu nguyện” cho chúng ta biết: Cầu nguyện là tâm sự với Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Sau khi được Chúa dạy dỗ chúng ta qua Lời Kinh Thánh, hãy dành thì giờ thưa chuyện với Chúa qua sự cầu nguyện. Tốt nhất chúng ta nên có thì giờ tĩnh nguyện và thưa chuyện với Chúa mỗi ngày.

Hãy thờ phượng và chúc tụng Chúa.

Hãy bày tỏ lòng biết ơn bằng sự cảm tạ Chúa.

Hãy xưng nhận tội lỗi và những điều bất xứng ra trước mặt Ngài.

Hãy mạnh dạn trình bày nhu cầu của chúng ta và của người khác lên Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Hãy cầu nguyện với đức tin, tin Đức Chúa Trời đã nghe và đáp lời cầu nguyện của mình.

Ôn lại câu gốc: “Mọi điều các người xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin đã được, tất điều đó sẽ ban cho các người.” (Mác 11:24) ✠



Bài 8

THỜ PHƯỢNG ĐỨC CHÚA TRỜI

Câu gốc: “Những người thờ phượng thật lấy tâm thần và lễ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những người thờ phượng mà Cha ưa thích.”(Giăng 4:23)

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Nhận thức lý do phải thờ phượng Đức Chúa Trời. (2) Thờ phượng Đức Chúa Trời thế nào là đúng.

1. Hỏi: Thờ phượng Đức Chúa Trời là gì?

Đáp: Thờ phượng Đức Chúa Trời là dùng cả linh hồn, tâm trí và thân thể để chiêm ngưỡng, ca ngợi, cảm tạ, cầu nguyện, dâng hiến, tương thông và phục vụ Đức Chúa Trời.

“Vây, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em.”(Rô-ma 12:1).

Vì chúng ta là những người đã được cứu rỗi, nên thờ phượng không phải là cầu xin để được cứu nữa. Các tôn giáo khác thờ phượng để mong được cứu; còn chúng ta vì đã được cứu nên thờ phượng Đấng đã cứu chuộc mình. Đây là điểm khác biệt trong sự thờ phượng của Tin Lành và các tôn giáo khác.

Thờ phượng là dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, có nghĩa là dùng cả linh hồn, tâm trí và thân thể để chiêm ngưỡng, chúc tụng, cảm tạ, cầu nguyện, dâng hiến, tương thông và phục vụ Ba Ngôi Đức Chúa Trời, Đấng đã cứu chúng ta thoát khỏi tình trạng hư mất đời đời.

2. Hỏi: Tại sao chúng ta phải thờ phượng Đức Chúa Trời?

Đáp:

(1) Chúng ta phải thờ phượng Đức Chúa Trời vì Ngài là Chân Thần duy nhất đáng nhận sự thờ phượng của con người.

Con người không được thờ phượng con người, dù đó là người đã chết hay người còn sống. Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất đáng nhận sự thờ phượng mà thôi.

(2) Chúng ta phải thờ phượng vì sự thờ phượng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Lời Chúa dạy khi chúng ta dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh để thờ phượng Chúa, thì Ngài đẹp lòng: “Vây, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em.” (Rô-ma 12:1)

(3) Chúng ta phải thờ phượng vì sự thờ phượng gây dựng Hội Thánh.

Con dân Chúa cùng hội họp nhau thờ phượng Chúa, chẳng những cùng hướng về Đức Chúa Trời trong sự thờ phượng, mà còn cùng thông công với nhau, nâng đỡ đức tin cho nhau, gây dựng lẫn nhau, giúp cho Hội Thánh được phát triển và lớn mạnh.

(4) Chúng ta phải thờ phượng vì sự thờ phượng bày tỏ vương quốc Đức Chúa Trời ở giữa thế gian.

Con dân Chúa cùng nhau thờ phượng Chúa mỗi sáng Chúa Nhật, thì nhiều người sẽ thấy và biết Chúa giữa thế gian này. Ngoài ra, khi nhóm họp thờ phượng, chúng ta còn được học hỏi, khích lệ nhau rao truyền tình yêu cứu rỗi của Chúa cho đồng bào, để nhiều người được nghe về Phúc Âm hầu họ tin Chúa và được cứu.

“Còn Chúa là Thánh, Ngài là Đấng ngự giữa sự khen ngợi của Y-sơ-ra-ên.”(Thi Thiên 22:3).

3. Hỏi: Trong thời Cựu Ước, con người thờ phượng Đức Chúa Trời bằng cách nào?

Đáp:

(1) Thời tộc trưởng: Họ lập bàn thờ bằng đá và dâng các sinh tế trên đó. “Nô-ê lập một bàn thờ cho Đức Giê-hô-va. Người bắt các súc vật thanh sạch, các loài chim thanh sạch, bày của lễ thiêu dâng lên bàn thờ.” (Sáng Thế Ký 8:20).

(2) Thời Môi-se: Dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Đức Chúa Trời trong đền tạm. “Họ sẽ làm cho ta một đền thánh và ta sẽ ở giữa họ. Hãy làm đền đó y như kiểu đền tạm cùng kiểu các đồ dùng mà ta sẽ chỉ cho ngươi.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 25:8-9).

(3) *Đến thời Sa-lô-môn: Dân Y-sơ-ra-ên thờ phượng Đức Chúa Trời tại đền thờ xây dựng kiên cố ở Giê-ru-sa-lem. “Nguyện mắt của Chúa ngày và đêm đoái xem nhà này, là chỗ mà Chúa đã phán rằng: Danh ta sẽ ngự tại đó, - lắng nghe lời cầu nguyện của tôi tớ Chúa hướng nơi này mà cầu.”* (1 Các Vua 8:29).

4. Hỏi: Trong thời đại Hội Thánh, Chúa Giê-xu dạy người ta thờ phượng Đức Chúa Trời như thế nào?

Đáp:

- Chúa Giê-xu dạy phải thờ phượng Đức Chúa Trời bằng tâm thần và lễ thật.

Giăng 4:24 “*Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy.*”

Nhiều người sắp mình xuống đất để thờ phượng nhưng trong lòng chất chứa những tội lỗi. Đức Chúa Trời là thần nên Chúa Giê-xu dạy con dân Chúa thờ phượng Ngài không chỉ chú trọng hình thức mà phải bằng cả tấm lòng chân thật bề trong. Đó là thờ phượng bằng tâm thần và lễ thật.

- Thờ phượng bằng tâm thần và lễ thật được thể hiện qua:

(1) Cầu nguyện.

“*Vì mắt của Chúa đoái trông người công chính, Tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện người.*” (1 Phi-e-rơ 3:12)

(2) Hát Thánh ca và chúc tụng Chúa, làm chứng ơn phước Chúa.

“*Vậy, hãy cậy Đức Chúa Giê-xu mà hằng dâng tế lễ bằng lời ngợi khen cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miệng xưng danh Ngài ra.*” (Ê-phê-sô 3:15)

Hát Thánh ca trong thờ phượng là điểm đặc biệt của Cơ Đốc Giáo. Vì chúng ta là những người đã được cứu, nên trong lúc thờ phượng, chúng ta bày tỏ niềm vui và chúc tụng Đức Chúa Trời bằng lời ca tiếng hát dâng lên Chúa. Những tôn giáo khác thường không có hát tôn vinh thần của họ vì họ chưa được cứu nên làm sao có sự vui mừng để ca hát tôn ngợi được.

Vậy xin đừng ai ngại mình hát hay hoặc hát dở, nhưng cứ mạnh dạn hát tôn vinh Chúa bằng cả tấm lòng của mình để thờ phượng Đức Chúa Trời.

(3) Dâng hiến.

“*Chớ quên việc lành và lòng bố thí, vì sự tế lễ dường ấy đẹp lòng Đức Chúa Trời.*” (Ê-phê-sô 3:16)

“Lòng bố thí” có nghĩa là tấm lòng biết chia sẻ cho người khác. Chúng ta sẽ học kỹ hơn về “Dâng hiến” trong một bài học khác.

(4) Đọc và giảng Kinh Thánh.

“*Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng ta đang nhóm lại để bẻ bánh; Phao-lô phải đi ngày mai, nên người nói chuyện với các môn đồ, và cứ giảng luôn cho đến nửa đêm.*” (Công Vụ 20:7)

Như vậy, từng tiết mục trong chương trình thờ phượng đều là thờ phượng Chúa. Nhiều người hiểu sai cho rằng chỉ có giờ giảng luận mới là giờ thờ phượng, còn các tiết mục khác chỉ là phụ. Nghĩ như vậy không đúng. Lời Chúa dạy từng tiết mục trong chương trình và cả cuộc đời của chúng ta đều là thờ phượng Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

Chúng ta nên hòa lòng vào trong từng tiết mục cách hết lòng để cùng thờ phượng Chúa với Hội Thánh.

5. Hỏi: Chúng ta nên thờ phượng Đức Chúa Trời ở những nơi nào?

Đáp: Vì Chúa là Đấng toàn tại, ở khắp mọi nơi, nên chúng ta có thể thờ phượng Đức Chúa Trời ở bất cứ nơi nào. Nhưng để tiện cho việc thờ phượng, chúng ta nên:

(1) Thờ phượng riêng: trong nơi thanh vắng, yên tĩnh, thuận tiện.

(2) Thờ phượng trong gia đình (gia đình lễ bái): mọi người trong gia đình họp lại trong nhà vào thì giờ thích hợp, để thờ phượng Chúa chung với nhau, thường là buổi tối với thời gian khoảng từ 20 đến 30 phút hoặc lâu hơn tùy điều kiện của từng gia đình.

(3) Thờ phượng trong Hội Thánh: mỗi tín hữu cùng đến nhà thờ để thờ phượng Chúa, gây dựng đức tin cho nhau.

Giương của các tín hữu trong Hội Thánh đầu tiên: “Ngày nào cũng vậy, cứ chăm chỉ đến đền thờ.” (Công Vụ 2:46a)

*Họ thờ phượng mỗi ngày. Ngày nay, Hội Thánh Chúa thờ phượng mỗi tuần vào ngày Chúa Nhật.
Và Lời Chúa dạy:*

“Chớ bỏ sự nhóm lại như mấy kẻ quen làm, nhưng phải khuyên bảo nhau, và hễ anh em thấy ngày ấy hầu gần chừng nào, thì càng phải làm như vậy chừng nấy.” (Ê-bơ-rơ 10:25)

Khi nhóm họp thờ phượng Chúa tại nhà thờ, chúng ta cũng nhận được sự tương giao với anh chị em cùng đức tin, như hình ảnh của cây thập tự: chiều đứng nói lên mối tương giao giữa chúng ta với Đức Chúa Trời, chiều ngang nói lên mối tương giao giữa chúng ta với anh chị em khác. Vì vậy chúng ta luôn biệt riêng ngày Chúa Nhật để thờ phượng Chúa.

Nhiều người nói Chúa là Đấng toàn tại nên tôi không cần đến nhà thờ mà thờ phượng Chúa ở nhà cũng đủ. Nếu không đến đền thờ để thờ phượng, chúng ta sẽ đánh mất mối tương giao với anh chị em cùng đức tin và không có cơ hội phục vụ Chúa và phục vụ nhau. Đó không phải là quan niệm đúng.

6. Hỏi: Chúng ta có nên dùng hình tượng Chúa để suy niệm về Ngài trong khi thờ phượng không?

Đáp: Chúng ta tuyệt đối không được dùng các hình tượng trong khi thờ phượng Đức Chúa Trời, vì:

- (1) Vi phạm điều răn thứ hai trong Mười Điều Răn (chúng ta sẽ học kỹ hơn trong bài Mười Điều Răn)

Điều răn thứ hai dạy: “Người chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời cao kia, hoặc nơi đất thấp này, hoặc trong nước dưới đất.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4)

- (2) Chúa rửa sả hình tượng và những người thờ lạy hình tượng.

“Hình tượng chúng nó bằng bạc bằng vàng, là công việc tay người ta làm ra. Hình tượng có miệng mà không nói; có mắt mà chẳng thấy; có tai mà không nghe; có lỗ mũi mà chẳng ngửi; có tay, nhưng không sờ râm; có chân, nào biết bước đi; cuống họng nó chẳng ra tiếng nào. Phàm kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó, đều giống như nó.” (Thi Thiên 115:4-8)

- (3) Làm hình tượng Chúa là xúc phạm đến bản tính thiêng liêng, vô hạn của Ngài. Đức Chúa Trời là thần linh vô hình, là Đấng vô hạn, chúng ta không nên giới hạn Ngài trong một bức tượng. Kinh Thánh dạy:

“Vậy, đã là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chúng ta đừng nghĩ rằng Đấng Thiêng Liêng giống như hình tượng bằng vàng, bạc, hay đá do nghệ thuật và trí tưởng tượng của con người làm ra.” (Công Vụ 17:29)

Vì lẽ đó, Hội Thánh Tin Lành không có hình tượng trong nhà thờ cũng như tại nhà riêng.

Chúng ta thấy có những bức hình vẽ Chúa Giê-xu, đó chỉ là những tác phẩm mỹ thuật chứ không phải hình Chúa thật. Không ai thờ phượng những bức tranh đó cả mà chỉ dùng để trang trí thôi.

Rồi trong nhà thờ hoặc trước nhà thờ cũng có hình cây thập tự. Đó cũng chỉ là biểu tượng của tình yêu vì Chúa Giê-xu đã chịu đóng đinh trên cây thập tự để chuộc tội cho chúng ta. Hội Thánh Tin Lành không thờ phượng cây thập tự đó.

7. Hỏi: Chúng ta phải có tâm tình nào khi thờ phượng Đức Chúa Trời?

Đáp: Phải có tâm tình vừa kính sợ, vừa yêu mến trong khi thờ phượng Chúa:

- Chúng ta kính sợ Chúa vì Ngài là Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta không khiếp sợ như nô lệ, vì Ngài cũng là Thiên Phụ từ ái.
- Không suồng sã, khinh suất, vì Đức Chúa Trời là Đấng Chí cao.

Ê-bơ-rơ 12:28: “chúng ta hãy biết ơn, và lấy lòng kính sợ mà phục vụ Đức Chúa Trời cách vui lòng Ngài”

Mác 12:30 là câu gốc của bài học thứ nhất: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người.”

8. Hỏi: Trong giờ thờ phượng, chúng ta phải có thái độ nào?

Đáp:

Khi tham gia nhóm lại thờ phượng Chúa với Hội Thánh, chúng ta cần phải:

(1) Phải tích cực dự phần hát tôn vinh Chúa, cầu nguyện, đọc Kinh Thánh, dâng hiến và chăm chỉ lắng nghe lời Chúa. Vì tất cả các tiết mục này đều là thờ phượng Đức Chúa Trời (xem Nê-hê-mi 8:1-8).

(2) Phải giữ trật tự.

“Nhưng Đức Giê-hô-va ở trong đền thánh của Ngài, trước mặt Ngài, cả đất hãy làm thinh!” (Ha-ba-cúc 2:20)

“Nhưng mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự.” (1 Cô-rinh-tô 14:40)

Không nên nói chuyện, đi lại lộn xộn, hoặc để trẻ con chạy nhảy chơi đùa trong giờ thờ phượng, làm ảnh hưởng đến người khác và thiếu kính kiền với Chúa.

(3) Phải tham dự trọn giờ thờ phượng.

Không đi trễ về sớm, vì như vậy là bất kính với Đức Chúa Trời. Khi chúng ta cố tình đi trễ về sớm chúng tỏ chúng ta coi thường giờ thờ phượng và như vậy là bất kính với Chúa.

Ngoại trừ những trường hợp bất khả kháng, chúng ta nên chuẩn bị công việc nhà và sắp xếp thời gian để đi thờ phượng đúng giờ, đồng thời, tham dự trọn giờ thờ phượng. Vì chúng ta đã học biết tất cả các tiết mục trong chương trình đều là thờ phượng Chúa cả.

Ôn lại Câu góc: “Những người thờ phượng thật lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những người thờ phượng mà Cha ưa thích.” (Giăng 4:23)

Sau khi học xong bài học này, xin Chúa cho mỗi chúng ta luôn sắp xếp thời gian và công việc để có thể ưu tiên tham dự thờ phượng Chúa với Hội Thánh mỗi Chúa Nhật. ʘ

Bài 9**MƯỜI ĐIỀU RĂN**

Câu góc: *“Ngươi phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi; và yêu người lân cận như mình.”* (Lu-ca 10:27)

Mục đích: *Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu ý nghĩa của Mười Điều Răn. (2) Nhận biết mình không thể làm trọn Mười Điều Răn được. (3) Biết nhờ cậy Chúa nhiều hơn.*

(Ghi chú: Bài này nên học trong hai tuần.)

1. Hỏi: Mười Điều Răn là gì? Được chép ở đâu?**Đáp:**

- Mười Điều Răn là mười điều căn bản của luật pháp mà Đức Chúa Trời ban cho dân Do Thái và loài người, để làm tiêu chuẩn cho cuộc sống.
- Trong Kinh Thánh, Mười Điều Răn được chép ở hai sách khác nhau: Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17 và Phục Truyền Luật Lệ Ký 5:6-21.

(Đọc Xuất Ê-díp-tô Ký 20:1-17 để giới thiệu cho học viên tổng quát về Mười Điều Răn trong Kinh Thánh)

2. Hỏi: Mục đích và đại ý của Mười Điều Răn là gì?

Đáp:

- Mục đích của Mười Điều Răn quy định bốn phận của con người đối với Đức Chúa Trời và bốn phận của con người đối với con người:
 - (1) Bốn phận của con người đối với Chúa: gồm 4 điều đầu tiên: Điều răn 1-4.
 - (2) Bốn phận của con người đối với nhau: gồm 6 điều tiếp theo: Điều răn 5-10.
- Chúa Giê-xu tóm tắt đại ý của Mười Điều Răn trong hai điều:
 - (1) Hết lòng kính yêu Chúa.
 - (2) Yêu người lân cận như yêu chính mình.

“Đức Chúa Giê-xu đáp rằng: Đây là điều đầu nhất: Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe, Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta, là Chúa có một. Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người. Đây là điều thứ hai: Người phải yêu kẻ lân cận như mình. Chẳng có điều răn nào lớn hơn hai điều đó.” (Mác 12:29-31)

3. Hỏi: Điều răn thứ nhất là gì? Và có ý nghĩa gì?**Đáp:**

- Điều răn thứ nhất: *“Trước mặt Ta người chớ có các thần khác”*.
- Trong điều răn này Chúa dạy con người phải tin Chúa, yêu Chúa, vâng lời và thờ phượng chỉ một mình Ngài.

“Người phải thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời người, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi.” (Ma-thi-ơ 4:10b)

Khi bạn điều răn thứ nhất này, bạn thấy Đức Chúa Trời có độc đoán không? Hoàn toàn không.

Trong bài học thứ nhất, chúng ta đã học biết Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên vũ trụ, trời đất trong đó có chúng ta. Ngài là Đấng cao cả, quyền năng, Đấng có một không hai. Vậy chỉ có Ngài là Đấng duy nhất đáng cho loài người tôn thờ, ngoài Ngài ra, không có một ai xứng đáng để tôn thờ cả. Như vậy, chỉ thờ phượng một mình Ngài là điều hoàn toàn hợp lẽ.

Khi chúng ta tôn thờ Chúa mà vẫn còn tôn thờ thêm một thần nào hay một điều gì khác, thì khác nào chúng ta chọc giận Chúa.

Vì vậy: Trước mặt Đức Chúa Trời, chúng ta chớ có các thần khác.

Điều răn thứ nhất: “Trước mặt Ta người chớ có các thần khác”.

4. Hỏi: Điều răn thứ hai là gì và có ý nghĩa gì?**Đáp:**

- Điều răn thứ hai dạy: *“Người chớ làm tượng chạm cho mình... người chớ quỳ lạy trước các hình tượng đó, và cũng đừng hầu việc chúng nó.”*
- Điều răn thứ hai dạy chúng ta không được làm bất cứ hình tượng nào, cũng không được thờ phượng và phục vụ các hình tượng đó;

Thi Thiên 115:4-8

*Hình tượng chúng nó bằng bạc bằng vàng,
Là công việc tay người ta làm ra.
Hình tượng có miệng mà không nói;
Có mắt mà chẳng thấy;
Có tai mà không nghe;
Có lỗ mũi mà chẳng ngửi;
Có tay, nhưng không rờ rẫm;
Có chân, nào biết bước đi;
Cuống họng nó chẳng ra tiếng nào.
Phàm kẻ nào làm hình tượng, và nhờ cậy nơi nó,
Đều giống như nó.*

Công Vụ 17:29-30 “*Vậy, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngỡ rằng Chúa giống như vàng, bạc, hay là đá, bởi công nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên.*”

- Khi chúng ta làm một hình tượng Chúa để tôn thờ thì chúng ta phạm tội bất kính với Chúa, vì đã hạ thấp Đấng chí cao xuống bằng một hình tượng vô tri vô giác.

- Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời làm người, Ngài không để lại cho môn đồ một hình ảnh nào của Ngài, cũng không để lại một xá lợi nào, mà chỉ có một ngôi mộ trống. Vì Ngài đã sống lại và thăng thiên. Trong nhà thờ Tin Lành luôn có hình thập tự, nhưng đây không phải là một hình tượng, mà chỉ là một biểu tượng của tình yêu, nhắc nhở chúng ta nhớ đến sự chết chuộc tội cho nhân loại trong đó có chúng ta. Khi nhìn lên thập tự, chúng ta nhớ lại, thay vì tôi phải chết trên đó vì tội lỗi của mình, nhưng Chúa Giê-xu đã chết thay cho.

Chúng ta cũng thấy trong một số sách vở, lịch hay trong nhà có hình Chúa Giê-xu. Đây chỉ là một loại tranh mỹ thuật, các họa sĩ vẽ một người Do Thái có râu, tóc dài, khoảng gần 50 tuổi, có khuôn mặt khắc khổ (vì Kinh Thánh cho biết có người thấy Chúa đã cho rằng Chúa gần năm mươi tuổi trong lúc thật sự Chúa chỉ ngoài ba mươi.)

Không có một tín đồ Tin Lành nào quỳ gối hay cầu nguyện với cây thập tự hoặc với những tranh ảnh mỹ thuật đó cả.

- Chúng ta cũng không thờ bất cứ hình tượng nào khác. Thật là vô lý khi chúng ta ra chợ mua một hình tượng với giá ít chục nghìn đồng rồi đem về nhà đặt lên bàn thờ để thờ. Cho dù mua với giá thật cao, cho dù tượng làm bằng quý kim đi nữa thì đó cũng chỉ là những vật vô tri vô giác mà thôi, không thể lấy đó làm đối tượng để chúng ta tôn thờ.

Điều răn thứ hai còn mang ý nghĩa sâu xa hơn, đó là không thờ thần tượng hữu hình lẫn thần tượng vô hình. Có nghĩa là chúng ta không đưa bất cứ điều gì lên chiếm địa vị của Đức Chúa Trời.

“*Chớ yêu thế gian, cũng đừng yêu các vật ở thế gian nữa; nếu ai yêu thế gian, thì sự kính mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy.*” (1 Giăng 2:15)

Khi chúng ta để cho tiền bạc, danh vọng, địa vị chiếm hữu đời sống chúng ta khiến chúng ta phải bỏ hết thì giờ, công sức đeo đuổi nó, thì những thứ ấy trở thành thần tượng của chúng ta. Vì chúng ta đang đặt chúng vào vị trí ưu tiên cao nhất trong đời sống. Như vậy chúng ta đã vi phạm điều răn thứ hai.

Cũng vậy, khi chúng ta để cho ly bia, ly rượu, thuốc thối trí chúng ta, khiến chúng ta biết là không tốt, ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh ra nhiều tệ nạn, nhưng lại không thể ngưng được, thì chúng ta đã trở thành thần tượng của mình rồi. Con cái Chúa không uống rượu, không hút thuốc là vì không muốn để những thứ không tốt và có hại đó cai trị đời sống mình.

Trong chúng ta có ai đang nghiện thuốc lá, rượu bia, xin hãy nhờ ơn Chúa mà từ bỏ để những thứ đó không trở thành thần tượng của mình.

- Điều răn thứ nhất: Trước mặt Ta người chớ có các thần khác.

- Điều răn thứ hai: “*Người chớ làm hình tượng và cũng chớ thờ hình tượng.*”

5. Hỏi: Điều răn thứ ba là gì và dạy chúng ta điều gì?

Đáp:

- Điều răn thứ ba dạy: “*Người chớ lấy Danh Chúa mà làm chơi.*”

- Điều răn thứ ba dạy chúng ta không được gọi Danh Chúa cách vô cớ, không được nhân Danh Ngài mà nói hoặc làm cách không xứng đáng. Nhưng chúng ta phải bày tỏ lòng tôn kính Đức Chúa Trời trong tư tưởng, thái độ, ngôn ngữ và hành động.

Trong cuộc sống, khi tôn trọng ai thì chúng ta không dám xúc phạm đến danh của người đó. Trong thời quân chủ, từ quan đến dân không ai dám phạm hủ, tức là phạm đến danh vua và danh của dòng tộc vua. Không ai dám lấy danh vua làm chơi.

Đức Chúa Trời là Đấng cao cả, Đấng cứu chuộc chúng ta, vậy chúng ta phải tôn trọng Danh Ngài, đừng bao giờ lấy Danh Ngài làm chơi trong cuộc sống.

Ví dụ có người lấy Danh Chúa mà rửa người khác rằng: “*Đồ Trời đánh!*” Hoặc gặp chuyện gì đó là kêu lên: “*Trời! Trời!*” Vì trong tâm tưởng của người Việt Nam, Trời là Đức Chúa Trời.

Chúng ta phải nhớ Danh Chúa là Danh cao quý, Danh đáng kính yêu, Danh đáng tôn trọng. Không bao giờ được lấy Danh Chúa làm chơi.

- Điều răn thứ nhất: Trước mặt Ta người chớ có các thần khác.
- Điều răn thứ hai: “Người chớ làm hình tượng và cũng chớ thờ hình tượng.”
- Điều răn thứ ba: “Người chớ lấy Danh Chúa mà làm chơi.”

6. Hỏi: Điều răn thứ tư thế nào và có ý nghĩa gì?

Đáp:

- Điều răn thứ tư: “Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh.”
- Đức Chúa Trời dựng nên vũ trụ trời đất và con người trong 6 ngày, đến ngày thứ bảy Ngài nghỉ các công việc mình đã làm rồi ban phước cho ngày thứ bảy. Và Ngài dạy dân sự giữ ngày thứ bảy (tức ngày sa-bát) làm ngày nghỉ. Chữ “sa-bát” có nghĩa là “nghỉ”.
- Trong thời Cựu Ước, dân Do Thái đã tuân giữ như thế, nhưng Hội Thánh thời Tân Ước đã giữ ngày thứ nhất (Chúa Nhật) làm ngày nghỉ và thờ phượng Chúa, vì:

(1) Chúa Giê-xu sống lại vào ngày thứ nhất.

“Sau ngày Sa-bát, ngày thứ nhất trong tuần lễ, lúc tung tung sáng, có Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri khác đến thăm mộ... Ngài không ở đây đâu; Ngài sống lại rồi, như lời Ngài đã phán.” (Ma-thi-ơ 28:1, 6a)

(2) Đức Thánh Linh giáng lâm và thành lập Hội Thánh vào ngày thứ nhất:

“Đến ngày Lễ Ngũ Tuần, môn đồ nhóm họp tại một chỗ... Hết thầy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh.” (Công Vụ 2:1, 4a)

Lễ Ngũ Tuần nhằm ngày Chúa Nhật.

(3) Hội Thánh đầu tiên đã bắt đầu nhóm vào ngày Chúa Nhật.

“Ngày thứ nhất trong tuần lễ, chúng ta đang nhóm lại để bẻ bánh; Phao-lô phải đi ngày mai, nên người nói chuyện với các môn đồ, và cứ giảng luôn cho đến nửa đêm.” (Công Vụ 20:7)

(Cũng xem thêm 1 Cô-rinh-tô 16:2; Khải Huyền 1:10)

Từ đó, Hội Thánh Chúa nghỉ ngơi và thờ phượng Chúa vào ngày Chúa Nhật. Chúa Nhật có nghĩa là Ngày của Chúa. Ngày nay cả thế giới đều nghỉ làm việc vào ngày Chúa Nhật. Chúng ta tưởng ngày thứ hai là ngày đầu tuần, nhưng thật ra ngày Chúa Nhật mới là ngày đầu tuần, là ngày nghỉ, ngày thứ nhất, rồi mới đến ngày thứ hai, thứ ba... Ngày Chúa Nhật còn gọi là ngày Chủ Nhật, vì trong từ Hán Việt, chữ Chủ và Chúa cùng một chữ giống nhau.

Chúng ta cần nhớ tâm linh không ăn cùng một thức ăn như thể xác; tiền bạc vật chất không nuôi được tâm linh, mà chỉ có Lời Chúa mới làm cho tâm linh no đủ. Cho nên giữ ngày nghỉ, là ngày Chúa nhật, để thờ phượng Đức Chúa Trời là điều rất cần thiết cho cuộc sống tâm linh.

Điều răn thứ tư nhắc chúng ta “hãy nhớ”, có lẽ vì chúng ta hay quên. Hãy nhớ ngày nghỉ làm nên ngày thánh, vì ngày nghỉ này đã có từ trước, nay cần phải nhớ lại để thi hành. Xin Chúa cho chúng ta luôn nhớ dành ngày thứ nhất trong tuần là ngày Chúa nhật để biệt riêng thờ phượng Chúa với Hội Thánh hầu nuôi dưỡng đời sống tâm linh của mình và cũng để không vi phạm điều răn của Chúa. Nhiều khi chúng ta sợ vi phạm điều răn chớ nói dối, chớ giết người v.v... nhưng lại dễ dàng vi phạm điều răn thứ tư mà không biết sợ. Nên nhớ giữ ngày Chúa nhật thờ phượng Chúa là điều răn cần phải giữ như các điều răn khác.

- Điều răn thứ nhất: Trước mặt Ta người chớ có các thần khác.
- Điều răn thứ hai: “Người chớ làm hình tượng và cũng chớ thờ hình tượng.”
- Điều răn thứ ba: “Người chớ lấy Danh Chúa mà làm chơi.”
- Điều răn thứ tư: “Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh.”

Đây là 4 điều răn nói về bổn phận của con người đối với Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã tóm tắt 4 điều răn đầu tiên thành một điều răn lớn, là: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết sức mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người”.

Khi chúng ta hết lòng yêu kính Chúa thì trước mặt Chúa chúng ta sẽ không thờ bất kỳ một thần nào khác; chúng ta sẽ không thờ hình tượng; không lấy Danh Chúa làm chơi; và sẽ luôn nhớ ngày nghỉ làm nên ngày thánh.

Sáu Điều răn tiếp theo, từ điều răn 5 đến điều răn 10, quy định bổn phận của con người đối với con người.

7. Hỏi: Điều răn thứ năm nói gì và ý nghĩa ra sao?

Đáp:

- Điều răn thứ năm Chúa dạy: *“Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi.”*
- Qua điều răn này, Chúa dạy chúng ta phải yêu mến, tôn trọng và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ lúc còn sống. Khi ông bà, cha mẹ qua đời, chúng ta phải lo an táng chu đáo trong khả năng của mình. Sau đó, chúng ta phải sống hòa thuận trong gia đình, dòng họ, láng giềng, làm những điều tốt đẹp cho rạng rỡ gia tộc mình. Đó là sự hiếu kính mà Chúa dạy.

Người Tin Lành thường bị mang tiếng là theo Tin Lành bỏ ông bỏ bà. Thật sự Chúa không dạy con dân Chúa bỏ ông bỏ bà. Trong sáu điều răn quy định bổn phận giữa người với người, thì đầu tiên là “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi”. Yêu kính Chúa là nền tảng để yêu người, và bổn phận đầu tiên đối với con người chính là hiếu kính cha mẹ. Tinh thần hiếu kính cha mẹ thể hiện khi cha mẹ còn sống, và cả khi cha mẹ qua đời, con cái phải luôn giữ tiếng thơm cho cha mẹ bằng nếp sống yêu thương và hòa thuận nhau trong gia đình.

8. Hỏi: Tại sao chúng ta không được thờ phượng và cúng tế ông bà, cha mẹ?

Đáp:

- Không được thờ phượng cha mẹ, vì vi phạm điều răn thứ nhất và thứ hai của Chúa.
Chỉ có một Đấng duy nhất chúng ta thờ phượng là Đức Chúa Trời. Cha mẹ chúng ta cũng là người, nên chúng ta không được thờ phượng mà chỉ phải hiếu kính. Cần phân biệt thờ phượng với hiếu kính.
- Không được cúng tế, vì khi chúng ta cúng tế không chỉ chúng ta phạm tội với Đức Chúa Trời, mà còn làm một việc mê tín. Bởi vì khi ông bà, cha mẹ qua đời thì họ không còn ở trần gian, cũng không còn ăn uống được nữa. Thế nên, chúng ta không cúng tế, cũng không ăn của cúng. (Xem thêm Kinh Thánh Công Vụ 15:29; 1 Cô-rinh-tô 8:4-6).

Người Tin Lành thường bị cho là bất hiếu vì người ta thấy trong nhà không có bàn thờ tổ tiên.

Trước hết người Tin Lành không đốt nhang, vì cây nhang không nói lên tâm lòng của chúng ta. Khi không đốt nhang thì không có lư nhang, và vì vậy cũng không thiết lập bàn thờ.

Hơn nữa, chúng ta hiếu kính cha mẹ theo Lời Chúa dạy bằng tấm lòng yêu thương, tưởng nhớ chứ không thể thờ phượng cha mẹ, nên không lập bàn thờ. Người Tin Lành đặt hình ảnh cha mẹ ông bà trong lòng mình, chứ không đặt trên bàn thờ. Vì nhiều khi làm bàn thờ cho đẹp mà lại để bụi bặm, cả năm mới nhớ đến cha mẹ, ông bà một lần trong ngày cúng giỗ thì thật không phải.

Hơn nữa, khi tổ chức cúng giỗ, thật sự cha mẹ chúng ta không thể ăn được, chỉ có chúng ta ăn với nhau, rồi có khi nhậu nhẹt say sưa, rượu vào lời ra, sinh ra những mâu thuẫn làm ô danh cha mẹ hơn là hiếu kính.

Điều răn thứ năm Chúa dạy Hãy hiếu kính cha mẹ cách đúng đắn để cha mẹ khi còn sống được vui thỏa với con cháu, và khi qua đời không bị tiếng xấu. Chúng ta cần nắm kỹ lời dạy của Chúa qua Điều răn thứ năm để có thể giải thích với người khác về lòng hiếu kính ông bà cha mẹ đúng nghĩa. Tuy nhiên chúng ta cần giải thích ôn hòa chứ không nên tranh cãi.

9. Hỏi: Điều răn thứ sáu là gì và có ý nghĩa ra sao?

Đáp:

- Điều răn thứ sáu: *“Ngươi chớ giết người.”*

Chúng ta đã học biết Con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, nên Chúa muốn chúng ta phải tôn trọng sự sống mà Ngài ban cho chúng ta và người khác. Chúng ta không được có tư tưởng, thái độ, lời nói và hành động nào gây tổn hại cho chính mình và cho người khác, cả tâm linh lẫn thể xác.

Chúa Giê-xu dạy trong Ma-thi-ơ 5:21-22 rằng: “*Các con đã nghe lời phán dạy cho người xưa rằng: ‘Chớ giết người’; và ‘nếu ai giết người thì phải bị tòa án xét xử’. Nhưng Ta bảo các con: Ai giận anh em mình cũng đáng bị tòa án xét xử; ai mắng anh em mình là ‘ngu xuẩn,’ thì đáng bị Hội đồng Công luận xét xử; ai mắng anh em mình là khùng điên, thì đáng bị lửa hỏa ngục hình phạt*”.

Sứ đồ Giăng cũng dạy trong 1 Giăng 3:15: “*Ai ghét anh em mình, là kẻ giết người; anh em biết rằng chẳng một kẻ nào giết người có sự sống đời đời ở trong mình*”.

Như vậy Lời Chúa loại trừ tội giết người ngay từ trong căn nguyên là từ trong tư tưởng. Vì chính tư tưởng hướng dẫn hành động. Khi ghét ai, khi giận ai hoặc khi mắng ai là đồ điên, đồ khùng thì trong tư tưởng chúng ta ít nhiều cũng muốn loại trừ người ấy ra khỏi cuộc sống của mình, không muốn người đó dính líu tới mình.

Loại trừ một người, dù bằng hành động hay tư tưởng, thì Đức Chúa Trời cũng coi đó là tội giết người.

Chúa Giê-xu dạy chúng ta: “Hãy yêu kẻ thù nghịch, và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các ngươi, hầu cho các ngươi được làm con của Cha các ngươi ở trên trời; bởi vì Ngài khiến mặt trời mọc lên soi kẻ dữ cùng kẻ lành, làm mưa cho kẻ công chính cùng kẻ độc ác. Nếu các ngươi yêu những kẻ yêu mình, thì có được thưởng gì đâu? Những kẻ thù ghét há chẳng làm như vậy sao? Lại nếu các ngươi tiếp đãi anh em mình mà thôi, thì có lạ gì hơn ai? Người ngoại há chẳng làm như vậy sao? Thế thì các ngươi hãy nên trọn vẹn, như Cha các ngươi ở trên trời là trọn vẹn.” (Theo Ma-thi-ơ 5:44-48)

- Điều răn thứ sáu cũng nhắc nhở chúng ta không được giết người, dù người đó là chính mình; nghĩa là không được tự tử. Cũng không được phá thai hay hút điều hòa kinh nguyệt, vì làm vậy là phạm tội giết người.

Tự tử hay phá thai đều phạm tội giết người. Điều răn này dạy chúng ta phải biết quý trọng mạng sống của người khác và chính mình; đồng thời cũng phải quý trọng hôn nhân, không quan hệ bừa bãi rồi phá thai. Cơ Đốc nhân cần nhớ điều răn chớ giết người.

Điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi”

Điều răn thứ sáu: “Ngươi chớ giết người”

10. Hỏi: Điều răn thứ bảy nói gì và có sự dạy dỗ gì?

Đáp:

- Điều răn thứ bảy: “*Ngươi chớ phạm tội tà dâm.*”
- Kinh Thánh cho biết tà dâm là:

(1) Tà dâm là Chưa làm lễ thành hôn mà đã ăn ở với nhau.

Khi thiết lập hôn nhân đầu tiên cho ông A-đam và bà Ê-va, Đức Chúa Trời đã phán trong Sáng Thế Ký 2:24 rằng: “Bởi vậy cho nên người nam sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó cùng vợ mình, và cả hai sẽ nên một thịt”. Hai người chỉ nên một thịt, tức có quan hệ xác thịt với nhau, chỉ khi đã kết hôn và gắn bó với nhau. Vì vậy chưa kết hôn mà ăn ở với nhau là phạm tội tà dâm.

Cho nên, tình trạng sống thử, ăn cơm trước kêng, góp gạo nấu chung... đều bị Chúa nghiêm cấm vì là phạm tội tà dâm, vi phạm điều răn thứ 7.

(2) Tà dâm là đã thành hôn mà còn tư tình với người khác, tức là ngoại tình.

Lời Chúa trong Hê-bơ-rơ 13:4 dạy: “*Mọi người phải kính trọng sự hôn nhân, chốn khuê phòng chớ có ô uế, vì Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt kẻ dâm dục cùng kẻ phạm tội ngoại tình.*”

Đã thành hôn mà còn ngoại tình trong tư tưởng hoặc bằng hành động đều là phạm tội tà dâm. Mọi người phải tôn trọng hôn nhân vì Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt những người gian dâm và ngoại tình.

(3) Tà dâm là bỏ vợ, bỏ chồng mà không phải do tội ngoại tình, để lấy vợ, chồng khác.

Chúa Giê-xu dạy: “*Ta nói với các ngươi: Hễ người nào không vì lý do gian dâm mà ly dị vợ và đi cưới người khác, thì phạm tội ngoại tình.*” (Ma-thi-ơ 19:9)

Hôn nhân trong Chúa là sự kết hợp với nhau trọn đời. Chúa không cho phép ly dị ngoại trừ một lý do duy nhất là một trong hai người phạm tội ngoại tình. Cơ Đốc nhân ly dị là vi phạm điều răn thứ 7, Đức Chúa Trời sẽ đoán phạt, cuộc sống sẽ mất phước.

(4) Tà dâm là theo chế độ đa thê.

Ma-la-chi 2:15 “*Vả, hơi sống của Đức Chúa Trời dầu có dư dật, chỉ làm nên một người mà thôi. Nhưng vì sao chỉ làm một người? Ấy là vì tìm một dòng dõi thánh. Vậy các người khá cẩn thận trong tâm thần mình; chớ đãi cách phỉnh dối với vợ mình lấy lúc tuổi trẻ.*”

Khi Chúa dựng nên bà Ê-va cho ông A-đam thì Chúa chỉ dựng nên MỘT Ê-va, dù hơi sống Chúa có thừa để dựng nên nhiều Ê-va. Tại sao? Vì Chúa muốn dựng nên một vợ một chồng để có một dòng dõi thánh. Vậy, lấy nhiều hơn một vợ hoặc nhiều hơn một chồng là phạm tội tà dâm, vi phạm điều răn thứ 7.

(5) Tà dâm không chỉ là phạm tội bằng hành động, nhưng còn là phạm tội trong tư tưởng.

Chúa Giê-xu dạy: “*Song Ta phán cho các người biết: Hễ ai nhìn phụ nữ mà động lòng tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi.*”(Ma-thi-ơ 5:28)

Bởi vì tà dâm trong tư tưởng là khởi đầu của tà dâm bằng hành động. Hành động tà dâm sẽ bộc lộ khi tư tưởng tà dâm tích lũy trong lòng đến mức độ không còn kiềm chế được thì dẫn đến phạm tội. Kinh Thánh dạy:

“*Đoạn, lòng tư dục ciru mang, sinh ra tội ác; tội ác đã trọn, sinh ra sự chết.*” (Gia-cơ 1:15)

Cần tâm niệm, chúng ta là tạo vật cao quý nhất của Đức Chúa Trời, là con trai con gái của Đức Chúa Trời chứ không phải là những sinh vật giống đực, giống cái. Vì vậy, Chúng ta phải sử dụng thân thể theo ý muốn của Chúa, chứ không hành động theo bản năng như con vật.

Điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ người”

Điều răn thứ sáu: “Người chớ giết người”

Điều răn thứ bảy: “Người chớ phạm tội tà dâm”

11. Hỏi: Điều răn thứ tám là gì và có ý nghĩa gì?

Đáp:

- Điều răn thứ tám: “*Người chớ trộm cướp.*”

- Trộm cướp là chiếm đoạt bất cứ điều gì không thuộc quyền sở hữu của mình.

Điều răn thứ tám Chúa dạy Chúng ta phải tôn trọng tài sản của người khác, không được chiếm đoạt bất cứ điều gì không thuộc quyền sở hữu của mình, nhưng phải thành thật và công chính trong mọi giao tế. Vì ép tiền công của người khác, lãnh lương nhưng làm việc không hết lòng, mua bán mà nói thách, cân non, đo thiếu,... cũng chẳng khác nào trộm, cướp.

Làm hàng gian hàng giả, trốn thuế, nói thách trong mua bán, lạm dụng chức quyền, chèn ép người khác để mình hưởng lợi, nhận hối lộ... đều là vi phạm điều răn thứ 8. Không trộm cướp hàm ý phải sống công chính trong cuộc sống với mọi người.

Lời Chúa dạy: “*Các người chớ phạm sự bất nghĩa trong việc xét đoán, hoặc sự đo, cân, hay là lường.*”(Lê-vi Ký 19:35)

“*Kìa, tiền công con gặt gặt ruộng anh em, mà anh em đã ăn gian, nó kêu oan và tiếng kêu của con gặt đã thấu đến tai Chúa các cơ binh. Anh em đã sống trên thế gian ăn uống vui sướng và xa xỉ, anh em đã làm cho lòng mình no nê trong ngày chém giết; anh em đã luận tội và đã giết người công chính, mà người chẳng cự lại.*” (Gia-cơ 5:4-6)

Hãy xin Chúa cho mình sống thành thật và công chính giữa xã hội để không vi phạm điều răn thứ 8.

Điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ người”

Điều răn thứ sáu: “Người chớ giết người”

Điều răn thứ bảy: “Người chớ phạm tội tà dâm”

Điều răn thứ tám: Người chớ trộm cướp”

12. Hỏi: Điều răn thứ chín dạy gì và có ý nghĩa gì?

Đáp:

- Điều răn thứ chín: “*Người chớ nói chứng dối.*”

- Điều răn thứ chín nhấn mạnh đến sự trung thực và tôn trọng lời hứa. Con cái của Chúa không được nói chứng dối, không được lừa theo số đông để bóp méo sự thật, hoặc cậy quyền vu khống, hay yên lặng để gây lầm lẫn cho kẻ khác, không được coi thường lời hứa.

- Cũng không được nói phóng đại, nói thêm thắt chuyện của người khác, nói sai sự thật để bôi nhọ người khác, nói lấp lửng, nói nửa sự thật để người khác hiểu sai hầu có lợi cho mình...

“Chúng gian sẽ chẳng thoát khỏi bị phạt; và kẻ buông lời giả dối sẽ bị hư mất.” (Châm Ngôn 19:9).

Kinh Thánh đã cảnh báo chúng ta về tội lỗi của cái lưỡi như sau: “Cái lưỡi là một bộ phận nhỏ nhưng khoe khoang những việc lớn. Một tia lửa nhỏ có thể làm bùng cháy cả một cánh rừng rộng lớn biết bao! Cái lưỡi cũng là ngọn lửa. Trong các chi thể của chúng ta, lưỡi là thế giới của tội ác, làm ô uế toàn thân, đốt cháy cả cuộc đời, và chính nó cũng bị lửa địa ngục đốt cháy. Mọi loài thú vật và chim muông, loài bò sát và sinh vật biển đều có thể chế ngự được, và đã từng bị loài người chế ngự rồi; nhưng không ai chế ngự được cái lưỡi, một vật xấu xa không sao kiểm soát được, đầy đầy những chất độc chết người. Chúng ta dùng lưỡi để chúc tụng Chúa, Cha chúng ta, và cũng dùng nó để nguyền rủa loài người, là loài được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời. “Từ một miệng mà ra cả sự chúc tụng lẫn nguyền rủa sao? Thưa anh em của tôi, đừng như vậy” (Gia-cơ 3:5-10).

Tội lỗi của cái lưỡi thật đáng sợ, trong cuộc sống gần như không ai là không mắc tội nói dối. Vì vậy xin mỗi người hãy xin Chúa cai trị môi miệng mình mỗi ngày.

Điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi”

Điều răn thứ sáu: “Ngươi chớ giết người”

Điều răn thứ bảy: “Ngươi chớ phạm tội tà dâm”

Điều răn thứ tám: “Ngươi chớ trộm cướp”

Điều răn thứ chín: “Ngươi chớ nói chứng dối”

13. Hỏi: Điều răn thứ mười là gì và ý nghĩa ra sao?

Đáp:

- Điều răn thứ mười: “Ngươi chớ tham lam.”
- Điều răn thứ mười dạy Cơ Đốc Nhân không được tham muốn bất cứ điều gì của người khác, không được có tư tưởng ganh tị, tức là thấy người khác có mà mình không có rồi nảy sinh lòng tham muốn.

Không được có hành động ích kỷ, nhưng phải bằng lòng với những gì Chúa ban cho mình, để tránh lòng tham muốn.

“Sự tin kính cùng sự thỏa lòng, chính là nguồn lợi lớn. Vì khi chào đời chúng ta chẳng đem gì theo, thì lúc lìa đời cũng không thể mang gì đi được; vì vậy, có cơm ăn, áo mặc thì phải thỏa lòng. Còn những ai ham giàu có, thì rơi vào sự cám dỗ, mắc vào cạm bẫy, sa vào những tham muốn dại dột và nguy hại, là những điều nhận chìm con người trong sự hủy diệt và hư mất. Vì lòng tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác, một số người vì đeo đuổi nó mà lìa bỏ đức tin, tự chuốc lấy nhiều nỗi đau nhức nhối.” (1 Ti-mô-thê 6:6-10)

Tham người, tham tiền của, tham tài sản là căn bệnh của nhiều người trong thời đại kinh tế thị trường. Xin Chúa cho chúng ta nuôi dưỡng nếp sống tin kính, tin Đức Chúa Trời luôn ban mọi điều tốt nhất cho chúng ta để có thể sống thỏa lòng trong mọi sự ban cho của Chúa. Từ đó, chúng ta có thể thoát khỏi tội tham lam. Lời Chúa cảnh báo: “Vì lòng tham tiền bạc là cội rễ của mọi điều ác, một số người vì đeo đuổi nó mà lìa bỏ đức tin, tự chuốc lấy nhiều nỗi đau nhức nhối”.

Và Chúa nhắc nhở chúng ta rằng món lợi lớn nhất trong cuộc sống không phải là tiền bạc hay tài sản nhưng chính là sự tin kính và thỏa lòng.

Điều răn thứ 10 Chúa dạy: Ngươi chớ tham lam.

Bây giờ chúng ta sẽ ôn lại tóm tắt Mười Điều Răn:

- Điều răn thứ nhất: Trước mặt Ta ngươi chớ có các thần khác.
- Điều răn thứ hai: “Ngươi chớ làm hình tượng và cũng chớ thờ hình tượng.”
- Điều răn thứ ba: “Ngươi chớ lấy Danh Chúa mà làm chơi.”

- Điều răn thứ tư: “Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh.”
- Điều răn thứ năm: “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi”
- Điều răn thứ sáu: “Ngươi chớ giết người”
- Điều răn thứ bảy: “Ngươi chớ phạm tội tà dâm”
- Điều răn thứ tám: “Ngươi chớ trộm cướp”
- Điều răn thứ chín: “Ngươi chớ nói chứng dối”
- Điều răn thứ mười: “Ngươi chớ tham lam”

Sau khi học xong Mười Điều Răn, xin hỏi có ai trong chúng ta có thể vâng giữ trọn vẹn hết cả Mười Điều Răn, không hề vi phạm một điều nào cả không? Có ai có thể khẳng định rằng mình có thể sống trọn vẹn 100% không?

Chắc chắn câu trả lời là **Không**, vì chúng ta là những con người tội lỗi, bất toàn. Vì vậy câu hỏi tiếp theo là:

14. Hỏi: Vì chúng ta không thể vâng giữ các điều răn cách trọn vẹn. Vậy, các điều răn có giúp ích gì không?

Đáp: Vì không thể vâng giữ các Điều Răn cách trọn vẹn, nên chúng ta nhận biết rõ ràng sự thất bại của mình trước tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Từ đó, chúng ta nhờ cậy sự cứu chuộc của Đấng Cứu Thế.

Mười Điều Răn cho chúng ta thấy mình chỉ là những con người tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời mà thôi. Khi soi mình với Mười Điều Răn, chúng ta thấy mình luôn vi phạm, không điều răn này thì cũng điều răn khác. Điều này chứng tỏ không ai có thể tự cứu mình bằng cách ăn hiền ở lành, tu thân tích đức được.

Kinh Thánh trong Rô-ma 3:20 khẳng định: “*Vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công chính trước mặt Ngài, vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi.*”

Vậy thì làm thế nào để được cứu?

Lời Chúa trong Rô-ma 7:25 cho chúng ta bí quyết: “*Cám tạ Đức Chúa Trời, nhờ Chúa Cứu Thế Giê-xu, là Chúa chúng ta!*”

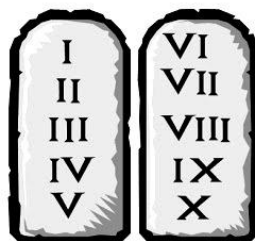
Không một ai sống trên đất này có thể làm trọn Mười Điều Răn, ngoại trừ một người, đó là Chúa Giê-xu. Khi chúng ta để Chúa làm chủ cuộc đời mình, Ngài sẽ hành động qua chúng ta. Nếu chúng ta thưa với Chúa rằng tay con xin Chúa sử dụng thì chúng ta sẽ không cảm bài, nâng ly nhậu nhẹt hay trộm cắp... Khi chúng ta thưa với Chúa rằng miệng con xin Chúa sử dụng thì chắc chắn chúng ta sẽ không nói dối, lừa lọc người khác v.v...

Vì vậy mỗi chúng ta hãy quyết định dâng trọn thân thể mình, cuộc đời mình cho Chúa cai trị, Ngài sẽ giúp chúng ta sống mỗi ngày một giống Ngài hơn.

Học viên nên học thuộc lòng Mười Điều Răn.

Chúa Giê-xu đã tóm tắt Mười Điều Răn thành hai điều trong câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Ngươi phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi; và yêu người lân cận như mình.” (Lu-ca 10:27) ✠



Bài 10

DÂNG HIẾN

Câu gốc: “...Vì mọi vật đều do nơi Chúa mà đến; và những vật chúng tôi đã dâng cho Chúa chẳng qua là đã thuộc về Chúa.” (1 Sử Ký 29:14b)

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu tại sao phải dâng hiến. (2) Con cái Chúa cần dâng hiến như thế nào để Chúa vui lòng.

Dâng hiến là một phần trong sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ học biết ý nghĩa của Dâng hiến để ai nấy có thể thờ phượng Chúa bằng sự dâng hiến đẹp lòng Ngài.

1. Hỏi: Trong thời đại luật pháp, Chúa dạy dân Y-sơ-ra-ên phải dâng hiến như thế nào?

Đáp: Luật pháp quy định mọi người Y-sơ-ra-ên phải dâng một phần mười hoa lợi của mình, đó là một nghĩa vụ thuế phải nộp.

“Phàm thuế một phần mười thổ sản, bất kỳ vật gieo hay là hoa quả của cây, đều thuộc về Đức Giê-hô-va; ấy là một vật thánh biệt riêng ra cho Đức Giê-hô-va. Còn về một phần mười của bầy bò hay là chiên, tức là mọi vật chi đi ngang dưới gậy, con thứ mười sẽ là thánh, biệt riêng ra thánh cho Đức Giê-hô-va.” (Lê-vi Ký 27:30, 32)

Ngoài ra, họ còn dâng hiến cho Đức Chúa Trời trong những nhu cầu đặc biệt, như họ đã tình nguyện dâng vật liệu quý giá để xây dựng đền thờ cho Chúa.

“Trước mặt Môi-se, họ thâu các lễ vật của dân Y-sơ-ra-ên đã đem đến, để làm các công việc định dùng về sự tế lễ nơi thánh. Nhưng mỗi buổi sớm mai, dân sự lại đem đến lễ vật tình nguyện nữa.” (Xuất Ê-díp-tô Ký 36:3).

2. Hỏi: Trong thời đại Tân Ước, Chúa cho chúng ta thấy phải dâng hiến ra sao?

Đáp: Trong Kinh Thánh Tân Ước có ghi lại câu chuyện về dâng hiến như sau:

“Đức Chúa Giê-xu vừa ngó lên, thấy những kẻ giàu bỏ tiền lễ vào rương, lại thấy một bà góa nghèo bỏ vào hai đồng tiền. Ngài phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, bà góa nghèo này đã bỏ vào nhiều hơn hết mọi người khác. Vì mọi người kia đều lấy của dư mình mà làm của dâng; nhưng bà này thiếu thốn, mà đã dâng hết của mình có để nuôi mình.” (Lu-ca 21:1-4)

- Qua việc một quả phụ nghèo dâng cho Chúa tất cả số tiền mình có để sống qua ngày. Chúa cho chúng ta thấy 2 điều:

- (1) Việc dâng hiến ở thời Tân Ước không còn đóng khung ở một phần mười, mà có thể dâng nhiều hơn tùy theo tâm lòng.
- (2) Chúa không đánh giá theo số lượng tài vật chúng ta dâng, nhưng theo tỷ lệ chúng ta dâng hiến.

Ngài nhìn thấy tâm lòng dâng hiến chứ không phải số lượng nhiều hay ít. Người quả phụ nghèo khó này đã dâng một số tiền rất ít so với những người giàu. Song Chúa đánh giá bà dâng nhiều hơn hết, vì bà đã dâng 100% số tiền mình có. Còn những người giàu dâng nhiều nhưng số tiền đó chỉ đáng một vài phần trăm tài sản của họ mà thôi.

3. Hỏi: Tại sao tín hữu phải dâng hiến cho Chúa?

Đáp: Tín hữu không bị buộc phải dâng hiến. Nhưng bất cứ người nào thật sự cảm nhận ơn Chúa, đều vui lòng dâng hiến, tại sao?

(1) Chúng ta dâng hiến là để tỏ lòng yêu mến Chúa.

Phước Âm Giảng 12:3-8 kể lại câu chuyện cô Ma-ri đã dâng chai dầu thơm rất quý có giá trị bằng khoảng 300 ngày công lao động, vì cô hết lòng yêu mến Chúa. Câu chuyện như sau: “Bấy giờ, Ma-ri lấy một cân dầu cam tùng hương thật, rất quý giá, xức chân Đức Chúa Giê-xu, và lấy tóc mình mà lau; cả nhà thơm nức mùi dầu đó. Nhưng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, là một môn đồ về sau phản Ngài, nói rằng: Sao không bán dầu thơm đó lấy ba trăm đơ-ni-ê dâng bố thí cho kẻ nghèo? - Người nói vậy, chẳng phải lo cho kẻ nghèo đâu, song vì người vốn là tay trộm cắp, và giữ túi bạc, trộm lấy của người ta để ở trong. Đức Chúa Giê-xu đáp rằng: Hãy để mặc người, người đã để dành dầu thơm này cho ngày chôn xác ta. Vì các người thường có kẻ nghèo ở với mình, còn ta, các người không có ta luôn luôn”.

Ai cũng mong muốn làm những điều tốt đẹp nhất cho người mình yêu thương, họ không tiếc tiền mua tặng phẩm hay bất cứ điều gì miễn làm cho người đó vui lòng. Và thường khi đã tặng quà rồi, thì chúng ta vẫn còn mong ước phải chi mình có thể tặng nhiều hơn.

Chúa là Đấng yêu chúng ta, chịu chết để cứu chúng ta, như vậy Ngài phải là Đấng chúng ta yêu thương và chịu ơn Ngài. Do đó, chúng ta dâng hiến cho Chúa là để tỏ lòng yêu mến và biết ơn Ngài.

(2) Chúng ta dâng hiến vì ý thức rằng mọi vật đều thuộc quyền sở hữu của Chúa. (A-ghe 2:8; 1 Sử Ký 29:14)

Câu gốc bài học này nói lên ý thức của người yêu Chúa. Chúng ta phải nhận biết rằng tất cả những gì mình có là do nơi Chúa ban cho. Vì vậy cho dù dâng hiến cho Chúa bao nhiêu đi nữa thì những gì chúng ta dâng cho Ngài chẳng qua là đã thuộc về Chúa rồi. “... Vì mọi vật đều do nơi Chúa mà đến; và những vật chúng tôi đã dâng cho Chúa chẳng qua là đã thuộc về Chúa.”

(3) Chúng ta dâng hiến là để góp phần mở mang công việc Chúa.

Trong Thư Giảng thứ ba, câu 6-8, Sứ đồ Giảng đã viết cho một tín hữu rằng: “Họ đã làm chứng về lòng yêu thương của anh trước Hội Thánh. Mong anh giúp họ tiếp tục cuộc hành trình một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời thì tốt lắm. Họ đã ra đi vì Danh Ngài, và không nhận gì từ người ngoại hết. Vì thế, chúng ta phải giúp đỡ những người này, để chúng ta có thể trở thành những người cộng tác với họ vì chân lý”.

Dâng hiến là đặc ân vì chúng ta được Chúa cho phép góp phần vào sự mở mang nước Chúa trên đất.

Chúa là Đấng giàu có, muôn vật đều do Ngài dựng nên, Ngài có thể làm mọi việc mà không cần đến chúng ta. Nhưng Chúa đã cho chúng ta một đặc ân là được dự phần vào công việc Chúa. Chúng ta đáng phải vui mừng khi dâng hiến để góp phần vào công việc mở mang Nước Chúa trên đất.

4. Hỏi: Cần ý thức như thế nào khi dâng hiến?

Đáp: Khi dâng hiến, chúng ta nên nhớ rằng:

- (1) Đáng ra chúng ta phải chết vì tội lỗi của mình, nhưng Chúa Giê-xu đã chuộc chúng ta bằng giá rất cao, nên chúng ta không còn thuộc về chính mình nữa. Vì vậy, mọi sự chúng ta có là của Chúa, và Ngài trọn quyền sử dụng.
- (2) Dù Chúa có quyền như vậy, nhưng Ngài vẫn để chúng ta tự nguyện dâng hiến, tùy theo lòng yêu kính Chúa của chúng ta.

Khi ý thức như vậy, chúng ta sẽ dâng hiến cho Chúa hết lòng chứ không phải dâng như một sự ép buộc.

5. Hỏi: Như thế, chúng ta phải dâng hiến thế nào?

Đáp:

- (1) Vì mọi sự chúng ta có là của Chúa nên một phần mười là số dâng tối thiểu.

Ngày xưa dân Y-sơ-ra-ên sống dưới luật pháp nhưng họ cũng đã quy định dâng 1/10. Ngày nay chúng ta sống dưới thời đại ân điển, Chúa không ấn định tỉ lệ dâng hiến, nhưng chẳng lẽ chúng ta không thể làm trội hơn người sống trong thời kỳ luật pháp hay sao? Vì vậy, tuy không quy định, nhưng con dân Chúa vẫn dâng hiến 1/10 hoặc trên 1/10 thu nhập của mình.

Chúa Giê-xu phán: “Ta bảo cho các con biết: Nếu sự công chính của các con không hơn các thầy thông giáo và người Pha-ri-si, thì các con không thể vào vương quốc thiên đàng được.” (Ma-thi-ơ 5:20)

(2) Dù nghèo hay giàu, chúng ta cứ dâng hiến rộng rãi.

Giương của các tín hữu xứ Ma-xê-đoan rất đáng cho chúng ta noi theo. Dù đang gặp hoạn nạn và nghèo khó, nhưng họ đã nêu gương tốt là dâng hiến rất rộng rãi. Sứ đồ Phao-lô làm chứng về họ như sau:

“Họ đã trải qua nhiều hoạn nạn, nhưng đây sự vui mừng. Trong thiếu thốn ngặt nghèo, thì lòng rộng rãi của họ lại càng dư dật.” (2 Cô-rinh-tô 8:2).

(3) Chúng ta nên noi gương các tín hữu Hội Thánh Cô-rinh-tô ngày trước, dâng hiến theo sức mình và quá sức mình nữa. Sứ đồ Phao-lô nói:

“Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ đã tự ý quyên tiền theo sức mình, hoặc cũng quá sức nữa. Và nài xin chúng tôi làm ơn cho họ có phần vào sự giùm giúp các thánh đồ.” (2 Cô-rinh-tô 8:3-4)

Tóm lại, ngày xưa trong thời luật pháp, 1/10 là thuế phải nộp để dùng vào việc thờ phượng Chúa. Đến thời Tân Ước, không có quy định phải dâng bao nhiêu, nhưng con dân Chúa theo lệ cũ mà dâng 1/10. Tuy nhiên vẫn có nhiều người dâng nhiều hơn 1/10.

Sự dâng hiến cho Chúa ngày nay do lòng yêu mến Chúa thôi thúc, theo lượng đức tin của mỗi người chứ không ràng buộc theo luật pháp. Vì vậy khi dâng cho Chúa mà cảm thấy vui vì được vinh dự góp phần vào với công việc Chúa thì sự dâng hiến đó mới được phước.

6. Hỏi: Chúng ta phải dâng hiến với thái độ nào?

Đáp: Phải khiêm nhường và kín đáo, không khoe khoang, phô trương.

Kinh Thánh cho biết: *“Vì Đức Chúa Trời yêu người dâng hiến cách vui lòng.” (2 Cô-rinh-tô 9:7b)*

Chúa Giê-xu dạy: *“Song khi người bố thí, đừng cho tay tả biết tay hữu làm việc gì.” (Ma-thi-ơ 6:3)*
(Xem thêm Công Vụ 4:34-35)

7. Hỏi: Ngoài tài vật, chúng ta còn có thể dâng gì cho Chúa?

Đáp: Ngoài tài vật, chúng ta còn phải dâng thân thể mình cho Chúa để hoàn toàn sống cho Ngài.

“Vây, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em.” (Rô-ma 12:1).

Nói cách dễ hiểu, dâng thân thể có nghĩa là dâng tay, chân miệng môi, mắt, tâm trí, tấm lòng... cho Chúa sử dụng. Chúng ta không còn sống theo ý riêng mình nữa, nhưng dâng trọn vẹn thân thể mình cho Chúa để Ngài hướng dẫn chúng ta sống sao cho đẹp lòng Chúa và có ích cho người. Đó chính là sự thờ phượng phải lễ và đẹp lòng Chúa vậy.

8. Hỏi: Phước hạnh của người dâng hiến là gì?

Đáp: Ngày nay, trong thời ân điển, khi chúng ta dâng hiến với lòng biết ơn Chúa thì Lời Chúa cho biết chúng ta nhận được những phước hạnh như sau:

(1) Được Chúa yêu thương.

2 Cô-rinh-tô 9:7b: *“Đức Chúa Trời yêu người dâng hiến cách vui lòng.”*

(2) Được vui mừng thỏa lòng vì được dự phần vào công việc Chúa.

“Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ đã tự ý quyên tiền theo sức mình, hoặc cũng quá sức nữa. Và nài xin chúng tôi làm ơn cho họ có phần vào sự giùm giúp các thánh đồ.” (2 Cô-rinh-tô 8:3-4).

Các tín hữu xứ Ma-xê-đoan nài xin sứ đồ Phao-lô cho họ được dâng hiến. Vì khi dâng hiến, họ vui mừng vì được góp phần vào việc giúp đỡ các thánh đồ.

(3) Khi chúng ta dâng hiến, Chúa sẽ đổ phước xuống đến nỗi không chỗ chứa.

“Các ngươi hãy đem hết thảy phần mười vào kho, hầu cho có lương thực trong nhà Ta; và từ nay các ngươi khá lấy điều này mà thử Ta, Chúa Hằng Hữu phán, xem Ta có mở các cửa sổ trên trời cho các ngươi, đổ phước xuống cho các ngươi đến nỗi không chỗ chứa chăng!” (Ma-la-chi 3:10).

Chúng ta có thể nghĩ sai rằng dâng cho Chúa thì chúng ta sẽ thiếu thốn trong chi tiêu và sinh hoạt gia đình, nhưng sự thật thì ngược lại. Kinh nghiệm của nhiều người cho thấy khi vui lòng dâng hiến cho Chúa thì Ngài luôn ban phước lại cho cuộc sống chúng ta đầy đủ, không thiếu thốn chi. Mỗi chúng ta hãy hết lòng dâng hiến cho Chúa để kinh nghiệm được phước hạnh này.

(4) Là lý do khiến cho nhiều người tạ ơn Chúa.

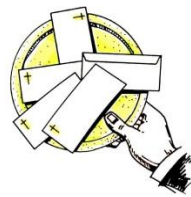
“Vì công cuộc lạc quyền tương trợ này, ngoài mục đích thoả mãn nhu cầu các tín hữu, còn giúp nhiều người lớn tiếng tạ ơn Đức Chúa Trời.” (2 Cô-rinh-tô 9:12)

Tóm lại, dâng hiến là một đặc ân Đức Chúa Trời dành cho con dân Ngài được góp phần vào trong công cuộc phát triển nước Chúa trên đất. Khi chúng ta yêu Chúa và ý thức rằng tất cả những gì chúng ta có là do Chúa ban cho, thì chúng ta sẽ hết lòng dâng hiến cho Chúa. Dâng tiền bạc và dâng cả thân thể làm của lễ sống và thánh đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Ôn lại câu gốc của bài học: “... Vì mọi vật đều do nơi Chúa mà đến; và những vật chúng tôi đã dâng cho Chúa chẳng qua là đã thuộc về Chúa.” (1 Sứ Ký 29:14)

Xin Chúa cho mỗi chúng ta tập tành nếp sống dâng hiến và ban cho hơn là chỉ biết thụ trừ. Dù ít dù nhiều, không ai trong chúng ta là người không nhận sự ban cho của Chúa mỗi ngày. Khi nhìn lại, mọi sự chúng ta có, từ thời gian, sức khỏe, cho đến tiền bạc đều do Chúa ban cho, Ngài ban cho là để sống và phục vụ Chúa chứ không phải để thụ trừ, vì chúng ta không biết ngày giờ nào Chúa gọi chúng ta về với Ngài. Nếp sống thụ trừ là nếp sống của người đại dột.

Hãy sống dâng hiến và ban cho. Lúc đó chúng ta sẽ kinh nghiệm được phước hạnh Chúa hứa cho mình. 7



Bài 11

HỘI THÁNH VÀ CÁC THÁNH LỄ

Câu gốc: “Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời.” (1 Phi-e-rơ 2:9).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Hiểu rõ Hội Thánh và sứ mệnh của Hội Thánh. (2) Hiểu rõ 2 Thánh Lễ Chúa dạy phải làm. (3) Hiểu ý nghĩa các nghi lễ trong Hội Thánh.

(Ghi chú: Bài này nên học trong hai tuần.)

Bài học có 3 phần chính:

- Phần thứ I: Hội Thánh

- Phần thứ II: Các Thánh Lễ

- Phần thứ III: Các nghi lễ trong Hội Thánh

I. HỘI THÁNH

1. Hỏi: Hội Thánh là gì?

Đáp:

“Thánh” có nghĩa là thánh khiết, và cũng có nghĩa là biệt riêng ra cho một mục đích nào đó. Ngày trước, của lễ biệt riêng ra để dâng cho Chúa được gọi là của lễ thánh.

“Hội Thánh” là cộng đồng của những người được Đức Chúa Trời kêu gọi biệt riêng ra khỏi thế gian, được cứu chuộc bởi Chúa Giê-xu, qua sự tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa của mình, để trở nên dân thánh cho Đức Chúa Trời.

1 Cô-rinh-tô 1:2 chép: *“Hội Thánh Đức Chúa Trời tại thành Cô-rinh-tô, tức là cho những người đã được nên thánh trong Đức Chúa Giê-xu Christ, được gọi làm thánh đồ, lại cho mọi người bất luận ở nơi nào, cầu khẩn danh Đức Chúa Giê-xu Christ.”*

2. Hỏi: Hội Thánh được thành lập như thế nào?

Đáp:

(1) Chúa Giê-xu tuyên bố Chính Ngài sẽ thành lập Hội Thánh.

“Còn Ta, Ta bảo ngươi rằng: Ngươi là Phi-e-rơ, Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên đá này, các cửa âm phủ chẳng thắng được hội đó.” (Ma-thi-ơ 16:18).

(2) Sau khi Chúa thăng thiên, Đức Thánh Linh giáng lâm vào ngày Lễ Ngũ tuần và thành lập Hội Thánh đầu tiên.

“Đến ngày lễ Ngũ tuần, môn đồ nhóm họp tại một chỗ. Thình lình, có tiếng từ trời đến như tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn đồ ngồi. Các môn đồ thấy lưỡi rời rạc từng cái một, như lưỡi bằng lửa hiện ra, đậu trên mỗi người trong bọn mình. Hết thấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói.” (Công Vụ 2:1-4).

Như vậy, Hội Thánh không phải do bất kỳ một người nào thành lập, nhưng Chúa Giê-xu đã thành lập qua Đức Thánh Linh trong ngày lễ Ngũ tuần; và Hội Thánh Chúa tiếp tục sinh hoạt, gây dựng và phát triển cho đến ngày nay.

3. Hỏi: Hội Thánh được Kinh Thánh mô tả như thế nào?

Đáp: Kinh Thánh mô tả Hội Thánh qua nhiều hình ảnh khác nhau:

(1) Hội Thánh là thân thể của Đấng Christ, mà chính Ngài là đầu.

“Vì chồng là đầu vợ, khác nào Đấng Christ là đầu Hội Thánh, Hội Thánh là thân thể Ngài, và Ngài là Cứu Chúa của Hội Thánh.” (Ê-phê-sô 5:23).

(2) Hội Thánh là Tân phụ (vợ mới) của Đấng Christ.

“Chúng ta hãy hớn hờ vui mừng, tôn vinh Ngài; vì lễ cưới Chiên Con đã tới, và vợ Ngài đã sửa soạn.” (Khải Huyền 19:7)

(3) Hội Thánh là bày chiên của Đức Chúa Trời.

“Anh em hãy giữ lấy mình, và luôn cả bày mà Đức Thánh Linh đã lập anh em làm kẻ coi sóc, để chăn Hội Thánh của Đức Chúa Trời, mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình.” (Công Vụ 20:28)

(4) Hội Thánh là dân của Đức Chúa Trời.

“Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời” (1 Phi-e-rơ 2:9)

(5) Hội Thánh là nhà của Đức Chúa Trời.

“Nhà Đức Chúa Trời, tức là Hội thánh của Đức Chúa Trời hằng sống, là trụ và nền của lễ thật.” (1 Ti-mô-thê 3:15)

(6) Hội Thánh là đền thờ của Đức Chúa Trời.

“Anh em há chẳng biết mình là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh Đức Chúa Trời ở trong anh em sao.” (1 Cô-rinh-tô 3:16)

(7) Hội Thánh là dòng giống được chọn, thầy tế lễ nhà Vua.

“Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời.” (1 Phi-e-rơ 2:9)

Qua những hình ảnh Kinh Thánh mô tả, chúng ta thấy Chúa đã vì Hội Thánh Chúa là thân thể của Ngài, là vợ mới của Đấng Cứu Thế, là bầy chiên của Đức Chúa Trời, là dân của Đức Chúa Trời, là nhà của Đức Chúa Trời, là Đền thờ của Đức Chúa Trời, là dòng giống được lựa chọn, là Thầy tế lễ nhà vua. Những hình ảnh này cho thấy Chúa rất quý trọng Hội Thánh và rất thân thương với Hội Thánh.

Đức Chúa Trời đã quý trọng Hội Thánh thế nào thì chúng ta cũng phải yêu mến và quý trọng Hội Thánh như vậy.

4. Hỏi: Thế nào là Hội Thánh hữu hình và Hội Thánh vô hình?

Đáp:

(1) Hội Thánh hữu hình, hay Hội Thánh địa phương, là cộng đồng tín hữu nhóm lại tại một nơi để thờ phượng Chúa. Ví dụ Hội Thánh Sài Gòn, Hội Thánh Hà Nội, Hội Thánh Huế...

(2) Hội thánh vô hình, hay Hội Thánh phổ thông, là cộng đồng tín hữu thật của Chúa trên khắp thế giới, suốt mọi thời đại.

“Tỏ ra hội thánh đầy vinh hiển, không vét, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh sạch không chỗ trách được ở trước mặt Ngài.” (Ê-phê-sô 5:27)

Như vậy có người có tên trong danh sách của Hội Thánh hữu hình nhưng có khi lại không có tên trong danh sách của Hội Thánh vô hình vì họ chỉ làm tin đồ nhưng không thật lòng tin nhận Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu cho biết trong Hội Thánh hữu hình có cả chiên lẫn dê.

Chúng ta không xét đoán ai là tin đồ thật hay giả, nhưng cần xét đức tin của mình để chính mình được ghi tên vào danh sách Hội Thánh vô hình.

5. Hỏi: Sứ mệnh của Hội Thánh là gì?

Đáp: Hội thánh có 3 sứ mệnh lớn là:

(1) Tôn thờ Đức Chúa Trời.

“Vả, những người ấy bèn lòng giữ lời dạy của các sứ đồ, sự thông công của anh em, lễ bẻ bánh, và sự cầu nguyện. Mọi người đều kính sợ, vì có nhiều sự kỳ phép lạ làm ra bởi các sứ đồ. Phàm những người tin Chúa đều hiệp lại với nhau, lấy mọi vật làm của chung. Bán hết gia tài điền sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người. Ngày nào cũng vậy, cứ chăm chỉ đến đền thờ; còn ở nhà, thì bẻ bánh và dùng bữa chung với nhau cách vui vẻ thật thà, chúc tụng Đức Chúa Trời và được đẹp lòng cả dân chúng. Mỗi ngày Chúa lấy những kẻ được cứu thêm vào Hội Thánh.” (Công Vụ 2:42-47).

(2) Gây dựng đức tin cho nhau.

“Ấy chính Ngài đã cho người này làm sứ đồ, kẻ kia làm tiên tri, người khác làm thầy giảng Tin Lành, kẻ khác nữa làm mục sư và giáo sư, để các thánh đồ được trọn vẹn về công việc của chức dịch và sự gây dựng thân thể Đấng Christ, cho đến chừng chúng ta thấy đều hiệp một trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà nên bậc thành nhân, được tâm thước vóc giặc trọn vẹn của Đấng Christ.” (Ê-phê-sô 4:11-13)

(3) Truyền giảng Phúc Âm để cứu người khác.

“Hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép Báp-tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi. Và này, Ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế.” (Ma-thi-ơ 28:19-20).

Hội Thánh được Chúa thành lập để thờ phượng Đức Chúa Trời, gây dựng đức tin lẫn nhau và truyền giảng Phúc Âm để cứu người. Chúng ta vui mừng vì được Chúa cho vinh dự góp phần vào sứ mệnh của Hội Thánh Chúa.

Vậy mỗi chúng ta hãy hết lòng thờ phượng Chúa, không bỏ qua sự nhóm lại mỗi Chúa Nhật, vì chính tại nơi đây, chúng ta được cùng nhau gây dựng đức tin vững mạnh nơi Chúa và góp phần vào công cuộc rao truyền tình yêu cứu chuộc của Chúa cho đồng bào.

II. THÁNH LỄ

1. Hỏi: Hội Thánh có những thánh lễ nào?

Đáp: Thánh lễ là lễ do Chúa Giê-xu truyền dạy phải thực hiện. Trong Kinh Thánh, Chúa Giê-xu truyền dạy Hội Thánh thi hành 2 thánh lễ:

(1) Thánh Lễ Báp-tem.

Chúa Giê-xu truyền lệnh trước khi Ngài thăng thiên rằng: *“Hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân Danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép Báp-tem cho họ.”* (Ma-thi-ơ 28:19).

(2) Thánh Lễ Tiệc thánh.

“Ngài cầm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân phát cho môn đồ, mà phán rằng: Đây là thân thể ta, đã vì các ngươi mà phó cho; hãy làm sự này để nhớ đến ta. Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén đưa cho môn đồ, mà phán rằng: Chén này là giao ước mới trong huyết ta vì các ngươi mà đổ ra...” (Lu-ca 22:19-20)

Chúa Giê-xu dạy hãy làm điều này để nhớ đến ta. Làm điều này tức là làm Tiệc thánh để nhớ đến Chúa.

Hội Thánh Chúa ngày nay vâng theo lời Chúa dạy, cử hành thánh lễ Báp-tem cho những tân tín hữu đã học xong lớp Giáo lý căn bản; và cử hành thánh lễ Tiệc thánh mỗi Chúa nhật đầu tháng cho những tín hữu đã nhận Thánh lễ Báp-tem.

2. Hỏi: Thánh Lễ Báp-tem có ý nghĩa gì?

Đáp: Báp-tem là tiếng Hy Lạp có nghĩa là “dìm mình xuống nước”.

Người nhận thánh lễ Báp-tem sẽ bước xuống nước, dìm mình trọn vẹn xuống, rồi đứng lên ra khỏi nước. Ý nghĩa của thánh lễ Báp-tem như sau:

(1) Khi được dìm mình trọn vẹn trong nước, là kẻ mình đã đồng chết và đồng chôn với Chúa về đời sống cũ đầy tội lỗi.

(2) Khi lên khỏi nước là kẻ mình được đồng sống lại và sống với Chúa trong đời sống mới.

“Vậy chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép Báp-tem trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thế nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thế ấy.” (Rô-ma 6:4).

Vậy ý nghĩa của Thánh lễ Báp-tem là kẻ mình đồng chết, đồng chôn con người cũ với Chúa (dìm mình xuống nước); đồng sống lại và sống với Chúa bằng con người mới (đứng dậy khỏi nước).

3. Hỏi: Điều kiện để được chịu Báp-tem là gì?

Đáp: Hội Thánh Tin Lành cử hành Thánh lễ Báp-tem cho những tân tín hữu hội đủ 3 điều kiện sau đây:

(1) Đã thật lòng tin nhận Chúa Giê-xu.

(2) Đời sống đã thật sự đổi mới, trở nên con cái Đức Chúa Trời.

(3) Biết và tin các giáo lý căn bản.

Phép Báp-tem không phải là lễ rửa tội, nước không có quyền năng làm cho sạch tội, chỉ có dòng huyết vô tội của Chúa Giê-xu đổ ra trên cây thập tự mới cứu con người thoát khỏi tội mà thôi. Vì vậy, thánh lễ Báp-tem chỉ thật sự có giá trị khi người nhận thánh lễ với đầy đủ ý nghĩa của nó, chứ không phải bất kỳ ai xuống nước cũng được đồng chết và đồng sống lại với Chúa hết. Mà chỉ có những ai:

(1) Đã thật lòng tin nhận Chúa Giê-xu.

(2) Đời sống đã thật sự đổi mới, trở nên con cái Đức Chúa Trời.

(3) Biết và tin các giáo lý căn bản.

thì lúc đó thánh lễ Báp-tem mới thật sự có ý nghĩa.

Như vậy Thánh lễ Báp-tem không biến đổi con người bề ngoài, nhưng chính con người bề trong đã được đổi mới, được tái sinh nhận thánh lễ Báp-tem như một bằng chứng, một dấu hiệu đổi mới ở bên trong ra. Báp-tem chính là dấu hiệu bên ngoài của một sự đổi mới đã có ở bên trong.

4. Hỏi: Nhận Thánh lễ Báp-tem có ích lợi gì?

Đáp:

(1) Nhận Thánh lễ Báp-tem là làm trọn mệnh lệnh Chúa dạy.

Chúa Giê-xu dạy: *“Vây, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép Báp-tem cho họ.”* (Ma-thi-ơ 28:19).

Khi nhận thánh lễ Báp-tem, chúng ta đã vâng lời Chúa, thực hiện đúng theo mệnh lệnh của Chúa dạy.

(2) Bởi đức tin, chúng ta được hiệp nhất với Chúa trong sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài.

“Vây chúng ta đã bị chôn với Ngài bởi phép báp-tem trong sự chết Ngài, hầu cho Đấng Christ nhờ vinh hiển của Cha được từ kẻ chết sống lại thế nào, thì chúng ta cũng sống trong đời mới thế ấy.” (Rô-ma 6:4).

Không phải nước làm cho chúng ta được liên hiệp với Chúa, nhưng bởi đức tin, chúng ta được liên hiệp với Chúa. Chúa Giê-xu đã chịu chết, chôn và sống lại thì chúng ta cũng được đồng chết, chôn con người cũ và đồng sống lại với Chúa trong đời sống mới. Đó là ý nghĩa của việc chìm mình xuống nước và đứng dậy khỏi nước trong thánh lễ Báp-tem.

5. Hỏi: Nếu một người đã tin Chúa, chưa có cơ hội chịu lễ Báp-tem mà đã qua đời thì được cứu hay không?

Đáp: Được! Câu chuyện trong Kinh Thánh chứng minh điều đó. Khi Chúa bị đóng đinh trên cây thập tự, có hai tên cướp bị đóng đinh hai bên. Một tên cướp ăn năn tội và thưa với Chúa như sau:

“Lạy Giê-xu, khi Ngài đến trong vương quốc mình rồi, xin nhớ đến con!” Đức Chúa Giê-xu đáp: *“Thật, Ta bảo con, hôm nay con sẽ được ở với Ta trong Pa-ra-đi.”* (Lu-ca 23:42-43)

“Pa-ra-đi” có nghĩa là thiên đàng. Tên cướp này ăn năn tội của mình và đặt lòng tin nơi Chúa, kết quả đã nhận được lời hứa của Chúa: Hôm nay con sẽ được ở với Ta trong Pa-ra-đi. Trong trường hợp đặc biệt này, tuy không còn cơ hội để nhận thánh lễ Báp-tem nhưng tên cướp đó vẫn được cứu.

Tiếp theo chúng ta sẽ học về Thánh lễ thứ hai là Thánh lễ Tiệc Thánh.

6. Hỏi: Ý nghĩa của Thánh Lễ Tiệc Thánh là gì?

Đáp:

Mỗi Chúa nhật đầu tháng, chúng ta chứng kiến Hội Thánh cử hành Thánh lễ Tiệc Thánh. Cả Hội Thánh cùng ăn mỗi người một miếng bánh nhỏ; sau đó mỗi người cùng uống một chén nhỏ nước nho (hoặc có nơi dùng một loại nước khác thay thế vì không có nước nho).

Vây Tiệc Thánh có ý nghĩa gì?

- Tiệc thánh do Chúa Giê-xu thiết lập, để nhắc chúng ta nhớ đến sự hy sinh của Ngài trên cây thập tự.

Sứ đồ Phao-lô đã dạy trong thư 1 Cô-rinh-tô 11:23-25 *“Vì tôi có nhận nơi Chúa điều tôi đã dạy cho anh em: Ấy là trong đêm Chúa là Đức Chúa Giê-xu bị phản nộ, Ngài lấy bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra và phán rằng: ‘Này là thân thể Ta, vì các con mà phó cho; hãy làm điều này để nhớ Ta.’ Cùng một cách ấy, sau khi ăn bữa tối rồi, Ngài lấy chén và phán rằng: ‘Chén này là Giao Ước Mới trong huyết Ta; hễ khi nào các con uống, hãy làm điều này để nhớ Ta.’”*

Vào đêm lễ Vượt Qua, trong bữa tiệc cuối cùng trước khi chịu treo thân trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã thiết lập Lễ Tiệc Thánh, và Ngài phán dặn: Hãy làm điều này để nhớ đến Ta. Vâng theo lời dạy của Chúa, Hội Thánh đầu tiên đã cử hành lễ Tiệc Thánh mỗi ngày.

Ngày nay Hội Thánh Tin Lành cử hành Thánh Lễ Tiệc Thánh vào mỗi Chúa nhật đầu tháng.

Trong Tiệc Thánh Chúa thiết lập, có bánh và chén nước nho.

- Hai phẩm vật của lễ tiệc thánh, là bánh và nước nho, có ý nghĩa tượng trưng:

(1) **Bánh**: chỉ về thân Chúa vì tội lỗi chúng ta mà chịu thương khó và chịu chết.

“Ngài lấy bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra và phán rằng: Đây là thân thể Ta, vì các con mà phó cho; hãy làm điều này để nhớ Ta.”

(2) **Nước nho**: chỉ về huyết Chúa vì tội lỗi chúng ta mà đổ ra.

“Cùng một cách ấy, sau khi ăn bữa tối rồi, Ngài lấy chén và phán rằng: “Chén này là Giao Ước Mới trong huyết Ta; hễ khi nào các con uống, hãy làm điều này để nhớ Ta.”

Bánh và nước nho trong Tiệc Thánh không phải là thịt và huyết Chúa thật, nhưng là biểu tượng, nhắc chúng ta nhớ đến thân thể Chúa đã tan nát ra vì tội lỗi chúng ta; huyết Chúa đã đổ ra vì tội lỗi chúng ta.

7. Hỏi: Mục đích của Lễ Tiệc Thánh là gì?

Đáp:Thánh lễ Tiệc Thánh có 4 mục đích sau đây:

(1) Tiệc Thánh nhắc chúng ta nhớ đến sự đau đớn và sự chết của Chúa Giê-xu trên Cây thập tự.

“Trong đêm Chúa Giê-xu bị phản nộ, Ngài lấy bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra và phán rằng: “Đây là thân thể Ta, vì các con mà phó cho; hãy làm điều này để nhớ Ta.” Cùng một cách ấy, sau khi ăn bữa tối rồi, Ngài lấy chén và phán rằng: “Chén này là Giao Ước Mới trong huyết Ta; hễ khi nào các con uống, hãy làm điều này để nhớ Ta.” (1 Cô-rinh-tô 11:23-25).

(2) Tiệc Thánh Tượng trưng cho sự thông công và hiệp nhất của Hội Thánh trong thân Chúa.

“Cái chén phước lành mà chúng ta chúc phước, há chẳng phải là thông với huyết của Đấng Christ sao? Cái bánh mà chúng ta bẻ, há chẳng phải là thông với thân thể của Đấng Christ sao? Vì chỉ có một cái bánh, chúng ta dẫu nhiều, cũng chỉ một thân thể; bởi chưng chúng ta đều có phần chung trong một cái bánh.”(1 Cô-rinh-tô 10:16-17).

(3) Tiệc Thánh nhắc chúng ta trung tín trong công tác truyền giảng Tin Lành.

“Vây, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao giảng sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến.” (1 Cô-rinh-tô 11:26)

(4) Nhắc chúng ta nhớ ngày dự Tiệc Cưới Chiên Con.

“Phước thay cho những kẻ được mời đến dự tiệc cưới Chiên Con!”(Khải Huyền 19:9).

Như vậy, khi dự Thánh Lễ Tiệc Thánh, chúng ta hiểu và nhớ mục đích của Tiệc Thánh là:

- Nhắc chúng ta nhớ đến sự đau đớn và sự chết của Chúa Giê-xu trên Cây thập tự.
- Tượng trưng cho sự thông công và hiệp nhất của Hội Thánh trong thân Chúa.
- Nhắc chúng ta trung tín trong công tác truyền giảng Tin Lành.
- Nhắc chúng ta nhớ ngày dự Tiệc Cưới Chiên Con.

8. Hỏi: Khi dự Tiệc Thánh, chúng ta phải có thái độ nào?

Đáp:Khi hiểu được ý nghĩa và mục đích của Tiệc Thánh, chúng ta phải dự Tiệc Thánh với thái độ như sau:

(1) Phải xét mình và ăn năn.

“Vây mỗi người phải tự xét lấy mình, và như thế mới ăn bánh uống chén ấy.” (1 Cô-rinh-tô 11:28)

Chúng ta không nên mặc cảm vì mình phạm tội rồi không dám dự Tiệc Thánh, trốn tránh dự Tiệc Thánh... Nhưng Lời Chúa nhắc nhở chúng ta trước khi dự Tiệc Thánh, mỗi người phải cầu nguyện xét mình, ăn năn những sai phạm với Chúa để được Ngài tha tội, rồi mới dự Tiệc Thánh.

(2) Phải thành tâm hứa nguyện trung tín rao giảng sự cứu rỗi của Chúa.

“Vây, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao giảng sự chết của Chúa cho đến lúc Ngài đến.” (1 Cô-rinh-tô 11:26).

Đây là một lời hứa, không phải hứa với con người, nhưng là lời hứa với thịt và huyết của Chúa, khi ăn bánh và uống chén thì chúng ta hứa với Chúa rằng sẽ rao truyền sự chết của Chúa cho đến khi Ngài tái lâm.

(3) Phải trang nghiêm cung kính, hiệp một với Hội Thánh.

“*Vì chỉ có một cái bánh, chúng ta dẫu nhiều, cũng chỉ một thân thể; bởi chưng chúng ta đều có phần chung trong một cái bánh. ...Bởi đó, ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng, thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa. Vậy mỗi người phải tự xét lấy mình, và như thế mới ăn bánh uống chén ấy; vì người nào không phân biệt thân Chúa mà ăn bánh uống chén đó, tức là ăn uống sự xét đoán cho mình.*” (1 Cô-rinh-tô 11:27-29)

Biết được mục đích và ý nghĩa của Thánh lễ Tiệc Thánh, chúng ta cần phải hiệp một với Hội Thánh khi dự Tiệc Thánh và phải dự với thái độ trang nghiêm cung kính.

9. Hỏi: Tại sao những người chưa chịu Báp-tem không được dự Tiệc Thánh?

Đáp:

- (1) Vì mới tin Chúa, chưa hiểu đủ, chưa có đức tin nên có thể ăn bánh, uống chén cách không xứng đáng và mắc tội.
- (2) Vì chưa học giáo lý căn bản, chưa đủ khả năng tự xét và phân biệt, nên có thể xem thường tiệc thánh mà chuốc lấy sự sửa phạt.

“*Bởi đó, ai ăn bánh hoặc uống chén của Chúa cách không xứng đáng, thì sẽ mắc tội với thân và huyết của Chúa.*” (1 Cô-rinh-tô 11:27)

Vì vậy Hội Thánh tổ chức các lớp Giáo lý căn bản để người mới tin Chúa hiểu rõ về niềm tin, có đức tin vững mạnh nơi Chúa, sau khi nhận Thánh lễ Báp-tem thì mới bắt đầu dự thánh lễ Tiệc Thánh. Quy định này không phải là muốn làm khó dễ, nhưng là quy định giúp đỡ cho tân tín hữu khỏi mắc tội với Chúa.

Mong chúng ta học kỹ chương trình Giáo lý căn bản này để nhận Thánh lễ Báp-tem và sau đó sẽ cùng với Hội Thánh chung dự Tiệc Thánh đúng ý nghĩa.

III. CÁC NGHI LỄ KHÁC

1. Hỏi: Ngoài hai thánh lễ trên, Hội Thánh còn có những nghi lễ nào?

Đáp: Các nghi lễ là lễ không phải do Chúa Giê-xu thiết lập, nhưng Hội Thánh Chúa đã quy định căn cứ vào Kinh Thánh với mục đích giúp đỡ cho đức tin của con dân Chúa.

Ngoài 2 Thánh lễ Chúa truyền, các nghi lễ khác gồm có:

a. Những lễ có liên quan đến cuộc đời và chức vụ của Chúa Giê-xu:

(1) Lễ kỷ niệm Chúa Giáng sinh.

Tổ chức vào đêm 24-12. Tuy nhiên lễ này thường kéo dài từ trung tuần tháng 12 cho đến hết tháng 12, thường được gọi là Mùa Giáng Sinh, để kỷ niệm sự giáng sinh của Chúa Giê-xu, là Đức Chúa Trời làm người để cứu chuộc nhân loại.

(2) Lễ kỷ niệm Chúa Chịu Thương Khó.

Tổ chức vào tối thứ sáu trước Chúa nhật Phục Sinh. Nhắc lại hình ảnh Chúa chịu khổ và chịu chết trên cây thập tự thay cho tội lỗi của nhân loại.

(3) Lễ kỷ niệm Chúa Phục Sinh.

Vì lễ Phục sinh tính theo lịch Do Thái dựa vào chu kỳ của mặt trăng, nên không trùng vào một ngày nhất định trong năm. Lễ này được xác định vào Chúa nhật sau trăng tròn Xuân phân. Thường rơi vào khoảng tháng 4 dương lịch. Lễ Phục Sinh kỷ niệm Chúa Giê-xu sống lại sau ba ngày nằm trong mộ.

(4) Lễ kỷ niệm Chúa Thăng Thiên.

40 ngày sau khi Chúa phục sinh, để kỷ niệm ngày Chúa Giê-xu thăng thiên.

(5) Lễ kỷ niệm Đức Thánh Linh Giáng Lâm.

Nhằm ngày Lễ Ngũ Tuần, tức 50 ngày sau khi Chúa sống lại. (Tuần cũng có nghĩa là mười, ví dụ lục tuần là 60 tuổi) Đó là ngày Đức Thánh Linh giáng lâm thành lập Hội Thánh.

b. Những lễ có liên quan đến tổ chức của Hội Thánh:

- (1) Lễ Tân Phong Mục sư.
- (2) Lễ Bổ Nhiệm.

- (3) Lễ Đặt Viên Đá đầu tiên xây dựng nhà thờ.
- (4) Lễ Cung Hiến Nhà Thờ.
- (5) Lễ Cảm Tạ.

c. Những lễ có liên quan đến cuộc sống tín hữu:

- (1) Lễ Thành Hôn.
- (2) Lễ Dâng con trẻ.
- (3) Lễ Xức Dầu Cầu Nguyện cho người bệnh.
- (4) Lễ Tang.

Chúng ta sẽ học biết một số ý nghĩa liên quan đến 4 nghi lễ này, vì rất gần gũi với cuộc sống của tín hữu.

2. Hỏi: Đức Chúa Trời lập lễ Hôn Nhân với mục đích gì?

Đáp:

- (1) Để vợ chồng giúp đỡ lẫn nhau:

“Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng: Loài người ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên một kẻ giúp đỡ giống như nó.” (Sáng Thế Ký 2:18).

Mục đích hôn nhân là để vợ chồng giúp đỡ nhau, chồng giúp đỡ vợ và vợ giúp đỡ chồng trong cuộc sống lứa đôi.

- (2) Để sinh sản con cái.

“Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất.” (Sáng Thế Ký 1:28a).

- (3) Để chung hưởng mối tương thông tuyệt diệu như Đấng Christ và Hội Thánh.

“Vậy nên người đàn ông phải lìa cha mẹ mà dính dứ với vợ mình, hai người cùng nên một thịt. Sự mầu nhiệm ấy là lớn, tôi nói về Đấng Christ và Hội Thánh vậy.” (Ê-phê-sô 5:31-32).

Chúng ta lưu ý trong câu Kinh Thánh trên, Sứ đồ Phao-lô đã ví hôn nhân trong Chúa là sự mầu nhiệm như mối tương thông giữa Hội Thánh với Đấng Cứu Thế. Vậy hôn nhân trong Chúa là rất thiêng liêng.

3. Hỏi: Thế nào là một hôn nhân đẹp ý Đức Chúa Trời?

Đáp:

- (1) Cả hai đều là con cái của Chúa, cùng niềm tin.

“Chớ mang ách chung với kẻ chẳng tin. Bởi vì công chính với gian ác có hội hiệp nhau được chăng? Sự sáng với sự tối có thông đồng nhau được chăng?” (2 Cô-rinh-tô 6:14).

- (2) Một vợ một chồng.

“Vả, hơi sống của Đức Chúa Trời đâu có dư dật, chỉ làm nên một người mà thôi. Nhưng vì sao chỉ làm một người? Ấy là vì tìm một dòng dõi thánh. Vậy các ngươi khá cẩn thận trong tâm thần mình; chớ đãi cách phỉnh dối với vợ mình lấy lúc tuổi trẻ.” (Ma-la-chi 2:15).

Khi Chúa dựng nên bà Ê-va cho ông A-đam thì Chúa chỉ dựng nên MỘT Ê-va, dù hơi sống Chúa có thừa để dựng nên nhiều Ê-va. Tại sao? Vì Chúa muốn dựng nên một vợ một chồng để có một dòng dõi thánh.

Vậy, hôn nhân đẹp ý Chúa là hôn nhân một vợ một chồng và cả hai cùng là con cái Chúa.

4. Hỏi: Tín hữu phải kết hôn với tín hữu thì có phải là kỳ thị tôn giáo không?

Đáp: Không! Vì Chúa cho biết muốn có một gia đình hạnh phúc thì vợ chồng phải đồng tâm tình, đồng tư tưởng, và đồng tín ngưỡng.

Đây không phải là kỳ thị tôn giáo, nhưng là một quy định giúp cho cuộc sống gia đình được hạnh phúc. Làm thế nào có hạnh phúc khi hai người có hai quan niệm sống khác nhau.

“Nếu hai người không đồng ý với nhau, thì há cùng đi chung được sao?” (A-môt 3:3)

“Chớ mang ách chung với những người chẳng tin. Vì công chính và gian ác có kết hợp nhau được chăng? Ánh sáng và bóng tối có dung hòa nhau được chăng?” (2 Cô-rinh-tô 6:14a)

Khi cả hai vợ chồng không cùng chung một ý hướng, một niềm tin, một mục đích thì xung đột sẽ xảy ra, nguy cơ dẫn đến đổ vỡ rất cao.

Vậy muốn hôn nhân hạnh phúc, tránh những xung đột trong cuộc sống lứa đôi và trong nuôi dạy con cái, tín hữu nên chọn lập gia đình có cùng đức tin.

5. Hỏi: Quyền hạn và bổn phận của vợ chồng như thế nào?

Đáp:

- Chồng làm gì thì phải được sự đồng ý của vợ, vợ làm gì thì phải được sự đồng ý của chồng, vì cả hai trở nên một.

Kinh Thánh trong 1 Cô-rinh-tô 7:3-4 dạy về quyền hạn của vợ chồng như sau:

“Chồng phải làm hết bổn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền tự chủ về thân mình, bèn là chồng; chồng cũng vậy, không có quyền tự chủ về thân mình, bèn là vợ.”

Về bổn phận vợ chồng, Lời Chúa dạy rất cụ thể:

(1) Bổn phận của chồng là phải yêu vợ, như Chúa yêu Hội Thánh.

“Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, phó chính mình vì Hội Thánh... Cũng một thể ấy, chồng phải yêu vợ như chính thân mình. Ai yêu vợ mình thì yêu chính mình vậy. Vì chẳng hề có người nào ghét chính thân mình, nhưng nuôi nấng săn sóc nó như Đấng Christ đối với Hội Thánh.” (Ê-phê-sô 5:25, 28-29).

(2) Bổn phận của vợ là phải vâng phục chồng.

“Hỡi người làm vợ, phải vâng phục chồng mình như vâng phục Chúa, vì chồng là đầu vợ, khác nào Đấng Christ là đầu Hội Thánh, Hội thánh là thân thể Ngài, và Ngài là Cứu Chúa của Hội thánh. Ấy vậy, như Hội thánh phục dưới Đấng Christ, thì đàn bà cũng phải phục dưới quyền chồng mình trong mọi sự.” (Ê-phê-sô 5:22-24).

Kinh Thánh quy định bổn phận vợ chồng thật rõ ràng, người chồng phải là chủ, là trụ cột trong gia đình, phải có trách nhiệm với gia đình. Kinh Thánh không dạy “chồng chúa vợ tôi” nhưng đặt người chồng là chủ gia đình, yêu thương vợ con và có trách nhiệm với vợ con.

Khi người chồng biết kính sợ Chúa và hết lòng yêu vợ như Chúa yêu Hội Thánh, thì người vợ rất sẵn lòng vâng phục chồng, gia đình sẽ sống trong kỷ cương, vui vẻ và hạnh phúc.

Người ta thường đòi hỏi bình đẳng nam nữ, nhưng bình đẳng không có nghĩa là bình quyền, vì chúng ta biết Chúa dựng nên người nam và người nữ khác nhau, nên không thể nói bình đẳng là nữ phải giống nam, nhưng bình đẳng hai cả hai biết tôn trọng lẫn nhau trong khác biệt.

6. Hỏi: Tại sao tín hữu phải đem con mình dâng lên Chúa?

Đáp: Tín hữu khi có con cái, khi con trẻ được một vài tháng tuổi trở lên, nên sắp xếp thời gian thuận tiện, báo với mục sư quản nhiệm để định ngày làm lễ dâng con lên cho Chúa. Tại sao?

(1) Vì nhận rằng con mình là cơ nghiệp cao quý Chúa cho.

“Kìa, con cái là cơ nghiệp bởi Chúa Hằng Hữu mà ra; Bông trái của tử cung là phần thưởng.” (Thi Thiên 127:3)

(2) Vì xưa nay những người yêu mến Chúa đều dâng con mình cho Chúa, để được Ngài trọng dụng, nên chúng ta noi gương những thánh đồ trong Kinh Thánh:

- Như bà An-ne:

“Vì vậy, tôi cũng dâng nó cho Đức Giê-hô-va; tôi cho Chúa Hằng Hữu mượn nó trọn đời nó. Đoạn mẹ con đều thờ lạy tại đó trước mặt Đức Giê-hô-va.” (1 Sa-mu-ên 1:28)

- Như bà Ma-ri:

“*Khi đã hết những ngày tinh sạch rồi, theo luật pháp Môi-se, Giô-sép và Ma-ri đem con trẻ lên thành Giê-ru-sa-lem để dâng cho Chúa.*” (Lu-ca 2:22)

7. Hỏi: Một người đã dâng con cho Chúa thì còn có trách nhiệm đối với con ấy không?

Đáp: Sau khi đã làm lễ dâng con cho Chúa, cha mẹ phải có trách nhiệm:

(1) Nuôi nấng con cái.

“*Hỡi các người làm cha, chớ chộc cho con cái mình giận dữ, hãy dùng sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa mà nuôi nấng chúng nó.*” (Ê-phê-sô 6:4).

(2) Dạy dỗ con cái.

“*Hãy dạy lại cho con cái mình, nói đến hoặc khi người ngồi ở trong nhà hay là đi đường, hoặc khi người nằm hay là khi chỗi dậy. Cũng phải ghi các lời ấy trên cột nhà và trên cửa mình... Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo; dầu khi nó trở về già, cũng không hề lìa khỏi đó.*”

(Phục Truyền 11:19-20; Châm Ngôn 22:6)

(3) Sống làm gương cho con cái.

“*Ta cũng nhớ đến đức tin thành thật của con, là đức tin trước đã ở trong Lô-ít, bà ngoại con, và trong O-nít, mẹ con, ta chắc rằng nay cũng ở trong con nữa.*” (2 Ti-mô-thê 1:5)

Trong câu Kinh Thánh này, chúng ta thấy nếp sống gương mẫu được truyền từ bà ngoại, đến người mẹ và đến người con.

Nuôi nấng, dạy dỗ đức tin cho con cái và sống gương mẫu, là trách nhiệm của cha mẹ, ông bà đối với con và cháu của mình.

8. Hỏi: Khi nào lễ xức dầu cầu nguyện cho người bệnh được thực hiện?

Đáp: Khi tín hữu lâm bệnh, và chính người bệnh hoặc thân nhân yêu cầu, thì mục sư quản nhiệm hoặc ban chấp sự Hội Thánh, đến xức dầu cầu nguyện đặc biệt cho bệnh nhân.

“*Trong anh em có ai đau ốm chẳng? Hãy mời các trưởng lão Hội Thánh đến, sau khi nhân danh Chúa xức dầu cho người bệnh, thì các trưởng lão hãy cầu nguyện cho người. Sự cầu nguyện bởi đức tin sẽ cứu kẻ bệnh, Chúa sẽ đỡ kẻ ấy dậy; nếu kẻ bệnh có phạm tội, cũng sẽ được tha.*” (Gia-cơ 5:14-15).

9. Hỏi: Về lễ tang. Có phải nhờ làm lễ tang mà người chết được cứu không?

Đáp: Không! Lễ tang được thực hiện là hướng đến người sống, hướng đến tang quyến chứ không phải làm cho người chết được cứu. Vì ai tin Chúa Giê-xu thì được cứu, ai không tin Chúa Giê-xu thì bị hư mất. Do đó, nếu không tin Chúa thì dù có làm lễ tang cho lớn cũng bị hư mất. Người tin Chúa, dù trong trường hợp đặc biệt, chết mà không được làm lễ vẫn được cứu. Hãy xem trường hợp người trộm cướp bị đóng đinh bên cạnh Chúa Giê-xu mà chúng ta đã nhắc đến trong bài học trước. (Xem Kinh Thánh Lu-ca 23:40-43)

10. Hỏi: Thế thì tại sao mỗi lần có người chết, tang gia phải mời mục sư làm lễ tang?

Đáp: Làm lễ tang không phải cho người chết, mà lo cho người sống, mục đích của lễ tang là:

(1) An ủi tang gia.

“*Hỡi anh em, chúng tôi chẳng muốn anh em không biết về phần người đã ngủ, hầu cho anh em chớ buồn rầu như người khác không có sự trông cậy.*” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)

(2) Cảnh cáo mọi người khác chuẩn bị sẵn sàng cho ngày mình qua đời.

“*Nên người khác sửa soạn mà gặp Đức Chúa Trời người.*” (A-môt 4:12b)

(3) Qua lễ tang, kêu gọi tội nhân ăn năn.

(4) Khích lệ mọi người theo Chúa khi họ nhìn thấy người đã chết và nghĩ đến chính mình rồi cũng sẽ như vậy.

“Ta đã đánh trận tốt lành, đã xong sự chạy, đã giữ được đức tin. Hiện nay mả triều thiên của sự công bình đã để dành cho ta; Chúa là quan án công bình, sẽ ban mả ấy cho ta trong ngày đó, không những cho ta mà thôi, nhưng cũng cho mọi kẻ yêu mến sự hiện đến của Ngài.” (2 Ti-mô-thê 4:7-8).

“Người chớ ngại điều mình sẽ chịu khổ. Nay, ma quỷ sẽ quăng nhiều kẻ trong các người vào ngục, hầu cho các người bị thử thách; các người sẽ bị hoạn nạn trong mười ngày. Khả giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ cho người mả triều thiên của sự sống.” (Khải Huyền 2:10).

11. Hỏi: Có nên làm lễ tang cho tín hữu yếu đuối không? Tại sao?

Đáp: Nên làm, nếu được tang gia mời:

- Vì chúng ta không làm lễ cho ai được cứu, mà chỉ để an ủi, cảnh cáo, khích lệ tang gia và mọi người.
- Trong trường hợp này, người hành lễ không nên đề cập đến sự cứu rỗi linh hồn của người đã chết. Vì đó là việc riêng giữa Đức Chúa Trời và người ấy. Chỉ nên có sự tiếp xúc trực tiếp cho những người đang đứng trước mặt mình. Nhiều trường hợp như vậy đã thức tỉnh tang gia và đem họ đến sự ăn năn.

12. Hỏi: Tại sao người tin Chúa cũng chết như người không tin Chúa?

Đáp:

Lời Chúa đã cho biết trước: “Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét.” (Ê-bơ-rơ 9:27)

- Từ khi con người phạm tội, thì Kinh Thánh cho biết tiền công của tội lỗi là sự chết, chết thể xác và chết tâm linh.

Người tin Chúa không vượt qua công lệ đó và cũng phải chết thể xác, nhưng nhờ tin vào sự chết chuộc tội của Chúa Giê-xu, người tin Chúa được cứu khỏi sự chết tâm linh.

Sự chết thể xác của con người không phải là sự kết thúc, nó là điểm tận cùng của cuộc đời tạm thời tại trần gian, nhưng là khởi điểm của cuộc đời vĩnh cửu trên thiên đàng hay dưới địa ngục. Ai tin Chúa thì được cứu. Vì thế Kinh Thánh tuyên bố:

“Phước thay cho những người chết là chết trong Chúa” (Khải Huyền 14:13).

Sau khi chết, Cơ Đốc nhân bước vào một sự sống mới, sự sống đời đời với Chúa chúng ta trên thiên đàng, đó là phước hạnh của người chết trong Chúa.

Ôn lại câu gốc: “Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời.” (1 Phi-e-rơ 2:9)

Ước mong sau bài học này, chúng ta sẽ hiểu rõ về Hội Thánh, về các thánh lễ và nghi lễ, để khi sinh hoạt với Hội Thánh, chúng ta sẽ tham dự các Thánh lễ và nghi lễ với đầy đủ ý nghĩa.



Bài 12

SỨ MỆNH TRUYỀN BÁ PHÚC ÂM

Câu gốc: “Ngài phán cùng các sứ đồ rằng: Hãy đi khắp thế gian, giảng Tin Lành cho mọi người.” (Mác 16: 15).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Tại sao phải truyền bá Phúc Âm. (2) Kích lệ học viên làm chứng về Chúa cho gia đình, bạn bè. (3) Biết cách làm chứng về Chúa như thế nào.

1. Hỏi: Trước khi thăng thiên (về trời), Chúa truyền mệnh lệnh nào cho môn đồ?

Đáp: Trước khi thăng thiên Chúa truyền “Đại Mệnh lệnh” truyền bá Phúc Âm (giảng Tin Lành) cho mọi người. Đây là sứ mệnh quan trọng cho Hội Thánh, cả bốn sách Tin Lành và sách Công Vụ đều ghi lại mệnh lệnh này.

“Vây, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép Báp-tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi. Và này, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế.” (Ma-thi-ơ 28:19-20)

“Ngài phán cùng các sứ đồ rằng: Hãy đi khắp thế gian, giảng Tin Lành cho mọi người.” (Mác 16:15)

“Và người ta sẽ nhân Danh Ngài mà rao giảng cho dân các nước sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem.” (Lu-ca 24:47)

“Ngài lại phán cùng môn đồ rằng: Bình an cho các ngươi! Cha đã sai Ta thế nào, Ta cũng sai các ngươi thế ấy.” (Giăng 20:21)

“Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về Ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất.” (Công Vụ 1:8)

2. Hỏi: Lý do nào chúng ta phải truyền bá Phúc Âm (rao giảng Tin Lành)?

Đáp:

(1) Vì đây là “Đại Mệnh lệnh” Chúa truyền cho Hội Thánh trước khi thăng thiên. Chúng ta là con dân Chúa, phải tuân hành mệnh lệnh Chúa truyền, là phải truyền bá Phúc Âm cho những người khác.

(2) Bởi lòng biết ơn Chúa đã cứu chúng ta.

Sứ đồ Phao-lô thể hiện lòng biết ơn Chúa trong 1 Cô-rinh-tô 15:10: “Nhưng tôi nay là người thế nào, là nhờ ơn Đức Chúa Trời, và ơn Ngài ban cho tôi cũng không phải là uổng vậy. Trái lại, tôi đã làm nhiều việc hơn các người khác, nhưng nào phải tôi, bèn là ơn Đức Chúa Trời đã ở cùng tôi.”

Và ông nói tiếp trong Ga-la-ti 1:15-16: “Đức Chúa Trời, Đáng đã biệt riêng tôi từ trong lòng mẹ, và lấy ân điển gọi tôi, vui lòng bày tỏ Con Ngài cho tôi, để tôi rao truyền Tin Lành về Con Ngài giữa dân ngoại”.

Bởi lòng biết ơn Chúa đã cứu chuộc mình, mỗi chúng ta phải bày tỏ lòng biết ơn bằng cách rao truyền ơn cứu chuộc cho nhiều người.

(3) Bởi lòng yêu thương đối với những người còn đang hư mất.

“Hãy giải cứu những người bị đem vào chỗ chết; Hãy giữ lại những kẻ lảo đảo đi đến nơi hành hình. Nếu con nói: “Kìa, chúng tôi không biết điều này”. Thế thì Đáng cân nhắc lòng người không thấy sao? Đáng canh giữ linh hồn con không biết sao? Ngài sẽ báo trả cho loài người tùy theo việc họ làm.” (Châm Ngôn 24:11-12)

Chúng ta đã được cứu, nhưng chung quanh chúng ta còn rất nhiều người đang từng bước đi vào chỗ chết, trong đó có những người thân trong gia đình mình, xóm giềng, bạn bè mình...

Vì tình yêu thương những người đang còn hư mắt, mỗi chúng ta hãy hết lòng rao truyền ơn cứu rỗi của Chúa đến cho họ.

(4) Bởi sức sống mới bên trong thôi thúc (Giê-rê-mi 20:9).

Sứ đồ Phao-lô đã nói: “Tôi rao giảng Tin Lành, tôi chẳng có cơ gì để tự hào, vì tôi bị ràng buộc phải làm như vậy; nhưng, nếu tôi không rao giảng Tin Lành thì thật khôn khó cho tôi.” (1 Cô-rinh-tô 9:16)

Khi được cứu, chúng ta được Đức Thánh Linh tái tạo thành người mới, có sức sống mới của Chúa trong lòng. Chính sức sống mới đó thôi thúc chúng ta phải rao giảng Tin Lành cho đồng bào mình. Sứ đồ Phao-lô đã được sự thôi thúc đến mức ông nói: “Nếu tôi không rao giảng Tin Lành thì thật khôn khó cho tôi”. Ước mong mỗi chúng ta cũng có đồng tâm tình như Sứ đồ Phao-lô.

(5) Bởi lời hứa với Chúa trong thánh lễ Tiệc Thánh.

“Áy vậ, mỗi lần anh em ăn bánh này, uống chén này, thì rao sự chết của Chúa cho tôi lúc Ngài đến.” (1 Cô-rinh-tô 11:26)

Đó là những lý do chúng ta phải truyền bá Phúc Âm. Chúng ta có thể nhắc lại những lý do này:

- Vì đây là Đại Mệnh Lệnh Chúa truyền.
- Bởi lòng biết ơn Chúa đã cứu chúng ta.
- Bởi lòng yêu thương đối với những người còn đang hư mắt.
- Bởi sức sống mới bên trong thôi thúc.
- Và bởi lời hứa với Chúa trong thánh lễ Tiệc thánh

3. Hỏi: Công tác truyền bá Phúc Âm được thực hiện dưới những hình thức nào (bằng cách nào)?

Đáp: Có ít nhất 2 cách chủ yếu để truyền bá Phúc Âm (tức truyền bá Tin Lành. Phúc Âm có nghĩa là Tin Lành).

(1) Chung: Hội Thánh chung có các chương trình truyền giảng Tin Lành định kỳ, hoặc truyền giảng đặc biệt...

Trong những chương trình này, chúng ta có thể mời người thân, bạn bè, xóm giềng đến nghe truyền giảng Tin Lành.

(2) Riêng: Mỗi tín hữu thực hiện việc chứng đạo cá nhân.

Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta tiếp xúc với nhiều người. Đây là cơ hội cho chúng ta bày tỏ niềm tin và làm chứng cho họ để họ cũng có cơ hội được cứu như chúng ta.

4. Hỏi: Chúng ta nên bắt đầu làm chứng về Chúa khi nào?

Đáp: Ngay sau khi tin Chúa, chúng ta có thể nói về niềm tin của mình cho người khác ngay, và cứ tiếp tục làm chứng, bất luận gặp thời hay không gặp thời, cho đến khi Chúa tái lâm.

Vì làm chứng về Chúa là lời chứng cá nhân về những gì mình kinh nghiệm khi theo Chúa, nên không cần phải chờ đợi hay học hỏi gì hết mà mỗi chúng ta có thể bắt đầu ngay sau khi tin Chúa.

5. Hỏi: Chúng ta làm chứng như thế nào?

Đáp: Chứng đạo là việc làm tự nhiên như thuật lại câu chuyện của cuộc đời mình (Xem Công Vụ 26:2-29). Có thể làm chứng về:

- (1) Đời sống cũ trước khi tin Chúa. (Công Vụ 26:2-11)
- (2) Cơ hội đến với Chúa (tin Chúa). (Công Vụ 26:12-18)
- (3) Những biến đổi sau khi tin Chúa. (Công Vụ 26:19-29)

Chúng ta có thể kể lại trước đây tôi là người như thế nào? Tại sao tôi tin Chúa và theo đạo Tin Lành? Sau khi tin Chúa, tôi có những thay đổi tích cực nào? Những phước hạnh gì tôi nhận được từ nơi Chúa?... Sau đó kêu gọi người nghe quyết định tin Chúa hoặc mời họ đến nhà thờ tìm hiểu thêm.

6. Hỏi: Chúng ta phải làm chứng cho một người trong bao lâu?

Đáp:

- Chúng ta không nên làm chứng cách chiếu lệ, nhưng phải hết lòng. (Xem Lu-ca 15:3-10)

- Tuy nhiên, khi có nhiều người cần làm chứng, chúng ta phải đầu tư nhiều thì giờ vào những người có tâm lòng sẵn sàng đón nhận lời chứng của mình.

Nói chung, chúng ta nên kiên trì cầu nguyện cho họ, tiếp tục làm chứng khi có cơ hội, làm chứng bằng lời nói, làm chứng bằng cách tặng những quyển sách nhỏ chứng đạo giới thiệu về Tin Lành, làm chứng bằng cách mời họ đến nhà thờ trong những buổi truyền giảng, và cũng làm chứng bằng chính đời sống đổi mới của chúng ta nữa.

7. Hỏi: Sau khi đã làm chứng về Chúa cho một người, chúng ta phải tiếp tục làm gì?

Đáp:

- Với người cứng lòng: phải tiếp tục cầu nguyện và làm chứng thêm, hoặc giới thiệu cho người khác làm chứng.

Ê-sai 55:10-11: *“Và như mưa và tuyết xuống từ trên trời và không trở lại nữa, mà đượm nhuần đất đai, làm cho sinh ra và kết nụ, đặng có giống cho kẻ gieo, có bánh cho kẻ ăn, thì lời nói của ta cũng vậy, đã ra từ miệng ta, thì chẳng trở về luống nhưng, mà chắc sẽ làm trọn điều ta muốn, thuận lợi công việc ta đã sai khiến nó.”*

Chúng ta làm chứng, nhưng quyền năng của Đức Thánh Linh sẽ khuấy động trong lòng người nghe. Chúng ta tin rằng những gì mình đã gieo ra thì có ngày sẽ kết quả như Lời Chúa đã hứa.

- Với người có lòng muốn tìm hiểu: nên giới thiệu với những người trưởng thành thuộc linh để giảng giải thêm.

Chúng ta nên tặng cho họ những quyển sách chứng đạo nhỏ để tìm hiểu hay mời đến nhà thờ để nghe truyền giảng.

Rô-ma 10:17 “Đức tin đến bởi sự người ta nghe, mà người ta nghe, là khi lời của Đấng Cứu Thế được rao giảng.”

Hãy cứ hết lòng rao giảng về Chúa, đức tin sẽ có cơ hội đến với người nghe.

8. Hỏi: Khi có người bằng lòng tiếp nhận Chúa, chúng ta phải giúp họ cách nào?

Đáp:

- (1) Hướng dẫn họ cầu nguyện tin Chúa và tuyên xưng đức tin.

Nếu chúng ta không biết cách hướng dẫn thì nhờ mục sư hoặc những người tin Chúa lâu năm hướng dẫn. Có thể cầu nguyện ở nhà riêng hoặc ở nhà thờ, nhưng nên hướng dẫn cầu nguyện ngay, đừng để mất cơ hội cho anh chị em mình.

“Vậy nếu miệng anh em xưng Đức Chúa Giê-xu là Chúa và lòng anh em tin rằng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ cõi chết sống lại, thì anh em sẽ được cứu. Vì ai tin trong lòng thì được xưng công chính, và ai tuyên xưng nơi miệng thì được cứu rỗi.” (Rô-ma 10:9-10).

Vì vậy cần phải hướng dẫn cho người bằng lòng ăn năn tội, tiếp nhận Chúa tuyên xưng đức tin của mình để nhận được sự cứu rỗi như lời Chúa hứa.

- (2) Đức tin cần được nuôi dưỡng thì mới trưởng thành, nên rất cần hướng dẫn họ nhóm thờ phượng Chúa với Hội Thánh. Hướng dẫn người mới tin Chúa học giáo lý căn bản để họ sớm nhận Thánh lễ Báp-tem.
- (3) Tiếp tục chăm sóc cho đến khi họ tăng trưởng trong đức tin và kết quả cho Chúa để họ có khả năng tiếp tục công việc truyền bá Phúc Âm.

“Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp-têm cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi.” (Ma-thi-ơ 28:19-20).

Tóm lại, ngoài việc giúp cho anh em mình biết Chúa, tin Chúa để được cứu, còn phải tiếp tục chăm sóc để họ được trưởng thành, rồi họ cũng sẽ tiếp tục giúp đỡ người khác nữa.

9. Hỏi: Chúng ta phải làm chứng bắt đầu từ đâu?

Đáp: Phải bắt đầu tại nơi đang sống, nơi làm việc (Mác 5:19), và cứ tuần tự lan rộng mãi khắp nơi. Nói chung là bất cứ nơi nào thuận lợi nhất. (theo chiến lược ở Công Vụ 1:8 *“Nhưng khi Đức Thánh Linh giảng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta tại thành Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri, cho đến cùng trái đất.”*).

10. Hỏi: Ngoài công tác làm chứng, chúng ta còn phải làm gì cho việc truyền giáo của Hội Thánh?

Đáp: Để mở rộng nước Chúa, ngoài việc làm chứng về Chúa, chúng ta còn phải góp phần cho việc truyền giáo của Hội Thánh như sau:

- (1) Cầu nguyện cho việc truyền giáo. (Xem Kinh Thánh Công Vụ 4:29; Ê-phê-sô 6:18-19)
- (2) Góp phần dâng hiến tiền bạc cho công cuộc truyền giáo, và chương trình truyền giảng Hội Thánh.
- (3) Tích cực tham gia chương trình truyền giảng: dự nhóm truyền giảng, mời thân hữu đến dự truyền giảng...

Ôn lại câu gốc của bài học. †

PHẦN III

TƯƠNG LAI

Bài 13

THIÊN ĐÀNG VÀ HỎA NGỤC

Câu gốc: “Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở; bằng chẳng vậy, Ta đã nói cho các ngươi rồi, Ta đi sắm sẵn cho các ngươi một chỗ. Khi Ta đã đi, và đã sắm sẵn cho các ngươi một chỗ rồi, Ta sẽ trở lại đem các ngươi đi với Ta, hầu cho Ta ở đâu thì các ngươi cũng ở đó.” (Giăng 14:2-3).

Mục đích: Nhằm giúp học viên: (1) Biết Kinh Thánh dạy gì về Thiên đàng và Hỏa ngục. (2) Biết phải làm gì sau khi học lễ đạo này.

Câu gốc là lời hứa của Chúa Giê-xu trước khi Ngài thăng thiên. Chúa khẳng định Thiên đàng là một nơi có thật và Ngài ra đi để sắm sửa chỗ ở cho con dân Chúa trên thiên đàng. Khi chuẩn bị xong, Ngài sẽ trở lại (ngày Chúa trở lại gọi là ngày Chúa tái lâm), để tiếp rước con dân Chúa về ở với Ngài đời đời trên thiên đàng.

Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu Kinh Thánh dạy gì về thiên đàng và hỏa ngục.

1. Hỏi: Kinh Thánh cho biết Thiên đàng là gì?

Đáp: Thiên đàng là nhà của Đức Chúa Trời, là nơi ngự của Ngài. (Giăng 14:2-3)

Trong câu gốc, Chúa Giê-xu nói “Thiên đàng là nhà Cha Ta”, tức là nhà của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không phải ở trong một căn nhà như nhà chúng ta, nhưng Kinh Thánh dùng chữ “nhà” để chỉ về nơi Đức Chúa Trời ngự. Ngôn ngữ hạn hẹp của con người không đủ ngôn từ để chỉ về nơi Chúa ngự, nên tạm dùng chữ “nhà”.

2. Hỏi: Kinh Thánh cho biết Thiên đàng ở đâu?

Đáp: Thiên đàng ở trên trời.

“Chúa Hằng Hữu phán như vậy: Trời là nơi Ta, đất là bề chân Ta. Các ngươi sẽ xây nhà thế nào cho Ta? Các ngươi sẽ lấy nơi nào làm chỗ nghỉ ngơi cho Ta?” (Ê-sai 66:1)

“...là cơ nghiệp không hư đi, không ô uế, không suy tàn, để dành trong các tầng trời cho anh em, là kẻ bởi đức tin nhờ quyền phép của Đức Chúa Trời giữ cho, để được sự cứu rỗi gần hiện ra trong kỳ sau rốt!” (1 Phi-e-rơ 1:4-5)

“Trời” theo cách hiểu thông thường của con người có nhiều nghĩa. Khi chúng ta nói máy bay bay trên trời, thì “trời” là bầu trời mà chúng ta thấy. Khi nói trời mưa, trời nắng thì “trời” cũng có nghĩa là bầu trời với những đám mây hoặc có mặt trời chiếu rọi.

Khi Chúa nói “Trời là Nơi Ta” thì “trời” ở đây không phải là bầu trời, vì cả bầu trời lẫn vũ trụ này đều là tạo vật của Thiên Chúa, Nơi Chúa ngự chắc chắn không phải là những nơi đó. Ngôn ngữ hạn hẹp của con người thật khó tìm được một từ nào chính xác để diễn đạt nơi ngự của Đấng Tạo Hóa chí cao. Dùng ngôn ngữ hữu hạn để diễn tả về Đấng vô hạn chắc chắn không thể nào hoàn chỉnh được. Vì thế chúng ta có thể hiểu trời chính là nơi Chúa ngự, nơi mà Thánh Kinh gọi là Thiên Đàng vinh hiển. Đức Chúa Trời là Đấng vĩ đại, chắc chắn nơi ngự của Ngài cũng vô hạn vượt trí tưởng tượng của loài người.

3. Hỏi: Kinh Thánh cho biết Thiên đàng ra sao?

Đáp:

- Tại thiên đàng không có bệnh tật, chết chóc, nên cũng không có tang chế, khóc lóc, khổ đau.
- Tại đó không cần mặt trời, vì không có ban đêm, nhất là không có tội lỗi. Vì tại thiên đàng, vinh quang của Chúa ngập tràn.
- Thiên đàng có cuộc sống vĩnh cửu. Vì Thiên đàng không có ngày đêm như trái đất chúng ta, nên không có thời gian, nơi đó là hiện tại đời đời.

Khải Huyền 21:4 cho biết tại nơi Thiên Đàng *“Ngài sẽ lau ráo hết nước mắt khỏi mắt chúng, sẽ không có sự chết, cũng không có than khóc, kêu ca, hay là đau đớn nữa;” (xem thêm Khải Huyền 21:22-27).*

Chúng ta không thể hiểu rõ hết Thiên đàng, nhưng có thể biết được phần nào qua Kinh Thánh bày tỏ, đó là một nơi rất phước hạnh, có Chúa ở cùng và vinh quang Chúa chói lòa. Được ở nơi Thiên đàng đời đời với Chúa sau khi qua đời là một phước hạnh lớn lao của người theo Chúa, mỗi chúng ta có khao khát được ở Thiên đàng không?

4. Hỏi: Kinh Thánh cho biết ai được ở Thiên đàng?

Đáp:

Nhiều người nghĩ rằng chắc phải “tu” lâu năm, hay phải có chức sắc nào trong Hội Thánh mới được ở Thiên đàng. Không phải vậy. Kinh Thánh cho biết những đối tượng sau đây được ở Thiên đàng:

(1) Thiên sứ.

“Nhưng anh em đã tới gần núi Si-ôn, gần thành của Đức Chúa Trời Hằng Sống, tức là Giê-ru-sa-lem trên trời, gần muôn vàn thiên sứ nhóm lại.” (Ê-bơ-rơ 12:22)

(2) Những người tin Chúa Giê-xu và trung kiên theo Ngài đến cuối cùng.

“Khi Ta đã đi, và đã sẵn sẵn cho các ngươi một chỗ rồi, Ta sẽ trở lại đem các ngươi đi với Ta, hầu cho Ta ở đâu thì các ngươi cũng ở đó.” (Giăng 14:3)

“Khá giữ trung tín cho đến chết, rồi ta sẽ ban cho ngươi mã triều thiên của sự sống.” (Khải Huyền 2:10)

Vậy trên thiên đàng chỉ có thiên sứ và những ai đã tin Chúa Giê-xu và trung tín cho đến cuối cùng thì được ở với Chúa đời đời.

Con người tội lỗi và bất toàn như chúng ta không thể tu luyện hay làm bất cứ điều gì để đổi lấy Thiên đàng được, mà đây là sự ban cho của Chúa dành cho những ai thật lòng tin Chúa Giê-xu và cứ trung tín cho đến cuối cùng thì đương nhiên Chúa sẽ đem về ở Thiên đàng với Ngài.

5. Hỏi: Kinh Thánh cho biết Hỏa ngục là gì?

Đáp: Kinh Thánh cho biết hỏa ngục là một hồ lửa đời đời.

“Kể đó, Ngài sẽ phán cùng những người ở bên tả rằng: Hỡi kẻ bị rửa, hãy lui ra khỏi Ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và những quỷ sứ nó.” (Ma-thi-ơ 25:41)

6. Hỏi: Hỏa ngục được dành cho ai?

Đáp:

(1) Hỏa ngục để dành cho ma quỷ và quỷ sứ của nó.

“Còn ma quỷ là đũa đã đổ dành chúng, thì bị quăng xuống hồ lửa và diêm, trong đó đã có con thú và tiên tri giả rồi. Chúng nó sẽ phải chịu khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời.”

(Khải Huyền 20:10)

(2) Hỏa ngục để dành cho những người theo ma quỷ và các quỷ sứ của nó; những người khước từ ân sủng cứu rỗi trong Chúa Giê-xu.

“Ngài sẽ phán cùng những người ở bên tả rằng: Hỡi kẻ bị rửa, hãy lui ra khỏi ta; đi vào lửa đời đời đã sẵn sẵn cho ma quỷ và những quỷ sứ nó.” (Ma-thi-ơ 25:41)

Nhiều người nghĩ Đức Chúa Trời dựng Thiên đàng cho người tin nhận Chúa và dựng hỏa ngục cho người không tin Chúa. Đó là suy nghĩ sai lầm. Đức Chúa Trời dựng hỏa ngục không phải dành cho con người, nhưng dành cho ma quỷ và quỷ sứ của nó. Đức Chúa Trời không muốn con người ở đó, nhưng những ai khước từ ơn cứu rỗi của Chúa và theo ma quỷ thì sẽ về ở chung chỗ với chúng.

Chúng ta tin theo Chúa Giê-xu thì sẽ về ở chung chỗ với Ngài.

Đây là quyết định lựa chọn của mỗi người khi còn sống trên đất, mỗi chúng ta phải chịu trách nhiệm về quyết định lựa chọn của mình.

7. Hỏi: Hỏa ngục có thiêu hủy những kẻ ở trong đó không?

Đáp: Không! Họ bị đau đớn khôn cùng, nơi đó có nghiền răng và khóc lóc, họ muốn chết mà không chết được.

“...và quăng những người đó vào lò lửa, là nơi sẽ có khóc lóc và nghiền răng.” (Ma-thi-ơ 13:42)

“Trong những ngày đó, người ta sẽ tìm sự chết, mà không tìm được; họ sẽ ước ao chết đi mà sự chết tránh xa.” (Khải Huyền 9:6)

Như vậy, gọi là hỏa ngục nhưng lửa không thiêu hủy những kẻ ở trong đó, mà chỉ làm cho họ đau đớn ngày đêm, muốn chết vẫn không chết được. Tại hỏa ngục cũng sống đời đời, nhưng sống đời đời trong khóc lóc và nghiền răng.

8. Hỏi: Những người ở trong hỏa ngục phải chịu khổ hình bao lâu?

Đáp: Những người ở trong hỏa ngục bị khổ hình đời đời, vì tại nơi đó không có mặt trời nên không có ngày, giờ, tháng, năm gì cả.

“Chúng nó sẽ phải chịu khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời.” (Khải Huyền 20:10b).

Ở Thiên đàng cũng như hỏa ngục không có ngày đêm như ở trái đất, thời gian ở đó ngừng trôi, tất cả chỉ là hiện tại đời đời, nên ai ở hỏa ngục cũng sẽ không chết nhưng đau đớn đời đời. Thật là một nơi khủng khiếp và đáng sợ.

9. Hỏi: Người chết ngoài Chúa sẽ thế nào?

Đáp: Kinh Thánh cho biết họ bị khốn khổ nơi âm phủ, và cuối cùng thân xác sẽ sống lại để chịu hình phạt đời đời nơi hỏa ngục.

“Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài.” (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9)

“Tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn bé, đều đứng trước ngai, và các sách được mở ra. Một sách khác là sách sự sống cũng được mở. Những người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách. Biên giao lại những người chết mình chứa, sự chết và Âm phủ giao lại những người chết mình giữ, và mỗi người sẽ bị phán xét tùy theo công việc mình đã làm. Rồi sự chết và âm phủ bị ném xuống hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ hai. Người nào không được ghi tên vào sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa.” (Khải Huyền 20:12-15).

10. Hỏi: Phước hạnh của người chết trong Chúa là gì?

Đáp:

(1) Không bị đoán phạt bởi con thịnh nộ Đức Chúa Trời.

“Ai tin Con, thì được sự sống đời đời; ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu, nhưng con thanh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Giăng 3:36).

“Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Giê-xu Christ” (Rô-ma 8:1).

(2) Linh hồn được ở thiên đàng với Đấng Christ.

“Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở; nếu không phải vậy, thì sao Ta lại nói với các con, Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ? Khi Ta đi và đã chuẩn bị chỗ cho các con, thì Ta sẽ trở lại đem các con đi với Ta, để Ta ở đâu, thì các con cũng ở đó.” (Giăng 14:2-3)

(Xem thêm Lu-ca 23:42-43)

(3) Thân thể được sống lại cách vinh quang để được ban thưởng trước tòa án Đấng Christ, và được hưởng phước hạnh vĩnh cửu.

“Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài, y theo quyền phép Ngài có để phục muôn vật.” (Phi-líp 3:21)

“Thưa anh em, chúng tôi không muốn anh em không biết về những người đã ngủ, để anh em không đau buồn như người khác không có hy vọng. Vì nếu chúng ta tin Đức Chúa Giê-xu đã chết và sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những người ngủ trong Đức Chúa Giê-xu đến với Ngài. Đây là điều chúng tôi nhờ lời Chúa mà nói với anh em: Chúng ta là những người đang sống mà còn ở lại cho đến ngày Chúa quang lâm, thì sẽ không đi trước những người đã ngủ. Vì khi có hiệu lệnh ban ra, với tiếng gọi của thiên sứ trưởng, cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính Chúa từ trên trời sẽ giáng lâm. Bấy giờ, những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước tiên. Kế đến, chúng ta là người đang sống mà còn ở lại, sẽ cùng được cất lên với những người ấy trong đám mây để gặp Chúa tại không trung, và chúng ta sẽ ở với Chúa mãi mãi. Vậy, anh em hãy dùng những lời này mà an ủi nhau.” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18)

11. Hỏi: Lễ đạo này nhắc chúng ta điều gì?

Đáp: Trước hết bản thân mình phải khẳng định niềm tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu, và giữ vững niềm tin đó cho đến cuối cùng.

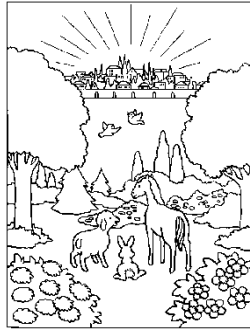
Đồng thời cũng nhắc chúng ta phải nhanh chóng đem sứ điệp cứu rỗi đến cho gia đình, bạn bè, đồng bào, đồng loại để họ không bị sa vào hỏa ngục.

Ôn lại câu gốc bài học này:

Câu gốc: “Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở; nếu không phải vậy, thì sao Ta lại nói với các con, Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ. Khi Ta đi và đã chuẩn bị chỗ cho các con, thì Ta sẽ trở lại đem các con đi với Ta, để Ta ở đâu, thì các con cũng ở đó.” (Giăng 14:2-3)

Phước hạnh cho người tin theo Chúa thật quá lớn lao, chẳng những trong hiện tại mà còn trong cõi vĩnh hằng. Thiên đàng đang chờ đón những ai bằng lòng tin theo Chúa và trung kiên cho đến cuối cùng. Ngược lại, những ai khước từ Chúa mà chạy theo ma quỷ, thì sẽ theo chúng về hỏa ngục chịu hình khổ đến đời đời.

Hãy giữ vững niềm tin trong Chúa và hết lòng rao tình yêu cứu rỗi của Chúa cho đồng bào để họ cũng được hưởng phước nơi Thiên đàng phước hạnh.



Bài 13

SỰ TÁI LÂM CỦA CHÚA GIÊ-XU

Câu gốc: “Này, Ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với Ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.” (Khải Huyền 22:12)

Mục đích: Nhằm giúp học viên (1) Biết lẽ đạo về Chúa Tái lâm. (2) Hiểu rõ tại sao đến nay Chúa chưa tái lâm. (3) Biết phải làm gì đang khi chờ đợi Chúa tái lâm.

Câu gốc là lời phán của Chúa Giê-xu, Ngài hứa sẽ nhanh chóng trở lại và đem theo phần thưởng để thưởng cho con cái Ngài tùy theo công việc của từng người đã làm.

Câu gốc cho biết Chúa Giê-xu hứa Ngài sẽ tái lâm nhanh chóng. Hôm nay chúng ta cùng nhau học bài học cuối của chương trình Giáo lý căn bản: “Sự Tái lâm của Chúa Giê-xu”.

1. Hỏi: Sự tái lâm của Chúa Giê-xu là gì?

Đáp: Sự tái lâm của Chúa Giê-xu là sự trở lại trần gian của Ngài.

“Cũng vậy, Đấng Christ đã dâng mình chỉ một lần để tẩy sạch tội lỗi của nhiều người; Ngài lại sẽ hiện ra lần thứ hai, không phải để tẩy sạch tội lỗi đi nữa, nhưng để ban sự cứu rỗi cho kẻ chờ đợi Ngài.” (Hê-bơ-rơ 9:28).

Lần thứ nhất Chúa Giê-xu đã đến trần gian qua sự giáng sinh, và lần thứ hai Chúa sẽ trở lại trần gian, đó là sự tái lâm. Chúa Giê-xu là Đấng Sống, Ngài đã thăng thiên và Ngài hứa sẽ trở lại, tức sẽ tái lâm.

2. Hỏi: Có chắc chắn Chúa sẽ tái lâm không?

Đáp: Rất chắc chắn! Vì những lý do sau:

- (1) Tân Ước đề cập đến việc Chúa tái lâm nhiều nhất; theo thống kê, thì trung bình cứ mỗi 25 câu thì có một câu nói về Chúa tái lâm.
- (2) Chúa Giê-xu đã nhiều lần thông qua cách dạy dỗ để nói về sự tái lâm của Ngài:
 - a. Chúa phán trực tiếp: “Ta sẽ trở lại.” (Giăng 14:3) (Giăng 14:3)
 - b. Chúa phán bằng thí dụ như lưới cá, ta-lâng, đầy tớ, nữ đồng trinh.
Chúa phán bằng ẩn ngữ như trong Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 17; 21.
- (3) Chúa đóng ấn lời phán của Ngài một cách chắc chắn.

“Trời đất sẽ qua, nhưng lời Ta nói chẳng bao giờ qua đi.” (Ma-thi-ơ 24:35)

(4) Kinh Thánh đã nói tiên tri về Chúa Giê-xu giáng sinh, chịu chết, sống lại và về trời, tất cả đều đã được ứng nghiệm đến từng chi tiết. Bây giờ, chỉ còn lại lời tiên tri về Chúa tái lâm, chắc chắn sẽ được ứng nghiệm như những lời tiên tri trước đó.

“Đáng làm chứng cho những điều ấy, phán rằng: Phái, Ta đến mau chóng. A-men, lạy Đức Chúa Giê-xu, xin hãy đến!” (Khải Huyền 22:20)

Vậy sự kiện Chúa Giê-xu tái lâm là điều chắc chắn sẽ xảy ra. Toàn thể tin đồ Cơ Đốc giáo trên toàn thế giới đều tin và trông chờ ngày Chúa trở lại.

3. Hỏi: Có biết ngày nào Chúa sẽ tái lâm hay không?

Đáp: Không.

Lý do thứ (1) Chúa Giê-xu khẳng định:

“Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết mà thôi... Hãy biết rõ, nếu người chủ nhà đã hay canh nào kẻ trộm sẽ đến, thì tỉnh thức, không để cho đào ngạch nhà mình. Vậy thì các ngươi cũng hãy chực cho sẵn, vì Con người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ.” (Ma-thi-ơ 24:36, 43-44)

Lý do thứ (2) Sứ đồ Phao-lô và Phi-e-rơ cũng nhắc Hội Thánh thời bấy giờ rằng ngày của Chúa đến sẽ thành linh như kẻ trộm trong ban đêm.

“Vì chính anh em biết rõ lắm rằng ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm trong ban đêm vậy.” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2)

“Song le, ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm. Bấy giờ các tầng trời sẽ có tiếng vang rầm mà qua đi, các thể chất bị đốt mà tiêu tán, đất cùng mọi công trình trên nó đều sẽ bị đốt cháy cả.” (2 Phi-e-rơ 3:10).

Không ai biết ngày giờ kẻ trộm “đến viếng” nhà mình, thì cũng vậy, không một ai có thể biết được ngày giờ Chúa tái lâm. Vì Kinh Thánh cho biết Ngài sẽ đến cách thành linh. Khi Kinh Thánh nói “ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm” thì có ý nhấn mạnh đến yếu tố bất ngờ, không ai biết trước.

Người ta đã từng đồn nhau Chúa tái lâm năm 2000, nhưng năm 2000 cũng đã qua đi. Rồi ngày tận thế là 2012, nhưng cũng trôi qua. Có người dự đoán Chúa tái lâm năm này, có vị giáo chủ tuyên bố Chúa sẽ tái lâm năm nọ. Nhưng căn cứ Lời Kinh Thánh, chúng ta khẳng định không một ai có thể biết ngày giờ Chúa tái lâm.

Chúng ta hãy vững tin vào Kinh Thánh vì là Lời Đức Chúa Trời, xin đừng tin vào những lời đồn đại hoặc lời của con người.

4. Hỏi: Chúa sẽ tái lâm cách nào?

Đáp:

(1) Chúa sẽ tái lâm trong vinh quang như lúc Ngài thăng thiên.

Khi Chúa Giê-xu thăng thiên, thiên sứ đã nói với những người đang nhìn theo rằng: *“Hỡi người Ga-li-lê, sao các ngươi đứng ngóng lên trời làm chi? Giê-xu này đã được cất lên trời khỏi giữa các ngươi, cũng sẽ trở lại như cách các ngươi đã thấy Ngài lên trời vậy.”* (Công Vụ 1:11)

(2) Chúa sẽ lấy đại quyền, đại vinh ngự trên mây trời mà đến với muôn vàn thiên sứ.

“Bấy giờ người ta sẽ thấy Con người lấy đại quyền đại vinh ngự đến trên đám mây; Ngài sẽ sai các thiên sứ đặt nhóm những kẻ được chọn ở bốn phương, từ đầu cùng đất cho đến đầu cùng trời.” (Mác 13:26-27).

Kinh Thánh cho biết Chúa Giê-xu sẽ tái lâm cách công khai, vinh quang, nhiều người sẽ nhìn thấy như họ đã trông thấy lúc Chúa thăng thiên vậy.

5. Hỏi: Chúa tái lâm để làm gì?

Đáp:

(1) Chúa sẽ khiến những người thuộc về Ngài từ thời A-đam cho đến ngày đó, đã chết, được sống lại khỏi phần mộ, rồi mặc cho họ một thân thể mới, đầy vinh quang.

“*Này là sự mâu nhiệm tôi tỏ cho anh em: Chúng ta không ngủ hết, nhưng hết thấy đều sẽ biến hóa, trong giây phút, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn chót; vì kèn sẽ thổi, kẻ chết đều sống lại được không hay hư nát, và chúng ta đều sẽ biến hóa.*” (1 Cô-rinh-tô 15:51-52).

“*Và, này là điều chúng tôi nhờ lời Chúa mà rao bảo cho anh em: chúng ta là kẻ sống, còn ở lại cho đến kỳ Chúa đến, thì không lên trước những người đã ngủ rồi. Vì sẽ có tiếng kèn lớn và tiếng của thiên sứ lớn cùng tiếng kèn của Đức Chúa Trời, thì chính mình Chúa ở trên trời giáng xuống; bấy giờ những kẻ chết trong Đấng Christ, sẽ sống lại trước hết.*” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:15-16).

(2) Chúa sẽ biến hóa thân thể của những người thuộc về Ngài còn đang sống làm cho họ vinh hiển tuyệt vời như Ngài. Rồi cất cả hai thành phần này lên không trung để gặp Chúa. Cuộc đoàn tụ vĩ đại, không tiền khoáng hậu đó được gọi là: “**LỄ CUỐI CHIÊN CON**”.

“*Nhưng chúng ta là công dân trên trời; ấy là từ nơi đó mà chúng ta trông đợi Cứu Chúa mình là Đức Chúa Cứu Thế Giê-xu, Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt chúng ta ra giống như thân thể vinh hiển Ngài, y theo quyền phép Ngài có để bắt phục muôn vật.*” (Phi-líp 3:20-21).

“*Kể đến chúng ta là kẻ sống, mà còn ở lại, sẽ cùng nhau đều được cất lên với những người ấy giữa đám mây, tại nơi không trung mà gặp Chúa, như vậy chúng ta sẽ ở cùng Chúa luôn luôn. Thế thì, anh em hãy dùng lời đó mà an ủi nhau.*” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17-18).

(3) Bấy giờ, chúng ta sẽ hưởng sự cứu rỗi trọn vẹn:

- LINH đã được cứu ngay khi tin Chúa.
- HỒN đang được cứu hằng ngày suốt cuộc đời theo Chúa.
- THÂN sẽ được cứu chính lúc đó.

“*Không những muôn vật thôi, lại chúng ta, là kẻ có trái đầu mùa của Đức Thánh Linh, cũng than thở trong lòng, đang khi trông đợi sự làm con nuôi, tức là sự cứu chuộc thân thể chúng ta vậy.*” (Rô-ma 8:23)

(4) Sau đó, Chúa lên tòa lớn và trắng đoán xét những kẻ không thuộc về Ngài.

“*Bấy giờ tôi thấy một tòa lớn và trắng cùng Đấng đương ngồi ở trên; trước mặt Ngài trời đất đều trốn hết, chẳng còn thấy chỗ nào cho nó nữa. Tôi thấy những kẻ chết, cả lớn lẫn nhỏ, đứng trước tòa, và các sách thì mở ra. Cũng có mở một quyển sách khác nữa, là sách sự sống; những kẻ chết bị xử đoán tùy công việc mình làm, cứ như lời đã biên trong những sách ấy.*” (Khải Huyền 20:11-12)

- Vậy, Chúa tái lâm là hy vọng lớn lao nhất của chúng ta, là những người tin theo Chúa.

“*Nếu chúng ta chỉ có sự trông cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ khốn nạn hơn hết.*” (1 Cô-rinh-tô 15:19).

Hiện nay chúng ta đang sống trên đất, trong chúng ta ít nhiều cũng bị khiếm khuyết về thân thể, đau ốm, bệnh tật, thậm chí có nhiều người khiếm thị, khuyết tật, khiếm thính v.v... Nhưng trong ngày cuối cùng, thân thể của chúng ta sẽ biến hóa cách vinh quang cho phù hợp với thiên đàng, vì tại đó không còn khóc lóc hay bệnh tật nữa. Hãy tin và trông chờ Chúa tái lâm, vì Ngài hứa: “Ta đến mau chóng”.

6. Hỏi: Tại sao đến nay Chúa chưa tái lâm?

Đáp:

- Chúa hứa đến mau chóng.

“*Này, Ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với Ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.*” (Khải Huyền 22:12).

- Sứ đồ Phao-lô quả quyết: “*Ngày Chúa đến gần rồi.*”

“*Hãy cho mọi người đều biết nét nhu mì của anh em. Chúa đã gần rồi.*” (Phi-líp 4:5).

- Ông Gia-cơ cũng quả quyết “*Anh em cũng vậy, hãy nhịn nhục và bền lòng; vì kỳ Chúa đến gần rồi.*” (Gia-cơ 5:8).

- Tác giả thơ Hê-bơ-ơ cũng khẳng định: “*Chúa không đến chậm trễ.*”

“*Còn ít lâu, thật ít lâu nữa, thì Đấng đến sẽ đến; Ngài không chậm trễ đâu.*” (Hê-bơ-ơ 10:37).

- Nhưng vì sao Chúa chưa đến? Kinh Thánh cho biết vì lòng nhân từ, nhân nại, Ngài chờ đợi tội nhân ăn ăn.

Lời Chúa trong 2 Phi-e-rơ 3:9 trả lời: *“Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như mấy người kia tưởng đâu, nhưng Ngài lấy lòng nhân nhượng đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn”*.

- Vì vậy, khi chúng ta nghĩ rằng Chúa không trở lại, hay Chúa chậm trễ thì đó là một cảm dỗ hiển nhiên mà ma quỷ gieo vào suy nghĩ của chúng ta.

“Nếu, trái lại, là một đầy tớ xấu, nó nghĩ thầm rằng: Chủ ta đến chậm, bèn đánh kẻ cùng làm việc với mình, và ăn uống với phường say rượu, thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không ngờ và giờ nó không biết. Chủ sẽ đánh xé xương và định phần nó đồng với kẻ giả hình. Đó là nơi sẽ có khóc lóc và nghiến răng.” (Ma-thi-ơ 24:48-51).

7. Hỏi: Chúng ta phải làm gì đang khi chờ đợi Chúa tái lâm?

Đáp:

Chúa chưa tái lâm vì Ngài lấy lòng nhân nhượng đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn. Trong tinh thần đó, chúng ta phải làm gì?

- (1) Phải có lòng sốt sắng giảng Tin Lành.

“Tin Lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến.” (Ma-thi-ơ 24:14).

- (2) Hãy thức tỉnh trong cách ăn ở hằng ngày (xem Rô-ma 13:1-14).

- (3) Hãy sốt sắng phục vụ Chúa.

“Vây, hỡi anh em yêu dấu của tôi, hãy vững vàng chớ rúng động, hãy làm công việc Chúa cách dured luôn, vì biết rằng công khó của anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu.” (1 Cô-rinh-tô 15:58).

Chúa Giê-xu tái lâm là một hy vọng lớn cho con cái Chúa. Chúng ta đang sống những ngày trên đất nhưng hướng về trên trời chờ đợi Chúa trở lại để ban thưởng và tiếp rước chúng ta về ở với Ngài.

Mong mỗi chúng ta hãy sốt sắng rao truyền Tin Lành để nhiều người được cứu trong ngày Chúa tái lâm.

Chúng ta cùng nhau đọc lại câu gốc của bài học:

Câu gốc: “Này, Ta đến mau chóng, và đem phần thưởng theo với Ta, để trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.” (Khải Huyền 22:12)



PHỤ LỤC

I. TÓM TẮT MƯỜI ĐIỀU RĂN *(Học thuộc lòng)*

- **Điều răn thứ nhất:** Trước mặt Ta ngươi chớ có các thần khác.
- **Điều răn thứ hai:** “Ngươi chớ làm hình tượng và cũng chớ thờ hình tượng.”
- **Điều răn thứ ba:** “Ngươi chớ lấy Danh Chúa mà làm chơi.”
- **Điều răn thứ tư:** “Hãy nhớ ngày nghỉ đặng làm nên ngày thánh.”
- **Điều răn thứ năm:** “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi”
- **Điều răn thứ sáu:** “Ngươi chớ giết người”
- **Điều răn thứ bảy:** “Ngươi chớ phạm tội tà dâm”
- **Điều răn thứ tám:** “Ngươi chớ trộm cướp”
- **Điều răn thứ chín:** “Ngươi chớ nói chứng dối”
- **Điều răn thứ mười:** “Ngươi chớ tham lam”

II. BÀI CẦU NGUYỆN CHUNG *(Học thuộc lòng)*

Lạy Cha chúng con ở trên trời. Danh Cha được tôn thánh. Nước Cha được đến. Ý Cha được nên, ở đất như trời. Xin cho chúng con hôm nay đủ ăn đủ ngày. Xin tha tội cho chúng con, như chúng con tha cho kẻ phạm tội nghịch cùng chúng con. Xin chớ để chúng con bị cám dỗ. Mà cứu chúng con khỏi điều ác. Vì Nước, Quyền, Vinh Hiển đều thuộc về Cha đời đời. A-men. (Ma-thi-ơ 6:9-13)

III. BÀI TÍN ĐIỀU CÁC SỨ ĐỒ *(Học thuộc lòng)*

“Tôi tin Đức Chúa Trời toàn năng là Cha, là Đấng dựng nên trời đất.

Tôi tin Giê-xu Christ, là Con độc sinh của Đức Chúa Trời, và Chúa chúng ta. Ngài được thai dựng bởi Thánh Linh, sinh bởi nữ đồng trinh Ma-ri, chịu thương khó dưới tay Bôn-xơ Phi-lát, bị đóng đinh trên cây thập tự, chịu chết và chôn, Ngài xuống Âm Phủ, đến ngày thứ ba, Ngài từ kẻ chết sống lại, Ngài thăng thiên, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời toàn năng, là Cha. Từ đó, Ngài sẽ trở lại để xét đoán kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin Thánh Linh.

Tôi tin Hội Thánh phổ thông, sự cảm thông của thánh đồ, sự tha tội, sự sống lại của thân thể và sự sống đời đời. A-men”.

BÀI HÁT HA-LÊ-LU-GIA (Điệp khúc Thánh ca số 220)

Ha-lê-lu-gia! Kính khen Giê-xu, Ha-lê-lu-gia! A-men, Ha-lê-lu-gia! Kính khen Giê-xu, đức dầy chúng con hoài, A-men.

BÀI HÁT TÔN VINH CHÂN THẦN (Thánh ca số 23)

Tôn vinh Chân Thần nguồn ơn vô đối. Dưới đất chúng con cùng hát khắp nơi. Trời cao cũng chung ca ngợi Ba Ngôi. Chúa Cha và Con với Linh muôn đời. A-men!

